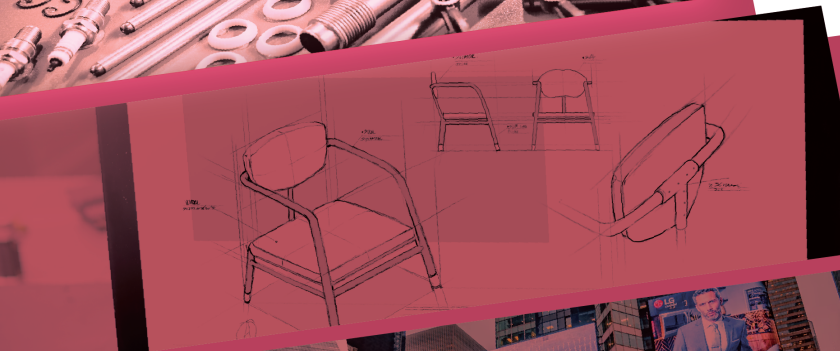


SÁNG TẠO TƯƠNG LAI

Tài liệu hướng dẫn bảo hộ sáng chế
dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa



MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	6
BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ.....	8
1. BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ LÀ GÌ ?.....	9
2. SÁNG CHẾ LÀ GÌ ?.....	12
3. TẠI SAO CẦN PHẢI CÂN NHẮC VIỆC BẢO HỘ SÁNG CHẾ CỦA BẠN ?...	13
4. CÔNG CỤ PHÁP LÝ NÀO SẴN CÓ ĐỂ BẢO VỆ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP ?	15
5. NẾU SÁNG CHẾ CÓ KHẢ NĂNG CẤP BẰNG, BẠN CÓ NÊN NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ BẢO HỘ ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ ?	16
6. NHỮNG GÌ CÓ THỂ ĐƯỢC CẤP BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ ?	18
7. ĐỐI TƯỢNG NÀO ĐƯỢC BẢO HỘ SÁNG CHẾ ?.....	20
8. CÁCH THỨC SÁNG CHẾ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ LÀ MỚI ?.....	21
9. KHI NÀO SÁNG CHẾ ĐƯỢC XEM LÀ CÓ “TRÌNH ĐỘ SÁNG TẠO” ?.....	22
10. “KHẢ NĂNG ÁP DỤNG CÔNG NGHIỆP” LÀ GÌ ?.....	23
11. YÊU CẦU BỘC LỘ LÀ GÌ ?.....	23
12. NỘI DUNG QUYỀN ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ ?.....	24
13. AI LÀ TÁC GIẢ SÁNG CHẾ VÀ AI LÀ CHỦ SỞ HỮU CÁC QUYỀN ĐỐI VỚI BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ ?	25
CÁCH THỨC XÁC LẬP QUYỀN ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ	27
14. BẠN NÊN BẮT ĐẦU TỪ Đâu ?	28
15. BẠN CÓ THỂ TIẾN HÀNH TRA CỨU TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT Ở Đâu VÀ BẰNG CÁCH NÀO ?	28
16. CÁCH THỨC NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ BẢO HỘ SÁNG CHẾ?.....	31
17. CHI PHÍ ĐỂ ĐƯỢC CẤP BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ LÀ BAO NHIÊU ?.....	34

18. KHI NÀO NÊN NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ?.....	35
19. VIỆC GIỮ BÍ MẬT SÁNG CHẾ TRƯỚC KHI NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ QUAN TRỌNG NHƯ THẾ NÀO ?	36
20. “THỜI GIAN ÂN HẠN” LÀ GÌ ?.....	37
21. NỘI DUNG CỦA ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ ?.....	38
22. MẤT BAO LÂU ĐỂ CÓ ĐƯỢC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ?	39
23. SÁNG CHẾ ĐƯỢC BẢO HỘ TỪ KHI NÀO ?	39
24. THỜI HẠN BẢO HỘ SÁNG CHẾ KÉO DÀI BAO LÂU ?	40
25. CÓ CẦN ĐẠI DIỆN SÁNG CHẾ ĐỂ NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ KHÔNG ?	41
26. CÓ THỂ ĐĂNG KÝ BẢO HỘ CHO NHIỀU SÁNG CHẾ THÔNG QUA MỘT ĐƠN DUY NHẤT KHÔNG ?	42
ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ Ở NƯỚC NGOÀI	43
27. TẠI SAO CẦN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ Ở NƯỚC NGOÀI?.....	44
28. KHI NÀO NÊN NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ BẢO HỘ SÁNG CHẾ Ở NƯỚC NGOÀI ?	44
29. NÊN BẢO HỘ Ở Đâu ?	45
30. NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ BẢO HỘ SÁNG CHẾ Ở NƯỚC NGOÀI NHƯ THẾ NÀO ?	48
THƯƠNG MẠI HÓA CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐƯỢC BẢO HỘ SÁNG CHẾ	51
31. THƯƠNG MẠI HÓA CÔNG NGHỆ ĐƯỢC BẢO HỘ SÁNG CHẾ NHƯ THẾ NÀO?	52
32. LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐƯA MỘT SẢN PHẨM ĐƯỢC BẢO HỘ SÁNG CHẾ RA THỊ TRƯỜNG ?	52
33. CÓ THỂ BÁN SÁNG CHẾ ĐƯỢC KHÔNG ?.....	54
34. CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG (LI-XĂNG) SÁNG CHẾ NHƯ THẾ NÀO ?	55

35. MỨC PHÍ LI-XĂNG CÓ THỂ ĐƯỢC KỶ VỌNG LÀ BAO NHIÊU ?.....	56
36. SỰ KHÁC BIỆT GIỮA LI-XĂNG ĐỘC QUYỀN, KHÔNG ĐỘC QUYỀN VÀ DUY NHẤT LÀ GÌ ?.....	57
37. BẠN NÊN CẤP LI-XĂNG ĐỘC QUYỀN HAY KHÔNG ĐỘC QUYỀN ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ CỦA MÌNH ?.....	57
38. KHI NÀO LÀ THỜI ĐIỂM THÍCH HỢP NHẤT ĐỂ CẤP LI-XĂNG SÁNG CHẾ ?.....	57
39. LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG SÁNG CHẾ CỦA ĐỐI THỦ CẠNH TRANH ?.....	58
THỰC THI QUYỀN ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ.....	60
40. TẠI SAO CẦN THỰC THI QUYỀN ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ ?.....	61
41. AI CÓ TRÁCH NHIỆM THỰC THI QUYỀN ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ ?.....	62
42. BẠN NÊN LÀM GÌ KHI SÁNG CHẾ CỦA BẠN BỊ NGƯỜI KHÁC SỬ DỤNG MÀ KHÔNG XIN PHÉP ?.....	63
43. CÓ NHỮNG LỰA CHỌN NÀO ĐỂ GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC XÂM PHẠM NGOÀI TÒA ÁN ?.....	65
PHỤ LỤC.....	67
PHỤ LỤC I - CÁC TRANG WEB HỮU ÍCH.....	68
PHỤ LỤC II - BẢNG CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ.....	69
PHỤ LỤC III - NHỮNG LẦM TƯỞNG VÀ HIỂU LẦM VỀ BẢNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ.....	75

LỜI MỞ ĐẦU



Đây là tài liệu thứ ba trong loạt tài liệu hướng dẫn về sở hữu trí tuệ dành cho doanh nghiệp. Tài liệu này tập trung vào sáng chế, một công cụ quan trọng nhằm nâng cao khả năng của doanh nghiệp để đạt được lợi ích tối đa từ những ý tưởng công nghệ mới.

Việc quản lý các nguồn tri thức, đặc biệt là các ý tưởng và khái niệm mới, có ý nghĩa quan trọng đối với mọi doanh nghiệp trong việc thay đổi, thích ứng và nắm bắt cơ hội mới khi tham gia cạnh tranh trong một môi trường kinh doanh đang thay đổi nhanh chóng.

Trong nền kinh tế tri thức ngày nay, hầu hết các doanh nghiệp dựa vào việc cải tiến công nghệ đều cần phải coi việc bảo hộ sáng chế là yếu tố then chốt trong chiến lược kinh doanh của mình. Tài liệu hướng dẫn này giải thích một cách đơn giản và thực tế về lợi ích trong kinh doanh của hệ thống bằng sáng chế đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp. Cùng với việc tham khảo ý kiến của chuyên gia sáng chế để tiến hành đăng ký bảo hộ, khai thác hoặc thực thi quyền đối với sáng chế, tài liệu hướng dẫn này cung cấp các thông tin thiết thực giúp độc giả hiểu được những vấn đề cơ bản và nêu ra các câu hỏi phù hợp khi trao đổi với chuyên gia.

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) được khuyến khích sử dụng tài liệu hướng dẫn này để tích hợp công nghệ và chiến lược sáng chế vào chiến lược tổng thể về kinh doanh, tiếp thị và xuất

khẩu của mình.

Ấn phẩm này là bản dịch và được biên tập lại từ Tài liệu hướng dẫn được biên soạn và cung cấp theo giấy phép Tài sản sáng tạo công cộng của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc về các vấn đề đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ (SHTT). Tài liệu hướng dẫn này giới thiệu toàn diện về sáng chế. Các ấn phẩm khác của WIPO được đề cập ở dạng văn bản có thể được tải xuống từ www.wipo.int/publications và nguồn tài liệu học tập điện tử IP PANORAMATM tại www.wipo.int/sme/en/multimedia. Tất cả các tài liệu này đều miễn phí. Tuy nhiên, tài liệu hướng dẫn này cũng như các tài liệu khác được đề cập đều không thể thay thế cho những tư vấn pháp lý chuyên nghiệp.

BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ



1. BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ LÀ GÌ ?

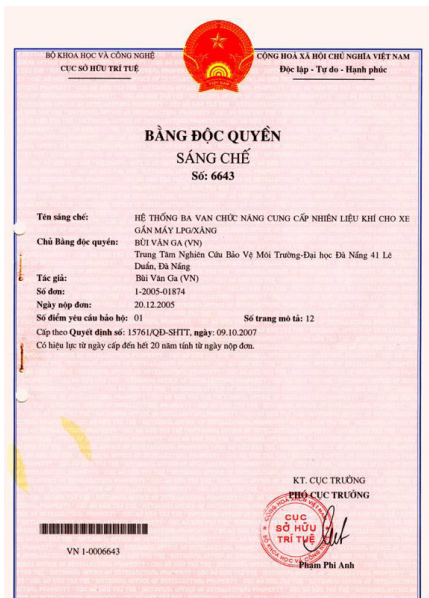
Bằng độc quyền sáng chế là quyền độc quyền được Nhà nước cấp cho một **sáng chế có tính mới, có trình độ sáng tạo** và có **khả năng áp dụng công nghiệp**.

Bằng độc quyền sáng chế trao cho chủ sở hữu quyền hợp pháp để ngăn chặn người khác chế tạo, sử dụng, chào bán, bán hoặc nhập khẩu sản phẩm hoặc quy trình dựa trên sáng chế được bảo hộ.

Bằng độc quyền sáng chế là một **công cụ kinh doanh hữu hiệu** để đạt được sự độc quyền đối với một sản phẩm hoặc quy trình mới trong việc tạo dựng một vị trí vững chắc trên thị trường hoặc tìm kiếm doanh thu thông qua việc chuyển giao quyền sử dụng (li-xăng). Một sản phẩm phức tạp như máy ảnh, điện thoại di động hoặc ô tô có thể tích hợp nhiều sáng chế đã được bảo hộ thuộc sở hữu của nhiều chủ sở hữu khác nhau.

Bằng độc quyền sáng chế được cấp bởi **Cơ quan sáng chế quốc gia** của một quốc gia hoặc **Cơ quan sáng chế khu vực** đại diện cho một nhóm các quốc gia. Tại Việt Nam, Cục Sở hữu trí tuệ trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan tiếp nhận, xử lý đơn đăng ký sáng chế và cấp Bằng độc quyền sáng chế cho những sáng chế đáp ứng các điều kiện bảo hộ. Bằng độc quyền sáng chế có hiệu lực trong một thời hạn nhất định, thường là **20 năm** kể từ ngày nộp đơn đăng ký sáng chế, với điều kiện là phí duy trì hiệu lực hằng năm phải được nộp

đúng hạn. Bằng độc quyền sáng chế là **một quyền có tính lãnh thổ**, bị giới hạn bởi ranh giới địa lý của quốc gia hoặc khu vực liên quan. Bằng độc quyền sáng chế do Cục Sở hữu trí tuệ cấp chỉ có hiệu lực trên lãnh thổ Việt Nam.



Trang đầu bằng độc quyền sáng chế số 6643

Để đổi lại quyền độc quyền được cấp cho sáng chế, người nộp đơn được yêu cầu **bộc lộ sáng chế** cho công chúng thông qua việc cung cấp bản mô tả bằng văn bản một cách chi tiết, chính xác và đầy đủ về sáng chế trong đơn đăng ký sáng chế (xem Mục 11). Bằng độc quyền sáng chế được cấp và ở nhiều quốc gia cả đơn đăng ký sáng chế cũng được công bố công khai trên tạp chí hoặc công báo chính thức.

Ngoài ra, có thể tra cứu các thông tin công bố của sáng chế liên quan trên cơ sở dữ liệu của các quốc gia.

ISSN 0868 - 2534

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CÔNG BÁO
SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP
TẬP B

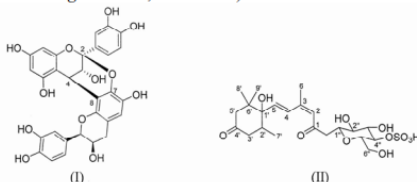
QUYỂN 1: SÁNG CHẾ; GIẢI PHÁP HỮU ÍCH;
THIẾT KẾ BỐ TRÍ MẠCH TÍCH HỢP BÁN DẪN

09 - 2021

402

Công báo Sở hữu công nghiệp liên quan đến sáng chế, giải pháp hữu ích,
thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn

- (11) **1-0025697 B** (15) 28/08/2020
 (45) 26/10/2020 391B (43) 25/06/2019 375A
 (21) 1-2019-02170
 (22) 26/04/2019
 (51) **C07C 45/78**
 (73) **TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI (VN)**
 Số 1 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
 (72) Trần Thu Hương (VN); Lê Huyền Trâm (VN); Trần Thị Minh (VN); Nguyễn Văn Thông (VN); Nguyễn Tuấn Anh (VN); Nguyễn Hoàng Minh (VN); Trần Thương Quảng (VN); Nguyễn Thị Minh Tú (VN); Nguyễn Tiên Đạt (VN); Trần Thu Hà (VN); Hà Mạnh Tuấn (VN); Nguyễn Thị Hiền (VN); Phạm Thị Hồng Phương (VN)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP CHIẾT TÁCH CÁC HỢP CHẤT PROANTHOCYANIDIN A2 VÀ 4-O-SULFO-BETA-D-GLUCOPYRANOSYL ABSCIAT TỪ VỎ QUẢ MĂNG CỤT (GARCINIA MANGOSTANA L., CLUSIACEAE) BẰNG VIỆC SỬ DỤNG ENZYM**
 (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp chiết tách các hợp chất proanthocyanidin A2 có công thức (I) và 4-O-sulfo-β-D-glucopyranosyl absciat có công thức (II) từ vỏ quả Măng cụt (*Garcinia mangostana* L., Clusiaceae):



Phương pháp chiết tách theo sáng chế có sử dụng enzym Pectinex Ultra SP-L được cung cấp bởi hãng Novozyme (Đan Mạch) ở giai đoạn đầu của quá trình chiết mẫu vỏ quả măng cụt nên hiệu quả phân tách cao, cho phép phân lập được hai hợp chất proanthocyanidin A2 có công thức (I) và 4-O-sulfo-β-D-glucopyranosyl absciat có công thức (II) tinh khiết ra khỏi hỗn hợp gồm rất nhiều chất từ dịch chiết nước phan cụt.

Bằng độc quyền sáng chế số 25697 được công bố trên
 Công báo Sở hữu công nghiệp

Sức mạnh của đổi mới sáng tạo

Việc hiểu rõ sự khác biệt giữa “sáng chế” và “đổi mới sáng tạo” có ý nghĩa rất quan trọng. Trong tài liệu hướng dẫn này, từ **đổi mới sáng tạo** được sử dụng để chỉ quá trình **tạo ra một sản phẩm thương mại từ một sáng chế**. Nói cách khác, một sáng chế tạo ra một thứ gì đó mới ra đời, trong khi đổi mới sáng tạo mang một thứ gì đó mới **vào sử dụng**.

Theo đó, các tiêu chuẩn kỹ thuật được sử dụng để xác định sự thành công của một sáng chế, trong khi các tiêu chuẩn về thương mại được sử dụng để xác định sự thành công của đổi mới sáng tạo. Sáng chế được tạo ra khi giải pháp kỹ thuật cho một vấn đề đáp ứng các yêu cầu pháp lý cụ thể để được bảo hộ. Còn đổi mới sáng tạo có thể có hoặc không dựa trên các ý tưởng có khả năng được

bảo hộ sáng chế.

Một số lý do chính khiến các doanh nghiệp quan tâm đến đổi mới công nghệ bao gồm:

- cải tiến quy trình sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí và tăng năng suất;
- giới thiệu các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng;
- duy trì khả năng cạnh tranh và/hoặc mở rộng thị phần;
- đảm bảo rằng công nghệ được phát triển để đáp ứng các nhu cầu thực tế và đang phát sinh của doanh nghiệp và khách hàng; và
- ngăn ngừa sự phụ thuộc về công nghệ vào công nghệ của các doanh nghiệp khác.

Trong nền kinh tế ngày nay, việc quản lý các đổi mới công nghệ đòi hỏi phải có kiến thức tốt về hệ thống sáng chế để đảm bảo rằng doanh nghiệp thu được lợi ích tối đa từ năng lực đổi mới và khả năng sáng tạo của mình, thiết lập quan hệ đối tác có lợi với các chủ sở hữu sáng chế khác và tránh việc sử dụng trái phép công nghệ do người khác sở hữu.

Trước đây, các doanh nghiệp tự quản lý việc phát triển các sáng chế nội bộ của họ. Phương pháp đổi mới “khép kín” này đảm bảo rằng doanh nghiệp có toàn quyền kiểm soát quá trình sáng tạo của mình và chỉ dựa vào sự phát triển ý tưởng của chính mình để đạt được thành công trên thị trường. Ngược lại,

phương pháp đổi mới “mở” thừa nhận rằng việc chỉ độc lập phát triển các sáng chế trong nội bộ doanh nghiệp không tận dụng được lợi thế của các chuyên gia bên ngoài, các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo khác và tiềm lực khổng lồ của hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) trên thế giới. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên ghi nhớ khái niệm đổi mới “mở” khi phát triển chiến lược kinh doanh của mình. Nếu các ý tưởng được tiếp cận trong khuôn khổ môi trường đáng tin cậy thông qua việc áp dụng các nguyên tắc quản lý bí mật kinh doanh làm cho lợi nhuận có thể thu được nhiều hơn, rủi ro giảm xuống và tiết kiệm thời gian đưa ra thị trường thì khái niệm đổi mới sáng tạo “mở” là rất có giá trị.

2. SÁNG CHẾ LÀ GÌ ?

Sáng chế thường được định nghĩa trong luật sáng chế là một **giải pháp mới và có tính sáng tạo cho một vấn đề kỹ thuật**.

Sáng chế có thể liên quan đến việc tạo ra một thiết bị, sản phẩm, phương pháp hoặc quy trình hoàn toàn mới hoặc có thể đơn giản là một **sự cải tiến bổ sung cho một sản phẩm hoặc quy trình đã biết**. Việc chỉ đơn thuần phát hiện ra thứ gì đó đã tồn tại trong tự nhiên thường không đáp ứng điều kiện là một sáng chế; sáng chế cần bao gồm sự khéo léo, tính sáng tạo của con người ở mức độ đáng kể.

Trong khi hầu hết các sáng chế là kết quả của những nỗ lực đáng kể và việc đầu tư dài hạn vào R&D thì cũng có

rất nhiều cải tiến kỹ thuật đơn giản và không tốn nhiều chi phí đã mang lại thu nhập và lợi nhuận đáng kể cho các tác giả sáng chế hoặc doanh nghiệp của họ

3. TẠI SAO CẦN PHẢI CÂN NHẮC VIỆC BẢO HỘ SÁNG CHẾ CỦA BẠN ?

Tính độc quyền có được từ bằng sáng chế cung cấp có thể tạo ra sự khác biệt giữa thành công và thất bại trong môi trường kinh doanh năng động và đầy thách thức, rủi ro.

Các lý do chính để bảo hộ sáng chế bao gồm:

- **Ngăn cản người khác được cấp bằng độc quyền sáng chế.** Bằng việc có được bằng độc quyền sáng chế, chủ sở hữu bằng sáng chế sẽ có thể ngăn người khác nhận bằng độc quyền sáng chế cho cùng một sáng chế ở bất kỳ đâu trên thế giới.

- **Tăng cường vị thế trên thị trường.** Bằng độc quyền sáng chế trao cho chủ sở hữu quyền độc quyền ngăn chặn người khác sử dụng sáng chế đã được bảo hộ, do đó làm giảm sự bất ổn, rủi ro và cạnh tranh từ những kẻ chiếm đoạt và bắt chước. Quyền đối với một sáng chế đã được bảo hộ có thể gây khó khăn hơn cho các đối thủ cạnh tranh mới thâm nhập thị trường. Điều này sẽ giúp kéo dài thời gian dẫn trước và cho phép chủ sở hữu bằng sáng chế thiết lập vị thế vững chắc hơn.

- **Tăng lợi nhuận hoặc lợi tức đầu tư.** Nếu doanh nghiệp đã đầu tư đáng kể vào R&D, việc bảo hộ sáng chế có thể giúp thu hồi chi phí đó và tăng lợi tức đầu tư.

- **Kiểm thêm thu nhập từ việc chuyển giao quyền sử dụng (li-xăng).** Chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế có thể li-xăng quyền sử dụng sáng chế cho người khác để đổi lấy các khoản thanh toán trọn gói và/hoặc các khoản tiền làm lợi liên tục (phí li-xăng định kỳ). Việc bán (hoặc chuyển nhượng) sáng chế là chuyển giao quyền sở hữu, trong khi việc li-xăng chỉ là cho phép sử dụng sáng chế theo các điều kiện nhất định (xem các Mục 31–39).

- **Tiếp cận công nghệ thông qua li-xăng chéo.** Nếu một doanh nghiệp cần tiếp cận công nghệ do người khác sở hữu, họ có thể sử dụng các bằng độc quyền sáng chế của mình để đàm phán các thỏa thuận li-xăng chéo, theo đó mỗi bên đồng ý cho phép bên kia sử dụng tất cả các bằng độc quyền sáng chế liên quan theo các điều kiện cụ thể (xem Mục 39).

- **Tiếp cận thị trường mới.** Việc li-xăng quyền sử dụng sáng chế (hoặc thậm chí là các đơn đăng ký sáng chế đang xử lý) cho các doanh nghiệp khác có thể tạo ra khả năng tiếp cận các thị trường mới mà không thể thực hiện được theo các cách khác do các rào cản quy định trong kinh doanh. Để tận dụng các thị trường quốc tế mới, sáng chế cũng phải được bảo hộ tại các thị trường nước ngoài có liên quan. Hiệp ước Hợp tác bằng sáng chế (PCT) cung cấp một lựa chọn để tìm kiếm sự bảo hộ cho một sáng chế tại các nước thành viên của PCT thông qua một đơn đăng ký duy nhất (xem Mục 27–30).

• **Giảm nguy cơ người khác sao chép sáng chế một cách bất hợp pháp.** Để có được sự bảo hộ sáng chế đòi hỏi phải công bố thông tin về sáng chế, theo đó người khác có thể biết rằng sáng chế đó đã được cấp bằng. Điều này có thể làm giảm nguy cơ vi phạm hoặc ít nhất là tạo cơ sở để ngăn chặn các đối thủ cạnh tranh vi phạm và yêu cầu bồi thường thiệt hại (xem Mục 40).

• **Tăng cường khả năng gây quỹ.** Các nhà đầu tư coi trọng sự chắc chắn đi kèm với việc cấp bằng độc quyền sáng chế. Các quyền đối với sáng chế được đảm bảo hoặc thậm chí các đơn đăng ký đang chờ xử lý có thể làm nâng cao khả năng của một doanh nghiệp trong việc huy động vốn cần thiết để đưa sản phẩm ra thị trường. Thật vậy, trong một số lĩnh vực như công nghệ sinh học, danh mục bằng sáng chế mạnh thường là một yêu cầu để thu hút các nhà đầu tư.

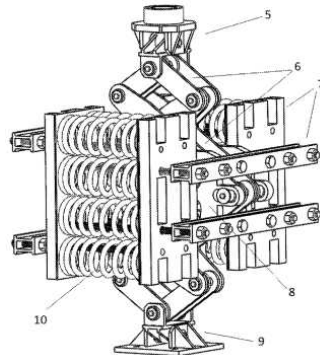
• **Có được một công cụ mạnh mẽ chống lại những người bắt chước và đánh cắp.** Để thực thi hiệu quả tính độc quyền của bằng sáng chế, có thể phải đưa ra thông báo về hành vi xâm phạm hoặc gửi đơn kiện. Sở hữu bằng độc quyền sáng chế giúp cải thiện khả năng khởi kiện thành công đối với những người sao chép và bắt chước (xem Mục 42).

• **Nâng cao hình ảnh doanh nghiệp.** Các đối tác kinh doanh, nhà đầu tư và khách hàng sẽ thường xem danh mục bằng độc quyền sáng chế là sự thể hiện trình độ chuyên sâu, chuyên môn hóa và năng

lực công nghệ của doanh nghiệp. Điều này có thể hữu ích trong việc tìm kiếm các đối tác kinh doanh và nếu không thì nâng cao giá trị thị trường và hồ sơ của doanh nghiệp. Trên thực tế, một số doanh nghiệp mô tả bằng sáng chế của họ trong các quảng cáo nhằm giới thiệu một hình ảnh sáng tạo đến công chúng.

Về công nghệ, xuyên suốt quá trình phát triển, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) luôn tiếp cận với công nghệ cao, công nghệ mới và nghiên cứu làm chủ những giải pháp, công nghệ phục vụ quá trình xây dựng, vận hành mạng lưới viễn thông. Qua đó, Viettel đã tích lũy kiến thức nền tảng công nghệ và tạo dựng nguồn nhân lực trình độ cao, giàu kinh nghiệm nghiên cứu phát triển¹.

Đến tháng 12/2021, Viettel bao gồm các đơn vị thành viên đã nộp tổng cộng 379 đơn đăng ký sáng chế trong nước và 48 đơn đăng ký sáng chế quốc tế và đã được cấp 51 văn bằng bảo hộ sáng chế tại Việt Nam và 09 văn bằng bảo hộ sáng chế tại Hoa Kỳ.



Bằng độc quyền sáng chế của Mỹ số 10717199 cấp cho Viettel, đề xuất cơ cấu hỗ trợ lò xo cho rô bốt song song và cơ cấu này được áp dụng cho các mô hình rô bốt song song để giảm tải cho các cơ cấu chấp hành. Cơ cấu đỡ lò xo cho rô bốt song song bao gồm: các khớp xoay để điều chỉnh hướng của cơ cấu đỡ khớp với hướng của khung chuyển động của rô bốt, cơ cấu hình thoi với các bản lề ở bốn đỉnh biến đổi chuyển vị của khung chuyển động thành cơ cấu đàn hồi của lò xo, đĩa dẫn hướng dùng để điều chỉnh chiều dài lò xo sao cho lực đẩy do lò xo tạo ra là không đổi, bộ lò xo được lắp song song và cố định cho lò xo.

1. <https://www.vietnamplus.vn/viettel-se-khong-dung-lai-o-muc-gia-cong-ma-lam-chu-cong-nghe-loi/761081.vnp>

4. CÔNG CỤ PHÁP LÝ NÀO SẴN CÓ ĐỂ BẢO VỆ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP ?

Tài liệu hướng dẫn này tập trung vào bằng độc quyền sáng chế. Tuy nhiên, tùy thuộc vào hàng hóa hoặc dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp, có thể có các quyền sở hữu trí tuệ khác phù hợp để bảo vệ các tính năng đổi mới, bao gồm:

- **Mẫu hữu ích** (còn được gọi là “bằng sáng chế ngắn hạn” (“short-term patents”), “bằng sáng chế nhỏ” (“petty patents”) hoặc “bằng sáng chế đổi mới” (“innovation patents”). Ở nhiều nước, một số loại sáng chế cải tiến hoặc sự điều chỉnh nhỏ của các sản phẩm hiện có có thể được bảo hộ dưới dạng mẫu hữu ích (xem Khung sau Mục 6).

- **Bí mật kinh doanh.** Tất cả các loại thông tin kinh doanh có tính bí mật, bao gồm các thiết kế, máy móc và quy trình bí mật, có thể được bảo vệ dưới dạng bí mật kinh doanh, miễn là thông tin đó không phải là thông tin thường được biết đến, có giá trị thương mại vì tính bí mật của nó và có các biện pháp hợp lý để giữ bí mật (ví dụ: hạn chế quyền truy cập trên cơ sở “cần biết (need to know)” và ký kết các thỏa thuận bảo mật hoặc không tiết lộ).

- **Kiểu dáng công nghiệp.** Độc quyền đối với các đặc điểm trang trí hoặc thẩm mỹ của sản phẩm có thể được bảo vệ thông qua luật về kiểu dáng công nghiệp, ở một số quốc gia được gọi là “Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp”.

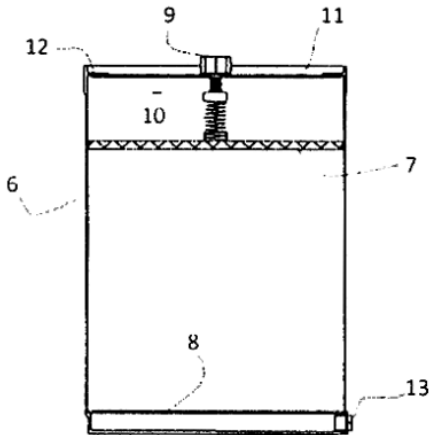
- **Nhãn hiệu.** Bảo hộ nhãn hiệu mang lại độc quyền đối với các từ ngữ, dấu hiệu và màu sắc được sử dụng để phân biệt các sản phẩm của một doanh nghiệp với các sản phẩm của doanh nghiệp khác.

- **Quyền tác giả và các quyền liên quan.** Hình thức thể hiện các tác phẩm văn học, nghệ thuật và kỹ thuật (như phần mềm) có tính nguyên gốc có thể được bảo hộ bởi quyền tác giả và các quyền liên quan.

- **Giống cây trồng mới.** Ở nhiều quốc gia, người lai tạo giống cây trồng mới có thể tìm kiếm sự bảo hộ dưới dạng “quyền của người tạo giống cây trồng”.

- **Thiết kế bố trí mạch tích hợp.** Thiết kế bố trí mạch tích hợp có tính nguyên gốc có thể được bảo vệ chống sao chép trái phép.

Pháp luật Việt Nam đều có quy định bảo hộ các đối tượng sở hữu trí tuệ nêu trên, trong đó đối tượng tương ứng với mẫu hữu ích là sáng chế được cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích.



Giải pháp hữu ích đề cập đến thiết bị làm giá đỡ với cấu trúc mới, dễ sử dụng, giảm chi phí nhân công, giảm chi phí đầu tư ban đầu, cho sản lượng, chất lượng giá đỡ cao và hạn chế nguy cơ giá đỡ bị thổi hoặc hỏng.

Thiết bị này bao gồm phần thân thiết bị (6) dạng hình trụ có miệng và cửa xả nước và thông khí (13), phân lót dưới đáy (8) và phân nén bên trên hạt đỡ (7), lò xo nén (10) để tạo lực nén, bulông (9) để thay đổi khoảng cách và thể tích giữa các phân nén.

5. NẾU SÁNG CHẾ CÓ KHẢ NĂNG CẤP BẰNG, BẠN CÓ NÊN NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ BẢO HỘ ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ ?

Không phải lúc nào cũng nên như vậy, đơn giản là vì một ý tưởng công nghệ có thể được cấp bằng độc quyền sáng chế không đồng nghĩa là nó sẽ thành công về mặt thương mại. Trên thực tế, phần lớn các sáng chế đã được cấp bằng không được thương mại hóa và sự đổi mới một sản phẩm hoặc công nghệ thường có thể được bảo hộ hiệu quả hơn bằng các phương tiện khác. Do đó, việc phân tích mối quan hệ chi phí - lợi ích một cách cẩn thận, bao gồm cả việc xem xét các lựa chọn thay thế có thể có, là điều cần thiết trước khi nộp đơn đăng ký sáng chế. Bằng độc quyền sáng chế có thể tốn kém và khó có thể được cấp, duy trì và thực thi. Quyết định về việc nộp đơn hay không chủ yếu dựa trên khả năng thu được sự bảo hộ hữu ích về mặt thương mại đối với sáng chế.

Các câu hỏi cần đặt ra khi quyết định nộp đơn đăng ký sáng chế bao gồm:

- Có thị trường cho sáng chế không?
- Các giải pháp thay thế là gì và ưu thế/nhược điểm so với việc bảo hộ sáng chế?
- Sáng chế có hữu ích để cải tiến một sản phẩm hiện có hoặc phát triển một sản phẩm mới không? Trong trường hợp thứ hai, sự phát triển một sản phẩm mới có phù hợp với chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp không?

- Có người để cấp li-xăng hoặc nhà đầu tư tiềm năng sẵn sàng giúp đưa sáng chế ra thị trường không?
- Sáng chế sẽ có giá trị như thế nào đối với doanh nghiệp và đối thủ cạnh tranh?
- Có dễ dàng "thiết kế ngược" sáng chế từ sản phẩm được bán trên thị trường hay "thiết kế xung quanh" nó không?
- Những người khác, đặc biệt là đối thủ cạnh tranh, có khả năng sáng chế và được cấp bằng cho những gì đã được sáng chế như thế nào?
 - Lợi nhuận kỳ vọng từ vị trí độc quyền trên thị trường có phù hợp với chi phí cấp bằng sáng chế (xem Mục 17 về chi phí cấp bằng sáng chế) không?
 - Mức độ bao trùm bằng sáng chế được yêu cầu bảo hộ như thế nào, và điều này có cung cấp sự bảo vệ hữu ích về mặt thương mại không?
 - Có dễ dàng xác định hành vi xâm phạm sáng chế (ví dụ, bằng sáng chế quy trình dễ bị xâm phạm một cách bí mật hơn) và bạn có sẵn sàng đầu tư thời gian và nguồn lực tài chính để thực thi nó không?

Bảo hộ độc quyền sáng chế, giữ bí mật hay bộc lộ ?

Nếu sáng chế có khả năng đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo hộ (xem Mục 6), doanh nghiệp sẽ phải đối mặt với sự lựa chọn: giữ sáng chế dưới dạng bí mật kinh doanh, bảo hộ dưới hình thức bằng độc quyền sáng chế hay đảm bảo rằng

không ai khác có thể được cấp bằng độc quyền sáng chế bằng cách bộc lộ nó (thường được gọi là "công bố bảo vệ"), nhờ đó đảm bảo vị trí của nó trong "phạm vi công cộng".

Tùy thuộc vào hệ thống pháp luật của quốc gia, bí mật kinh doanh có thể được bảo vệ theo pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh, thông qua các quy định cụ thể của một hoặc nhiều luật, thông qua án lệ về bảo vệ thông tin bí mật, thông qua các điều khoản hợp đồng trong thỏa thuận với nhân viên, chuyên gia tư vấn, khách hàng và các đối tác kinh doanh hoặc thông qua sự kết hợp của những điều trên.

Bảo vệ bí mật kinh doanh có một số lợi thế tiềm năng sau đây:

- Không mất chi phí đăng ký.
- Không phải bộc lộ hoặc đăng ký với cơ quan nhà nước và sáng chế không được công bố.
- Không bị giới hạn về thời gian.
- Có hiệu lực ngay lập tức.

Nhưng việc bảo vệ bí mật kinh doanh cũng có nhược điểm tiềm tàng đáng kể:

- Luật bí mật kinh doanh không cấm sáng chế hoặc phát hiện độc lập mà chỉ ngăn cấm việc đạt được, sử dụng hoặc bộc lộ trái phép.
- Nếu bí mật bị bộc lộ công khai, bất kỳ ai tiếp cận được thông tin đó đều được tự do sử dụng.

- Nếu bí mật được thể hiện trong sản phẩm sáng tạo, những người khác có thể "thiết kế ngược" nó, phát hiện ra bí mật và sử dụng nó mà không cần được cho phép.

- Bí mật kinh doanh có thể khó thực thi, tùy thuộc vào luật áp dụng.

- Bí mật kinh doanh có thể được cấp bằng độc quyền sáng chế cho những người khác, những người sau đó có thể tìm cách ngăn chặn việc bạn sử dụng bí mật đó.

Mặc dù bằng độc quyền sáng chế và bí mật kinh doanh có thể được coi là những phương tiện thay thế để bảo vệ sáng chế, nhưng chúng thường bổ sung cho nhau. Điều này là do những người nộp đơn yêu cầu cấp bằng độc quyền sáng chế thường giữ bí mật về các sáng chế cho đến khi đơn đăng ký sáng chế được cơ quan sáng chế công bố. Hơn nữa, rất nhiều bí quyết có giá trị về cách khai thác thành công một sáng chế đã được cấp bằng thường được giữ dưới dạng bí mật kinh doanh.

6. NHỮNG GÌ CÓ THỂ ĐƯỢC CẤP BẰNG SÁNG CHẾ ?

Để đáp ứng điều kiện bảo hộ , sáng chế được yêu cầu bảo hộ phải:

- thuộc đối tượng có thể được cấp bằng sáng chế (xem Mục 7);

- mới (yêu cầu về tính mới) (xem Mục 8);

- có trình độ sáng tạo (yêu cầu về tính không hiển nhiên) (xem Mục 9);

- có khả năng áp dụng công nghiệp (xem Mục 10); và

- được bộc lộ một cách rõ ràng và đầy đủ trong đơn đăng ký sáng chế (yêu cầu về sự bộc lộ (xem Mục 11).

Cách tốt nhất để hiểu các yêu cầu này là nghiên cứu những gì đã được cấp bằng cho các sáng chế trong một lĩnh vực kỹ thuật mà bạn quan tâm. Về vấn đề này, nên tham khảo cơ sở dữ liệu về bằng độc quyền sáng chế (xem Mục 14–15).

Mẫu hữu ích

Một số đặc điểm chính của mẫu hữu ích:

- Các điều kiện để cấp bằng độc quyền mẫu hữu ích ít nghiêm ngặt hơn các yêu cầu đối với bằng độc quyền sáng chế, vì yêu cầu về "trình độ sáng tạo" có thể thấp hơn hoặc hoàn toàn không có.

- Thủ tục cấp bằng độc quyền mẫu hữu ích nói chung nhanh hơn và đơn giản hơn so với cấp bằng độc quyền sáng chế.

- Chi phí đăng ký và duy trì hiệu lực thường thấp hơn.

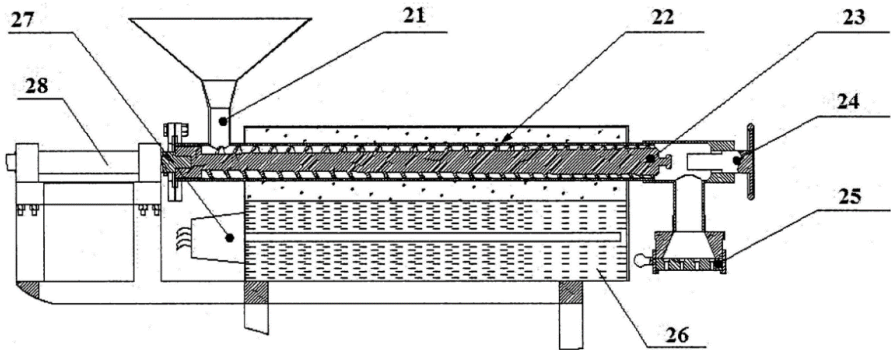
- Thời hạn hiệu lực của bằng độc quyền mẫu hữu ích thường ngắn hơn.

- Ở một số quốc gia, mẫu hữu ích có thể bị giới hạn trong một số lĩnh vực công nghệ nhất định và có thể chỉ dành cho các sản phẩm chứ không phải cho các quy trình.

- Thông thường, đơn đăng ký mẫu hữu ích hoặc bằng độc quyền mẫu hữu ích có thể được chuyển đổi thành đơn đăng ký sáng chế và bằng độc quyền sáng chế.

Theo pháp luật hiện hành của Việt Nam, sáng chế được bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích nếu không phải là hiểu biết thông thường và đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có tính mới;
- b) Có khả năng áp dụng công nghiệp.



Bằng độc quyền giải pháp hữu ích số 2065, của Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (tác giả sáng chế: Trần Doãn Sơn), đề cập đến thiết bị sản xuất bún bao gồm cơ cấu cơ cấu ép đùn bột nước, trong đó nhiệt độ trong lòng trục vít được thay đổi tăng dần theo chiều ép đùn bột nước nguyên liệu, đảm bảo bột làm bún được làm chín từ từ và chín dần dần sau khi được ép đùn ra khỏi trục vít mà không cần phải qua khâu luộc hoặc hấp nữa. Sáng chế này cho phép làm bánh phở tươi nhằm thay thế phương thức sản xuất thủ công, nâng cao năng suất, bảo đảm chất lượng và vệ sinh thực phẩm. Đồng thời, giải pháp cũng nhận giải nhì Giải thưởng Sáng chế TP HCM năm 2020 và được chuyển giao cho 9 doanh nghiệp cả trong và ngoài nước (Mỹ, Hàn Quốc, Lào), và dự kiến xuất khẩu sang châu Âu².

2. <https://giaoducthoidai.vn/khoa-hoc/pgsts-tran-doan-son-che-tao-may-lam-bun-pho-xuat-khau-nuoc-ngoai-tBTkaXSGg.html>

7. ĐỐI TƯỢNG NÀO ĐƯỢC BẢO HỘ SÁNG CHẾ ?

Trong hầu hết các Luật Sáng chế của quốc gia hoặc khu vực, một số đối tượng được xác định là không được bảo hộ dưới danh nghĩa sáng chế bằng cách quy định danh mục những đối tượng không được cấp bằng độc quyền sáng chế. Mặc dù có sự khác biệt đáng kể giữa các quốc gia, nhưng dưới đây là các ví dụ về một số đối tượng bị loại trừ, không được bảo hộ sáng chế theo pháp luật ở nhiều quốc gia:

- khái niệm trừu tượng và lý thuyết khoa học;
- giải pháp chỉ mang đặc tính thẩm mỹ;
- các kế hoạch, quy tắc và phương pháp để thực hiện các hoạt động trí óc;
- các chất có sẵn trong thế giới tự nhiên;
- các sáng chế mà việc khai thác nó có thể ảnh hưởng đến trật tự công cộng, đạo đức xã hội hoặc sức khỏe cộng đồng;
- các phương pháp chẩn đoán, điều trị và phẫu thuật điều trị bệnh cho người hoặc động vật;
- thực vật và động vật mà không phải là vi sinh vật, và các quy trình sản xuất thực vật hoặc động vật chủ yếu mang bản chất sinh học mà không phải là các quy trình phi sinh học và vi sinh; và
- chương trình máy tính.

Theo pháp luật hiện hành của Việt Nam,

các đối tượng dưới đây không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế:

- Phát minh, lý thuyết khoa học, phương pháp toán học;
- Sơ đồ, kế hoạch, quy tắc và phương pháp để thực hiện các hoạt động trí óc, huấn luyện vật nuôi, thực hiện trò chơi, kinh doanh; chương trình máy tính;
- Cách thức thể hiện thông tin;
- Giải pháp chỉ mang đặc tính thẩm mỹ;
- Giống thực vật, giống động vật;
- Quy trình sản xuất thực vật, động vật chủ yếu mang bản chất sinh học mà không phải là quy trình vi sinh;
- Phương pháp phòng ngừa, chẩn đoán và chữa bệnh cho người và động vật.

Đồng thời, việc công nhận, bảo hộ sáng chế trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích của chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế với lợi ích công cộng, không bảo hộ các đối tượng trái với đạo đức xã hội, trật tự công cộng, có hại cho quốc phòng, an ninh.

Bảo hộ phần mềm máy tính

Ở một số quốc gia, các thuật toán là cơ sở để cải thiện chức năng của chương trình máy tính có thể được bảo hộ bởi bằng độc quyền sáng chế, trong khi ở những quốc gia khác, chúng bị loại trừ dưới dạng đối tượng không được bảo hộ. Tại các quốc gia này, các sáng chế liên quan đến phần mềm vẫn có thể được cấp bằng độc quyền sáng chế, miễn là phần mềm được coi là

có đóng góp về mặt kỹ thuật. Để biết thêm thông tin về khả năng cấp bằng sáng chế của phần mềm máy tính ở một quốc gia cụ thể, hãy liên hệ với Cơ quan sáng chế quốc gia hoặc khu vực có liên quan (xem www.wipo.int/directory/vi/urls.jsp để biết danh sách các trang web của các Cơ quan sáng chế).

Ở hầu hết các quốc gia, mã máy và mã nguồn của chương trình máy tính có thể được bảo hộ bởi quyền tác giả. Việc bảo hộ quyền tác giả không phụ thuộc vào việc đăng ký, tuy nhiên việc đăng ký có thể là tùy chọn và mong muốn ở một số quốc gia. Bảo hộ quyền tác giả có phạm vi hạn chế hơn so với bảo hộ bằng sáng chế, vì nó chỉ bao gồm việc thể hiện một ý tưởng chứ không phải bản thân ý tưởng đó. Nhiều doanh nghiệp bảo hộ mã máy của các chương trình máy tính bằng quyền tác giả, trong khi mã nguồn được giữ dưới dạng bí mật kinh doanh.

Theo pháp luật hiện hành của Việt Nam, chương trình máy tính là tập hợp các chỉ dẫn được thể hiện dưới dạng các lệnh, các mã, lược đồ hoặc bất kỳ dạng nào khác, khi gắn vào một phương tiện mà máy tính đọc được, có khả năng làm cho máy tính thực hiện được một công việc hoặc đạt được một kết quả cụ thể. Chương trình máy tính được bảo hộ quyền tác giả như tác phẩm văn học, khoa học dù được thể hiện dưới dạng mã nguồn hay mã máy. Tuy nhiên, nếu chương trình máy tính bao gồm đối tượng yêu cầu bảo hộ có đặc tính kỹ thuật và thực sự là một giải pháp kỹ

thuật, nhằm giải quyết một vấn đề kỹ thuật bằng một phương tiện kỹ thuật để tạo ra một hiệu quả kỹ thuật thì nó có thể được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế.

8. CÁCH THỨC SÁNG CHẾ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ LÀ MỚI ?

Một sáng chế là mới nếu nó không phải là một phần của **tình trạng kỹ thuật**. Nói chung, **tình trạng kỹ thuật** đề cập đến tất cả các kiến thức kỹ thuật liên quan sẵn có đối với công chúng ở mọi nơi trên thế giới trước ngày nộp đơn đầu tiên của đơn đăng ký sáng chế liên quan. Nó bao gồm các bằng độc quyền sáng chế, đơn đăng ký sáng chế và mọi tài liệu phi sáng chế.

Định nghĩa về tình trạng kỹ thuật trên đây có thể khác nhau giữa các quốc gia. Ở nhiều quốc gia, bất kỳ thông tin nào được bộc lộ cho công chúng ở bất kỳ nơi nào trên thế giới dưới dạng văn bản hoặc lời nói, bằng cách trưng bày hoặc thông qua việc sử dụng công khai đều được coi là tạo thành tình trạng kỹ thuật. Như vậy, việc công bố sáng chế trên một tạp chí khoa học, thuyết trình tại hội nghị, sử dụng sáng chế trong thương mại hoặc thể hiện trong tài liệu giới thiệu sản phẩm của doanh nghiệp đều có thể làm mất tính mới của sáng chế và khiến nó không thể được bảo hộ. Do đó, điều quan trọng là phải coi các sáng chế ngay từ đầu là bí mật kinh doanh và ngăn ngừa việc vô tình tiết lộ chúng trước khi nộp đơn đăng ký sáng

chế. Để có được sự hiểu biết đáng tin cậy về những gì được bao gồm trong tình trạng kỹ thuật, hãy tham khảo ý kiến của Cơ quan sáng chế có thẩm quyền. Tình trạng kỹ thuật thường bao gồm cả "tình trạng kỹ thuật bí mật", như các đơn sáng chế đang chờ xử lý chưa được công bố, miễn là chúng được công bố sau đó.

Theo quy định mới nhất của pháp luật Việt Nam (có hiệu lực từ 01/01/2023 theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022), một sáng chế được đánh giá là có tính mới nếu: không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị bộc lộ công khai dưới hình thức sử dụng, mô tả bằng văn bản hoặc bất kỳ hình thức nào khác ở trong nước hoặc ở nước ngoài trước ngày nộp đơn đăng ký sáng chế hoặc trước ngày ưu tiên trong trường hợp đơn đăng ký sáng chế được hưởng quyền ưu tiên.

b) Bị bộc lộ trong đơn đăng ký sáng chế khác có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn nhưng được công bố vào hoặc sau ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên của đơn đăng ký sáng chế đó.

Theo Luật Sở hữu trí tuệ, trong những tình huống sau đây, sáng chế không bị coi là đã bị bộc lộ công khai và không bị coi là mất tính mới:

(a) sáng chế được coi là chưa bị bộc lộ công khai nếu chỉ có một số người có hạn được biết và có nghĩa vụ giữ bí mật về sáng chế đó.

(b) sáng chế cũng không bị coi là mất

tính mới nếu được người có quyền đăng ký quy định tại Điều 86, Điều 86a của Luật này hoặc người có được thông tin về sáng chế một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ người đó bộc lộ công khai với điều kiện đơn đăng ký sáng chế được nộp tại Việt Nam trong thời hạn mười hai tháng kể từ ngày bộc lộ.

(c) quy định tại điểm (b) trên đây cũng áp dụng đối với sáng chế được bộc lộ trong đơn đăng ký sở hữu công nghiệp hoặc văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp do cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp công bố trong trường hợp việc công bố không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc đơn do người không có quyền đăng ký nộp.

9. KHI NÀO SÁNG CHẾ ĐƯỢC XEM LÀ CÓ "TRÌNH ĐỘ SÁNG TẠO" ?

Một sáng chế được coi là có trình độ sáng tạo (hoặc có tính không hiển nhiên) khi so với tình trạng kỹ thuật, sáng chế được xem là không hiển nhiên đối với người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật tương ứng. Yêu cầu về trình độ sáng tạo là để đảm bảo rằng các bằng độc quyền sáng chế chỉ được cấp cho những thành tựu thực sự có tính sáng tạo, chứ không phải cho sự phát triển mà người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật tương ứng có thể dễ dàng tạo ra từ những gì đã tồn tại trước đó.

Một số ví dụ về những gì có thể không đáp ứng tiêu chuẩn có trình độ sáng tạo, như trong các phán quyết trước đây của

tòa án ở một số quốc gia, bao gồm: sự thay đổi đơn thuần về kích thước; làm cho một sản phẩm có thể di chuyển; sự thay đổi của các bộ phận; sự thay đổi của vật liệu; hoặc sự thay thế đơn thuần bởi một bộ phận hoặc chức năng tương đương.

10. “KHẢ NĂNG ÁP DỤNG CÔNG NGHIỆP” LÀ GÌ ?

Để được cấp bằng độc quyền sáng chế, một sáng chế phải có khả năng sử dụng được cho mục đích công nghiệp hoặc kinh doanh. Một sáng chế không thể là một hiện tượng lý thuyết đơn thuần; nó phải hữu ích và mang lại một số lợi ích thiết thực. Thuật ngữ “công nghiệp” ở đây được hiểu theo nghĩa rộng nhất là bất kỳ thứ gì khác biệt với hoạt động trí óc hoặc thẩm mỹ thuần túy, và bao gồm, ví dụ, nông nghiệp. Ở một số quốc gia, tiêu chí này được thể hiện dưới dạng **tính hữu dụng**. Yêu cầu về tính hữu dụng đã trở nên đặc biệt quan trọng đối với các sáng chế về trình tự di truyền, bởi vì tại thời điểm đơn sáng chế được nộp, có thể không biết chúng hữu ích cho việc gì.

Theo quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam, sáng chế được coi là có khả năng áp dụng công nghiệp nếu:

- (i) Đối tượng phải được chế tạo hoặc sử dụng trong công nghiệp, “công nghiệp” ở đây được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm các ngành công nghiệp sản xuất, nông nghiệp, lâm nghiệp...
- (ii) Các thông tin về bản chất của giải

pháp cùng với các chỉ dẫn về điều kiện kỹ thuật cần thiết được trình bày một cách rõ ràng, đầy đủ đến mức cho phép người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật tương ứng có thể tạo ra, sản xuất ra hoặc có thể sử dụng, khai thác hoặc thực hiện được giải pháp đó;

(iii) Việc tạo ra, sản xuất ra, sử dụng, khai thác hoặc thực hiện giải pháp nêu trên được lập đi lập lại với kết quả giống nhau và giống với kết quả nêu trong bản mô tả sáng chế.

11. YÊU CẦU BỘC LỘ LÀ GÌ ?

Theo pháp luật của hầu hết các quốc gia, đơn đăng ký sáng chế phải bộc lộ sáng chế một cách rõ ràng và đầy đủ đến mức người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật tương ứng có thể thực hiện được sáng chế. Ở một số quốc gia, Luật sáng chế yêu cầu tác giả sáng chế phải bộc lộ “phương án tốt nhất” để thực hiện sáng chế. Đối với các sáng chế liên quan đến chủng vi sinh, nhiều quốc gia yêu cầu chủng vi sinh phải được nộp lưu tại một tổ chức lưu giữ được công nhận.

Tương tự, theo quy định của pháp luật Việt Nam, đơn đăng ký sáng chế, cụ thể là phần mô tả sáng chế phải đáp ứng quy định sau đây:

- (i) Bộc lộ đầy đủ và rõ ràng bản chất của sáng chế đến mức căn cứ vào đó người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật tương ứng có thể thực hiện được sáng chế đó;

(ii) Giải thích văn tắt hình vẽ kèm theo, nếu cần làm rõ thêm bản chất của sáng chế;

(iii) Làm rõ tính mới, trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp của sáng chế.

Sáng chế trong lĩnh vực khoa học sự sống

Trong những năm gần đây, số lượng bằng sáng chế trong lĩnh vực khoa học sự sống, đặc biệt là công nghệ sinh học đã tăng lên đáng kể. Các quốc gia cũng có quy định khác nhau về đối tượng có thể được cấp bằng sáng chế trong lĩnh vực này.

Hầu hết các quốc gia đều cho phép cấp bằng sáng chế cho các sáng chế liên quan đến chủng vi sinh, với yêu cầu phải nộp lưu mẫu chủng vi sinh đó tại tổ chức lưu giữ được công nhận khi chủng vi sinh đó chưa được công bố rộng rãi và không thể được mô tả đúng theo cách khác. Nhiều quốc gia loại trừ thực vật và động vật ra khỏi khả năng cấp bằng sáng chế nhưng cho phép cấp bằng sáng chế cho các vật liệu sinh học đã được tách chiết và được phân lập ra khỏi môi trường tự nhiên của chúng hoặc được sản xuất bằng quy trình kỹ thuật. Các loại sáng chế khác có thể bị loại trừ, như quy trình nhân bản vô tính con người hoặc biến đổi nhận dạng di truyền dòng mầm của con người.

Tùy thuộc vào quốc gia, các giống cây trồng mới được bảo hộ bởi hệ thống

bằng sáng chế, hoặc hệ thống riêng để bảo hộ các giống cây trồng mới (xem www.upov.int để biết thêm thông tin) hoặc kết hợp cả hai. Theo quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam, quyền đối với giống cây trồng được điều chỉnh theo các quy định riêng về bảo hộ giống cây trồng. Theo đó, giống cây trồng đăng ký bảo hộ nếu đáp ứng các tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định sẽ được cơ quan có thẩm quyền (Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng mới.

12. NỘI DUNG QUYỀN ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ ?

Bằng sáng chế mang lại cho chủ sở hữu quyền ngăn cấm những người khác sử dụng sáng chế cho mục đích thương mại. Quyền này bao gồm quyền ngăn cản, cấm người khác chế tạo, sử dụng, chào bán, bán hoặc nhập khẩu sản phẩm hoặc quy trình dựa trên sáng chế đã được cấp bằng mà không được phép của chủ sở hữu.

Điều quan trọng là bằng sáng chế không dành cho chủ sở hữu quyền “tự do sử dụng” hoặc quyền khai thác công nghệ được đề cập trong bằng sáng chế, mà chỉ là quyền loại trừ những người khác khỏi việc sử dụng. Mặc dù điều này có vẻ là một sự khác biệt nhỏ, nhưng cần hiểu rằng hệ thống bằng sáng chế và cách các bằng sáng chế tương tác với nhau. Trên thực tế, bằng sáng chế do người khác sở hữu có thể chồng chéo, bao trùm hoặc bổ sung cho bằng sáng

chế của chủ bằng. Do đó, chủ sở hữu bằng sáng chế có thể cần phải được cấp li-xăng để sử dụng sáng chế của người khác nhằm thương mại hóa sáng chế đã được cấp bằng của mình.

Hơn nữa, trước khi một số sáng chế nhất định (như dược phẩm) có thể được thương mại hóa, có thể cần phải có các giấy phép khác của chính phủ (ví dụ: cấp phép lưu hành các loại dược phẩm từ cơ quan quản lý có liên quan).

13. AI LÀ TÁC GIẢ SÁNG CHẾ VÀ AI LÀ CHỦ SỞ HỮU CÁC QUYỀN ĐỐI VỚI BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ ?

Người tạo ra sáng chế là tác giả sáng chế, trong khi người (hoặc doanh nghiệp) nộp đơn đăng ký sáng chế là người nộp đơn, chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu bằng sáng chế. Trong một số trường hợp, tác giả sáng chế cũng có thể là người nộp đơn, nhưng cả hai thường là những thực thể khác nhau; người nộp đơn thường là doanh nghiệp hoặc tổ chức nghiên cứu nơi tác giả sáng chế làm việc.

• **Sáng chế công vụ.** Ở nhiều quốc gia, các sáng chế được tạo ra trong quá trình sử dụng lao động tự động thuộc về người sử dụng lao động. Ở một số quốc gia, điều này chỉ đúng khi được nêu trong hợp đồng lao động. Trong một số trường hợp (ví dụ: nếu không có hợp đồng lao động), tác giả sáng chế có thể nắm giữ quyền khai thác sáng chế, nhưng người sử dụng lao động được trao quyền không độc quyền cho các mục đích nội

bộ (được gọi là “shop right”). Điều quan trọng là phải tìm hiểu về luật pháp cụ thể ở quốc gia có liên quan và đảm bảo rằng các hợp đồng lao động đề cập đến các vấn đề về quyền sở hữu đối với sáng chế của người lao động để tránh các tranh chấp có thể xảy ra.

Tại Việt Nam, “sáng chế công vụ” dùng để chỉ trường hợp sáng chế được tạo ra trong quá trình tác giả thực hiện công vụ, tức là trong phạm vi trách nhiệm được giao, được cơ quan, đơn vị đầu tư kinh phí, thiết bị để tạo ra sáng chế đó. Theo đó, quyền đăng ký sáng chế thuộc về tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất cho tác giả dưới hình thức giao việc, thuê việc, tổ chức, cá nhân được giao quản lý nguồn gen cung cấp nguồn gen, tri thức truyền thống về nguồn gen theo hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc trường hợp quy định tại Điều 86a của Luật này (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT năm 2022, có hiệu lực từ 01/01/2023).

• **Người lao động tự do.** Ở hầu hết các quốc gia, người lao động tự do được doanh nghiệp thuê để phát triển một sản phẩm hoặc quy trình mới sở hữu tất cả các quyền đối với sáng chế, trừ khi có thỏa thuận cụ thể bằng văn bản. Điều này có nghĩa là trừ khi người lao động có thỏa thuận bằng văn bản với doanh nghiệp chuyển nhượng sáng chế cho doanh nghiệp đó, doanh nghiệp sẽ không có quyền sở hữu đối với những

gì được phát triển, ngay cả khi họ đã trả tiền cho sự phát triển của nó. Nguyên tắc này cũng được áp dụng đối với sáng chế được tạo ra bởi người lao động tự do được thuê để tạo ra sáng chế theo pháp luật hiện hành của Việt Nam.

- **Các đồng tác giả sáng chế.** Khi có nhiều người đóng góp một cách đáng kể vào quá trình tạo ra sáng chế, thì họ phải được coi là các đồng tác giả sáng chế và được đề cập như vậy trong đơn đăng ký sáng chế. Nếu các đồng tác giả sáng chế cũng là người nộp đơn thì bằng sáng chế sẽ được cấp chung cho họ. Pháp luật hiện hành của Việt Nam cũng áp dụng nguyên tắc này. Theo đó, trong trường hợp nhiều tổ chức, cá nhân cùng nhau tạo ra hoặc đầu tư để tạo ra sáng chế thì các tổ chức, cá nhân đó đều có quyền đăng ký và quyền đăng ký đó chỉ được thực hiện nếu được tất cả các tổ chức, cá nhân đó đồng ý.

- **Chủ sở hữu chung.** Các quốc gia và tổ chức khác nhau có các quy định khác nhau liên quan đến việc khai thác hoặc thực thi bằng sáng chế thuộc sở hữu của nhiều tổ chức hoặc cá nhân. Trong một số trường hợp, không một đồng chủ sở hữu duy nhất nào có thể cấp li-xăng hoặc kiện các bên thứ ba về hành vi xâm phạm quyền mà không có sự đồng ý của tất cả các đồng chủ sở hữu khác. Nguyên tắc này cũng được áp dụng theo quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

TÓM TẮT

- **Có nên đăng ký sáng chế dưới dạng bằng độc quyền sáng chế không?** Xem xét các lợi thế của việc bảo hộ bằng sáng chế, xem xét các lựa chọn thay thế (bí mật kinh doanh, giải pháp hữu ích, v.v.) và thực hiện phân tích chi phí/lợi ích. Tìm hiểu thêm về bằng sáng chế trong các phần sau để đảm bảo đưa ra quyết định sáng suốt.

- **Sáng chế có khả năng được cấp bằng không?** Xem xét các yêu cầu về khả năng cấp bằng sáng chế, tìm hiểu chi tiết về những gì có thể được cấp bằng sáng chế trong nước và tiến hành tra cứu tài liệu đối chứng (xem Mục 14).

- **Đảm bảo rằng bạn hiểu ai có quyền đối với sáng chế,** giữa doanh nghiệp, nhân viên của doanh nghiệp và bất kỳ đối tác kinh doanh nào khác có thể tham gia vào việc đóng góp về tài chính hoặc kỹ thuật vào việc phát triển sáng chế.

- **Các thông tin khác.** Xem Module 3 IP PANORAMA, Điểm học tập 1 đến 2.

CÁCH THỨC XÁC LẬP QUYỀN ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ



14. BẠN NÊN BẮT ĐẦU TỪ Đâu ?

Nói chung, bước đầu tiên là thực hiện tra cứu tình trạng kỹ thuật. Với hơn 40 triệu bằng sáng chế được cấp trên toàn thế giới và hàng triệu ấn phẩm in có khả năng tạo thành tình trạng kỹ thuật đối với đơn đăng ký sáng chế, rất có khả năng là một số tài liệu đối chứng, hoặc kết hợp các tài liệu đối chứng, có thể làm mất tính mới của sáng chế hoặc khiến cho sáng chế bị coi là hiển nhiên và do đó không đáp ứng điều kiện cấp bằng.

Việc tra cứu tình trạng kỹ thuật để đánh giá khả năng cấp bằng của sáng chế có thể ngăn chặn việc chi lãng phí cho đơn sáng chế nếu khi tra cứu phát hiện ra rằng tình trạng kỹ thuật có khả năng ngăn cản việc cấp bằng độc quyền sáng chế. Tra cứu tình trạng kỹ thuật phải bao gồm cả tài liệu sáng chế và tài liệu phi sáng chế, trong đó có các tạp chí khoa học và kỹ thuật, sách giáo khoa, kỷ yếu hội nghị, luận án, trang web, tài liệu quảng cáo của doanh nghiệp, ấn phẩm thương mại và các bài báo.

Thông tin sáng chế là một nguồn thông tin kỹ thuật được tổ chức đặc biệt mà có thể có giá trị cho việc lập kế hoạch kinh doanh chiến lược. Bằng độc quyền sáng chế và các đơn đăng ký sáng chế đã được công bố thường cung cấp phương tiện để tìm hiểu về các nghiên cứu hiện tại và các đổi mới về công nghệ rất lâu trước khi sản phẩm sáng tạo có liên quan xuất hiện trên thị trường.

Tầm quan trọng của việc tra cứu các cơ sở dữ liệu sáng chế

Ngoài việc phát hiện ra liệu một sáng chế có thể được cấp bằng sáng chế hay không, việc tra cứu cơ sở dữ liệu sáng chế có thể mang lại thông tin rất hữu ích về:

- hoạt động R&D của các đối thủ cạnh tranh hiện tại và tương lai;
- xu hướng hiện tại trong một lĩnh vực công nghệ nhất định;
- công nghệ có sẵn để cấp li-xăng;
- các nhà cung cấp, đối tác kinh doanh hoặc nhà nghiên cứu tiềm năng;
- các thị trường ngách có thể có trong và ngoài nước;
- bằng độc quyền sáng chế có liên quan của người khác để đảm bảo rằng sản phẩm của bạn không vi phạm chúng ("quyền tự do sử dụng");
- bằng độc quyền sáng chế hết hạn đã thuộc về của chung; và
- những phát triển mới có thể có dựa trên các công nghệ hiện có.

15. BẠN CÓ THỂ TIẾN HÀNH TRA CỨU TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT Ở Đâu VÀ BẰNG CÁCH NÀO ?

Các bằng độc quyền sáng chế và đơn đăng ký sáng chế được công bố bởi nhiều Cơ quan sáng chế có thể truy cập trực tuyến, giúp dễ dàng hơn trong việc tra cứu tình trạng kỹ thuật đã biết.

WIPO cung cấp quyền truy cập trực tuyến miễn phí vào tất cả các đơn đăng ký sáng chế quốc tế đã công bố được xử lý thông qua Hệ thống PCT, cùng với hàng triệu bằng độc quyền sáng chế từ cơ sở dữ liệu của các Cơ quan quốc gia và khu vực, thông qua cơ sở dữ liệu PATENTSCOPE tại www.wipo.int/patent-scope.

Các Cơ quan sở hữu trí tuệ cũng đã cung cấp cơ sở dữ liệu bằng độc quyền sáng chế của họ miễn phí trên mạng. Ngoài ra, hầu hết các Cơ quan sáng chế quốc gia đều cung cấp dịch vụ tra cứu sáng chế có thu phí.

Việc truy cập thông tin sáng chế trở nên đơn giản hơn đáng kể nhờ có Internet. Tuy nhiên, không dễ để thực hiện tra cứu sáng chế có chất lượng cao. Thuật ngữ sáng chế thường phức tạp và ít người biết đến, và việc tra cứu chuyên nghiệp đòi hỏi kiến thức và chuyên môn sâu. Mặc dù các tra cứu sơ bộ có thể được thực hiện thông qua cơ sở dữ liệu sáng chế trực tuyến miễn phí, nhưng hầu hết các doanh nghiệp yêu cầu thông tin sáng chế để đưa ra các quyết định kinh doanh quan trọng (ví dụ: có đăng ký sáng chế hay không) thường sẽ dựa vào dịch vụ của các chuyên gia sáng chế và/hoặc sử dụng cơ sở dữ liệu thương mại phức tạp hơn.

Cục Sở hữu trí tuệ cũng cung cấp một trang thư viện điện tử mới, đó chính là hệ thống “Thư viện số về sở hữu công nghiệp” trên nền tảng WIPO Publish (<http://wipopublish.ipvietnam.gov.vn>).

Tại trang web “Thư viện số về sở hữu công nghiệp” trên nền tảng WIPO Publish này, người dùng có thể tra cứu đầy đủ các thông tin về các đối tượng sở hữu công nghiệp đã được công bố với tần suất cập nhật thông tin theo chu kỳ công bố 01 lần/01 tháng.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
INTELLECTUAL PROPERTY OFFICE OF VIETNAM

Trợ giúp | Giới thiệu | Việt Nam | (0)

Kiểu dáng | **Sáng chế** | Nhãn hiệu

tra cứu cơ bản

Các nước

- Nước chủ đơn
- Nước đại diện
- Nước của tác giả sáng chế
- Chi tiết về dữ liệu ưu tiên
- Nước nộp đơn
- Nước công bố
- Nước công bố PCT

Nước: Vietnam

Số đơn: ví dụ 4201900001

Tên: ví dụ Nestlé® KitKat

Chủ đơn: Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ

Số quyền công bố:

Công nghệ:

Trợ cứu | Khai phục

Showing 1 - 60 of 87038 results

Ngày công bố

Trạng thái trong: SC Đã công bố B

Tên: Led xanh lục lam (cyan led)

Số đơn: 1-2021-02461

Số công bố: 3994038

Chi tiết về dữ liệu ưu tiên: 1/078516

Số bảng: VN1-0029658-000

Chủ đơn: Trường Đại học Phenikaa

Ngày nộp đơn: 04.05.2021

Ngày công bố: 25.10.2021

Phân loại IPC: H05B 33/00

Ngày cấp bằng: 01.09.2021

Tác giả sáng chế: Phạm Thành Huy Hồ Xuân Năng Đào Xuân Việt Nguyễn Đức Trung Kiên

Tóm tắt:
 Sáng chế đề xuất LED xanh lục lam bao gồm: chip LED xanh (1) có bước sóng đỉnh 440-465 nm được cố định trên cốc phản xạ (3) bởi hỗn hợp keo kết dính (2), kết nối điện với điện cực đường qua dây micro vàng (4) và điện cực âm qua dây micro vàng (5), trên bề mặt chip LED này được phủ hỗn hợp bột Huỳnh quang phát xạ xanh lục lam (6) có bước sóng đỉnh trong khoảng từ 480 nm đến 500 nm, tối hơn là trong khoảng từ 485 nm đến 495 nm được phân tán đều trong hỗn hợp silicon tại thành phần (7) với tỷ lệ về khối lượng của vật liệu Huỳnh quang phát xạ lục lam so với tổng khối lượng hỗn hợp là 5-20%, tối hơn là trong khoảng 10-15%, điện áp vào không gian giữa chip LED và cốc phản xạ tạo thành LED xanh lục lam.

<http://wipopublish.ipvietnam.gov.vn/>

Cơ sở dữ liệu PATENTSCOPE

Cơ sở dữ liệu PATENTSCOPE do WIPO cung cấp miễn phí. Các tính năng chính của nó bao gồm:

- tiếp cận với công bố đầu tiên trên toàn thế giới về các đơn PCT và các tài liệu sáng chế từ các Cơ quan quốc gia và khu vực tham gia;
- tra cứu toàn văn;
- các công cụ dịch và tra cứu đa ngôn ngữ cho phép tra cứu cơ sở dữ liệu tiếng nước ngoài;
- tạo từ (tự động tạo ra các biến thể phổ biến từ gốc của một từ, ví dụ: “electric”, “electrical”, and “electricity”);
- phân tích đồ thị kết quả tra cứu;

- dữ liệu vào pha quốc gia để theo dõi tình trạng của một đơn quốc tế ở giai đoạn quốc gia tại các quốc gia cụ thể;
- hình ảnh nhúng; và
- Nguồn cấp dữ liệu RSS để theo dõi các hoạt động cấp bằng độc quyền sáng chế và cập nhật trong các lĩnh vực quan tâm.

Tra cứu tình trạng kỹ thuật có thể được thực hiện dựa trên từ khóa, phân loại sáng chế hoặc các tiêu chí tra cứu khác. Tình trạng kỹ thuật được tìm ra sẽ phụ thuộc vào chiến lược tra cứu được sử dụng, phân loại sáng chế được sử dụng, chuyên môn kỹ thuật của người thực hiện tra cứu và cơ sở dữ liệu sáng chế được sử dụng.

Phân loại Sáng chế quốc tế

Phân loại Sáng chế quốc tế (IPC) là một hệ thống phân loại thứ bậc được sử dụng để phân loại và tra cứu các tài liệu về sáng chế. Nó cũng đóng vai trò như một công cụ để sắp xếp có trật tự các tài liệu sáng chế, một cơ sở để phổ biến thông tin có chọn lọc và tra cứu tình trạng của các lĩnh vực công nghệ nhất định. IPC bao gồm 8 phần, được chia thành 120 lớp, 628 phân lớp và khoảng 70.000 nhóm. Tám phần là:

A Các nhu cầu đời sống của con người

B Các quy trình công nghệ - Giao thông vận tải

C Hoá học và luyện kim

D Dệt, giấy

E Xây dựng, mỏ

F Cơ khí, chiếu sáng, cấp nhiệt, vũ khí, chất nổ

G Vật lý

H Điện

Hiện tại, hơn 100 quốc gia sử dụng IPC để phân loại sáng chế. Để biết thêm thông tin, hãy xem: www.wipo.int/classifications/ipc.

Việt Nam cũng sử dụng hệ thống phân loại này để phân loại sáng chế và sử dụng như một công cụ tra cứu hiệu quả, nhanh chóng.

16. CÁCH THỨC NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ BẢO HỘ SÁNG CHẾ?

Sau khi thực hiện tra cứu tình trạng kỹ thuật và quyết định nộp đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, đơn đăng ký sáng chế phải được chuẩn bị và nộp cho Cơ quan sáng chế quốc gia hoặc khu vực có liên quan. Đơn đăng ký sẽ bao gồm bảo mô tả sáng chế, yêu cầu bảo hộ xác định phạm vi bảo hộ, hình vẽ và bản tóm tắt (xem Mục 21). Một số Cơ quan sáng chế cho phép nộp đơn qua hệ thống trực tuyến. Ở một số quốc gia, có thể có tùy chọn nộp đơn đăng ký sáng chế “tạm thời” với thủ tục đơn giản hơn (xem Mục 20).

Đơn sáng chế thường được chuẩn bị bởi luật sư hoặc đại diện sáng chế, người sẽ đại diện cho lợi ích của bạn trong quá trình theo đuổi đơn. Nội dung tiếp theo dưới đây là tổng quan cơ bản về quy trình từng bước xử lý đơn. Cần lưu ý rằng có thể có những khác biệt đáng kể giữa các quốc gia và tốt nhất là bạn nên kiểm tra với Cơ quan sáng chế quốc gia hoặc với các công ty tư vấn về luật sáng chế ở quốc gia liên quan để có được thông tin cập nhật về các thủ tục và phí áp dụng.

Đối với việc nộp đơn đăng ký sáng chế tại Việt Nam, người nộp đơn có thể lựa chọn hình thức nộp đơn giấy hoặc hình thức nộp đơn trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến của Cục Sở hữu trí tuệ. Hướng dẫn về thủ tục nộp đơn có đăng tải tại Cổng thông tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ: www.ipvietnam.gov.vn.

Quy trình xử lý đơn

Việc cấp bằng độc quyền sáng chế thường bao gồm các bước sau:

- **Thẩm định hình thức.** Cơ quan sáng chế thẩm định đơn đăng ký sáng chế để đảm bảo rằng nó tuân thủ các yêu cầu về mặt hình thức (ví dụ: đã bao gồm tất cả các tài liệu liên quan và phí nộp đơn đã được thanh toán).

- **Tra cứu.** Ở nhiều quốc gia, Cơ quan sáng chế tiến hành tra cứu để xác định tình trạng kỹ thuật trong lĩnh vực mà sáng chế có liên quan. Báo cáo tra cứu được sử dụng trong quá trình thẩm định nội dung để so sánh sáng chế được yêu cầu bảo hộ với tài liệu đối chứng tìm được.

- **Thẩm định nội dung.** Mục đích của việc thẩm định nội dung là để đảm bảo rằng đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp bằng độc quyền sáng chế. Không phải tất cả các Cơ quan sáng chế đều thẩm định đơn theo tất cả các điều kiện để được cấp bằng độc quyền sáng chế và chỉ một số Cơ quan làm như vậy khi có yêu cầu thẩm định nội dung được nộp trong một thời hạn nhất định. Kết quả thẩm định được gửi bằng văn bản cho người nộp đơn (hoặc luật sư của họ) để tạo cơ hội phúc đáp và/hoặc khắc phục bất kỳ lý do từ chối nào được đề cập trong quá trình thẩm định. Quá trình này thường dẫn đến việc thu hẹp phạm vi sáng chế được yêu cầu bảo hộ.

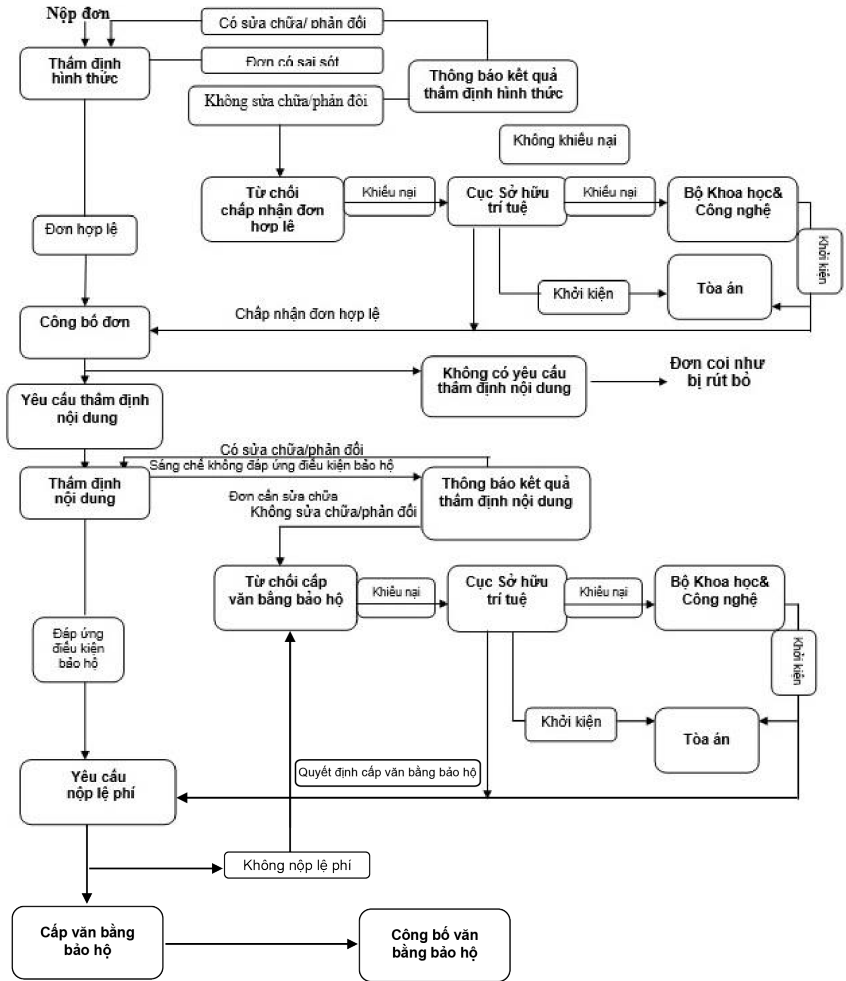
- **Công bố.** Ở hầu hết các quốc gia, đơn

đăng ký sáng chế được công bố sau 18 tháng kể từ ngày nộp đơn đầu tiên. Nói chung, các Cơ quan sáng chế cũng công bố bằng độc quyền sáng chế sau khi được cấp.

- **Cấp bằng.** Nếu quá trình thẩm định đạt được kết luận khả quan, Cơ quan sáng chế sẽ cấp bằng độc quyền sáng chế.

- **Phản đối.** Nhiều Cơ quan sáng chế đưa ra khoảng thời gian mà các bên thứ ba có thể phản đối việc cấp bằng độc quyền sáng chế, ví dụ trên cơ sở sáng chế được yêu cầu bảo hộ không mới. Các thủ tục phản đối có thể là trước khi cấp bằng và/hoặc sau khi cấp bằng, và có thể thực hiện được trong khoảng giới hạn thời gian theo quy định.

Quy trình xử lý đơn đăng ký sáng chế tại Cục Sở hữu trí tuệ có thể tổng hợp một cách tóm tắt bằng sơ đồ sau đây.



Quy trình xử lý đơn đăng ký sáng chế tại Cục Sở hữu trí tuệ

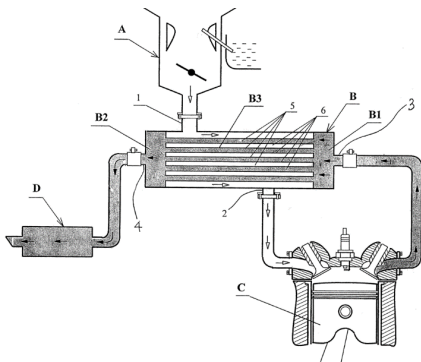
17. CHI PHÍ ĐỂ ĐƯỢC CẤP BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ LÀ BAO NHIÊU ?

Các chi phí khác nhau đáng kể giữa các quốc gia và trong một quốc gia tùy thuộc vào các yếu tố như bản chất của sáng chế, mức độ phức tạp của nó, phí luật sư, độ dài của tài liệu đơn đăng ký và những phản đối được nộp trong quá trình thẩm định đơn của cơ quan sáng chế. Điều quan trọng cần lưu ý là các chi phí liên quan đến việc cấp bằng sáng chế, bao gồm cả việc thanh toán phí duy trì hiệu lực sau khi bằng sáng chế được cấp và thiết lập ngân sách hợp lý cho chúng:

- Thường có các chi phí liên quan đến việc thực hiện tra cứu tình trạng kỹ thuật, đặc biệt nếu bạn sử dụng dịch vụ do chuyên gia cung cấp.
- Phí nộp đơn chính thức rất khác nhau giữa các quốc gia. Cơ quan sáng chế quốc gia hoặc khu vực có liên quan sẽ có thể cung cấp chi tiết về cơ cấu phí của họ. Một số quốc gia có quy định

về giảm phí cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ và/hoặc cho việc nộp đơn trực tuyến. Ngoài ra, một số quốc gia cho phép thẩm định nhanh khi trả thêm phí.

- Nếu đại diện/lawyer sáng chế hỗ trợ trong quá trình nộp đơn (ví dụ: đưa ra ý kiến về khả năng cấp bằng của sáng chế, soạn thảo đơn đăng ký sáng chế, chuẩn bị các bản vẽ và phúc đáp công văn của cơ quan sáng chế), sẽ phát sinh chi phí bổ sung.
- Sau khi Cơ quan sáng chế đã cấp bằng sáng chế, phí duy trì hiệu lực hoặc gia hạn phải được thanh toán, thường là hàng năm, để duy trì hiệu lực của bằng sáng chế.
- Việc đăng ký sáng chế ở nước ngoài có thể làm phát sinh chi phí bổ sung bao gồm phí nộp đơn ở nước ngoài liên quan đến các quốc gia quan tâm, chi phí dịch thuật và chi phí sử dụng đại diện sáng chế địa phương (yêu cầu bắt buộc đối với người nộp đơn nước ngoài ở nhiều quốc gia; xem mục 25).



Bằng độc quyền sáng chế Việt Nam số 8868 đề cập đến thiết bị, dùng nhiệt khí xả để làm hóa hơi hỗn hợp đốt sử dụng cho động cơ đốt trong, thiết bị này được lắp vào động cơ đốt trong để chuyển đổi trạng thái của nhiên liệu trước khi vào buồng đốt của động cơ từ dạng sương mù sang dạng hơi được sấy nóng nhằm mục đích tăng hiệu suất cháy nhiên liệu của động cơ, tiết kiệm nhiên liệu và giảm ô nhiễm môi trường, tránh bồng do ống xả xe máy.

- Trong trường hợp các sáng chế liên quan đến vi sinh vật, trong đó việc ký gửi vi sinh vật hoặc vật liệu sinh học với một tổ chức nộp lưu được công nhận là cần thiết, phí nộp hồ sơ, bảo quản và kiểm tra khả năng tồn tại của vật liệu đã nộp lưu sẽ phải được thanh toán.

18. KHI NÀO NÊN NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ?

Nhìn chung, đơn đăng ký sáng chế nên được chuẩn bị ngay khi có đầy đủ các thông tin cần thiết để soạn thảo đơn. Ngoài ra, có một số lý do khác để nộp hồ sơ sớm:

- Ở hầu hết các quốc gia (chỉ cho đến gần đây, ngoại lệ đáng chú ý là Hoa Kỳ³; xem Mục 19), bằng độc quyền sáng chế được cấp trên nguyên tắc **nộp đơn đầu tiên**. Việt Nam cũng thực hiện theo nguyên tắc này. Do đó, việc nộp đơn sớm để đảm bảo rằng sáng chế không bị mất vào tay người khác.

- Đăng ký bảo hộ sáng chế sớm sẽ dễ dàng hơn trong việc nhận được **hỗ trợ tài chính** hoặc **li-xăng** sáng chế cho người khác.

- Nhìn chung, đơn được nộp càng sớm thì bằng sáng chế sẽ có khả năng được cấp càng sớm và các quyền có thể được thực thi sớm hơn; và quá trình theo đuổi đơn đến khi được cấp bằng có thể mất nhiều thời gian (xem Mục 22).

Tuy nhiên, việc vội vàng nộp đơn đăng ký sáng chế cũng có thể gặp phải một

số vấn đề:

- Nếu nộp đơn đăng ký quá sớm và sáng chế sau đó được phát triển tiếp thì nói chung sẽ không thể thực hiện các thay đổi đáng kể so với mô tả ban đầu của đơn sáng chế.

- Sau khi đơn đăng ký đã được nộp ở một quốc gia hoặc khu vực, người nộp đơn thường có **12 tháng** để nộp đơn cho cùng một sáng chế ở các quốc gia khác để được hưởng quyền ưu tiên của ngày nộp đơn đầu tiên (xem Mục 28). Tuy nhiên, việc nộp đơn sáng chế nước ngoài tại nhiều nước, đặc biệt là trước khi biết liệu sáng chế có thành công về mặt thương mại hay không, có thể quá tốn kém. Có một cách để giảm khó khăn này là **trì hoãn** thanh toán chi phí dịch thuật và chi phí nộp đơn quốc gia thêm 18 tháng bằng cách sử dụng hệ thống **PCT** (xem Mục 30).

Cũng quan trọng như bất kỳ sự cân nhắc nào khác, đơn đăng ký phải được nộp **trước** khi sáng chế được bộc lộ cho bất kỳ ai. Mọi thông tin bộc lộ trước (ví dụ: bộc lộ để tiếp thị thử nghiệm, bộc lộ cho các nhà đầu tư hoặc các đối tác kinh doanh khác) chỉ nên được thực hiện sau khi ký thỏa thuận bảo mật hoặc không tiết lộ.

3. Luật Sáng chế Hoa Kỳ ban hành 16/9/2011 đã chuyển đổi hệ thống sáng chế tại Hoa Kỳ từ hệ thống sáng tạo đầu tiên (first-to-invent) sang hệ thống nộp đơn đầu tiên (first-to-file), có hiệu lực từ 16/3/2013

19. VIỆC GIỮ BÍ MẬT SÁNG CHẾ TRƯỚC KHI NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ QUAN TRỌNG NHƯ THẾ NÀO ?

Giữ **bí mật** sáng chế trước khi nộp đơn là tuyệt đối quan trọng. Trong nhiều trường hợp, việc bộc lộ công khai trước khi nộp đơn sáng chế có thể làm mất tính mới của sáng chế, làm mất khả năng bảo hộ sáng chế, trừ khi luật áp dụng có quy định về “**thời gian ân hạn**” (xem Mục 20).

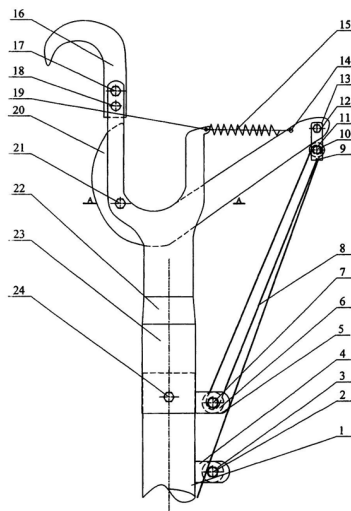
Do đó, điều quan trọng là các tác giả sáng chế, nhà nghiên cứu và các doanh nghiệp cần tránh bất kỳ sự bộc lộ nào về sáng chế có thể ảnh hưởng đến khả năng bảo hộ của sáng chế cho đến khi đơn đăng ký sáng chế đã được nộp.

Hệ thống cấp bằng sáng chế theo nguyên tắc nộp đơn đầu tiên (first-to-file) so với nguyên tắc sáng tạo đầu tiên (first-to-invent)

Ở hầu hết các quốc gia, bằng sáng chế được cấp cho **người đầu tiên nộp đơn đăng ký sáng chế**. Một ngoại lệ đáng chú ý là Hoa Kỳ, nơi áp dụng nguyên tắc sáng tạo đầu tiên (first-to-invent) cho đến ngày 15 tháng 3 năm 2013, theo đó bằng sáng chế được cấp cho người đầu tiên tạo ra và áp dụng sáng chế vào thực tiễn, cho dù họ có phải là người nộp đơn đăng ký sớm nhất hay không đã được nộp trước hay không. Để chứng minh quyền đối với sáng chế theo nguyên tắc sáng tạo đầu tiên, điều quan trọng là phải giữ gìn, xác nhận và ghi rõ ngày tháng trong **sổ ghi chép của phòng thí nghiệm** để sử dụng làm bằng chứng trong trường hợp có

tranh chấp với một doanh nghiệp hoặc tác giả sáng chế khác.

Tại Việt Nam, nguyên tắc nộp đơn đầu tiên được áp dụng nhằm bảo vệ quyền lợi của chủ thể nộp đơn sớm hơn các chủ thể khác. Cụ thể là: *Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký cùng một sáng chế thì văn bằng bảo hộ chỉ có thể được cấp cho đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ. Trong trường hợp có nhiều đơn đăng ký cùng đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ và cùng có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất thì văn bằng bảo hộ chỉ có thể được cấp cho một đơn duy nhất trong số các đơn đó theo sự thoả thuận của tất cả những người nộp đơn; nếu không thoả thuận được thì tất cả các đơn đều bị từ chối cấp văn bằng bảo hộ.*



Bảng độc quyền giải pháp hữu ích số 1623 đề xuất kéo cắt cành trên cao.

20. “THỜI GIAN ÂN HẠN” LÀ GÌ ?

Pháp luật của một số quốc gia quy định “thời gian ân hạn” là 6 hoặc 12 tháng, kể từ thời điểm một sáng chế được bộc lộ bởi tác giả sáng chế hoặc người nộp đơn cho đến khi đơn được nộp, theo đó sáng chế không bị mất khả năng bảo hộ vì sự bộc lộ đó. Ở những quốc gia này, một doanh nghiệp có thể bộc lộ sáng chế của mình, như bằng cách trưng bày nó trong một triển lãm thương mại hoặc công bố nó trong danh mục doanh nghiệp hoặc tạp chí kỹ thuật, và nộp đơn đăng ký sáng chế trong khoảng thời gian ân hạn.

Tuy nhiên, vì thời gian ân hạn không áp dụng ở tất cả các quốc gia nên việc dựa vào thời gian ân hạn ở quốc gia của bạn có thể khiến bạn không được cấp bằng độc quyền sáng chế ở các thị trường quan tâm khác mà thời gian ân hạn này không được áp dụng.

Theo pháp luật hiện hành của Việt Nam, thời gian ân hạn tính mới đối với sáng chế là 12 tháng.

Đơn sáng chế tạm thời (PPA)

Ở một số quốc gia (Úc, Canada, Ấn Độ và Hoa Kỳ), người nộp đơn có cơ hội nộp đơn sáng chế tạm thời (PPA). PPA có chi phí tương đối thấp vào thời điểm tham gia vào hệ thống sáng chế. Mặc dù, nội dung chi tiết về cách thức triển khai PPA khác nhau giữa các quốc gia, nhưng các đặc điểm chung bao gồm:

- **Ngày ưu tiên sớm.** Để được bảo hộ

sáng chế, tác giả sáng chế nộp đơn PPA phải nộp đơn đăng ký sáng chế thông thường trong vòng một năm kể từ ngày nộp đơn PPA. Đơn đăng ký sáng chế thông thường đó có thể “yêu cầu hưởng lợi” từ đơn PPA tương ứng, có nghĩa là nó sẽ được xử lý như thể nó đã được nộp vào ngày nộp đơn của đơn PPA.

- **Chi phí tương đối thấp.** Nộp đơn PPA ít tốn kém hơn, vì chúng thường không trải qua quá trình thẩm định nội dung và không cần bao gồm yêu cầu bảo hộ, mặc dù vẫn phải có phần mô tả đầy đủ về sáng chế.

- **Thêm thời gian để quyết định xem có nên nộp đơn sáng chế không.** Sau khi nộp đơn PPA, người nộp đơn có 12 tháng để kiểm tra ý tưởng và tìm kiếm nguồn tài trợ trước khi nộp đơn đăng ký sáng chế thông thường tương ứng. Các đơn PPA có thể mang lại giá trị đáng kể cho các doanh nghiệp mới thành lập, có những thứ có thể được bảo vệ ngay lập tức nhưng vẫn đang tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện và bổ sung. Bảo vệ các quyền của họ trước khi họ tìm kiếm sự hỗ trợ, tài trợ hoặc quan hệ đối tác từ bên ngoài.

- **Tuyên bố sở hữu đối với sáng chế của bạn.** Đơn PPA cho phép sử dụng thuật ngữ “Sáng chế đang xử lý” hoặc trong các quảng cáo để ngăn chặn người khác sao chép sáng chế.

Tuy nhiên, cũng có những rủi ro và bất lợi nhất định liên quan đến đơn PPA. Chúng bao gồm chi phí tổng thể có thể

tăng lên để có được bằng sáng chế, khả năng mất bí mật kinh doanh và cảm giác không an toàn.

Tại Việt Nam, không có quy định và áp dụng đơn sáng chế tạm thời này.

21. NỘI DUNG CỦA ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ ?

Đơn đăng ký sáng chế có các chức năng sau đây:

- Xác định phạm vi bảo hộ pháp lý đối với sáng chế.
- Mô tả bản chất của sáng chế, bao gồm các hướng dẫn về cách thức thực hiện sáng chế.
- Cung cấp thông tin chi tiết về tác giả sáng chế, chủ sở hữu bằng sáng chế và các thông tin pháp lý khác.

Đơn sáng chế tuân theo cấu trúc tương tự trên phạm vi toàn thế giới và bao gồm **tờ khai, phần mô tả, yêu cầu bảo hộ, hình vẽ** (nếu có) và **bản tóm tắt**. Một tài liệu sáng chế có thể dài vài trang hoặc hàng trăm trang, tùy thuộc vào bản chất của sáng chế và lĩnh vực kỹ thuật cụ thể.

Tờ khai

Tờ khai bao gồm các thông tin về tên sáng chế, ngày nộp đơn, ngày ưu tiên và “dữ liệu thư mục” như tên và địa chỉ của người nộp đơn và tác giả sáng chế.

Phần mô tả

Phần mô tả sáng chế phải cung cấp đầy đủ chi tiết để bất kỳ người nào có trình độ trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật

tương ứng đều có thể tái tạo và thực hiện được sáng chế từ bản mô tả và hình vẽ mà không cần nỗ lực sáng tạo. Nếu mô tả không phù hợp với tiêu chuẩn này, bằng độc quyền sáng chế có thể bị từ chối cấp hoặc có thể bị hủy bỏ hiệu lực sau khi bị phản đối trước tòa.

Yêu cầu bảo hộ

Yêu cầu bảo hộ xác định phạm vi bảo hộ của sáng chế. Yêu cầu bảo hộ là rất quan trọng vì nếu chúng được soạn thảo không tốt, thì ngay cả sáng chế thực sự có giá trị cũng có thể trở thành không có giá trị, dễ bị “sáng chế tương tự” hoặc bao vây.

Trong các vụ kiện về sáng chế, việc giải thích các yêu cầu bảo hộ thường là bước đầu tiên để quyết định xem bằng sáng chế có hiệu lực hay không và liệu có bị xâm phạm hay không. Do đó, nên tham khảo ý kiến một chuyên gia để soạn thảo yêu cầu bảo hộ sáng chế.

Hình vẽ

Các hình vẽ thể hiện các chi tiết kỹ thuật của sáng chế một cách tóm tắt và trực quan. Chúng giúp giải thích một số thông tin, công cụ hoặc kết quả được bộc lộ. Hình vẽ không phải lúc nào cũng là một phần cần thiết của đơn sáng chế.

Nếu sáng chế đề cập đến quy trình hoặc phương pháp thực hiện thì thường không cần các hình vẽ. Nếu các hình vẽ được yêu cầu thì các quy tắc về mặt hình thức sẽ quyết định khả năng chấp nhận của chúng.

Bản tóm tắt

Bản tóm tắt là phần mô tả ngắn gọn về sáng chế. Khi bằng sáng chế được công bố bởi Cơ quan Sáng chế, bản tóm tắt sẽ được thể hiện ở trang đầu tiên. Bản tóm tắt đôi khi có thể được sửa chữa hoặc soạn thảo bởi thẩm định viên tại Cơ quan Sáng chế liên quan.

22. MẤT BAO LÂU ĐỂ CÓ ĐƯỢC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ?

Thời gian xử lý đơn đăng ký sáng chế khác nhau đáng kể giữa các quốc gia và giữa các lĩnh vực công nghệ và có thể từ vài tháng đến vài năm – thông thường là từ 2 đến 5 năm. Một số Cơ quan Sáng chế đã thiết lập một cơ chế thẩm định nhanh mà người nộp đơn có thể yêu cầu trong các trường hợp cụ thể.

Kiểm tra bằng độc quyền sáng chế được cấp

Sau khi được cấp bằng, bạn nên đọc kỹ lại văn bằng bảo hộ để đảm bảo rằng không có lỗi hoặc sai sót về từ ngữ, đặc biệt là trong các yêu cầu bảo hộ.

23. SÁNG CHẾ ĐƯỢC BẢO HỘ TỪ KHI NÀO ?

Quyền đối với sáng chế có hiệu lực kể từ **ngày cấp** bằng độc quyền sáng chế. Ở một số quốc gia, từ thời điểm cấp bằng, bạn có thể kiện những người thực hiện hành vi xâm phạm sáng chế nếu hành vi đó xảy ra kể từ ngày công bố đơn đăng ký sáng chế (thường là **18 tháng** sau khi

nộp đơn). Ở Việt Nam, cũng có quy định về quyền tạm thời đối với sáng chế, theo đó, trường hợp người nộp đơn đăng ký sáng chế biết rằng sáng chế đang được người khác sử dụng nhằm mục đích thương mại và người đó không có quyền sử dụng trước thì người nộp đơn có quyền thông báo bằng văn bản cho người sử dụng về việc mình đã nộp đơn đăng ký, trong đó chỉ rõ ngày nộp đơn và ngày công bố đơn trên Công báo sở hữu công nghiệp để người đó chấm dứt việc sử dụng hoặc tiếp tục sử dụng. Khi đã được thông báo mà người được thông báo vẫn tiếp tục sử dụng sáng chế thì khi Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, được cấp, chủ sở hữu sáng chế có quyền yêu cầu người đã sử dụng sáng chế phải trả một khoản tiền đền bù tương đương với giá chuyển giao quyền sử dụng sáng chế đó trong phạm vi và thời hạn sử dụng tương ứng. Nhưng điều này không đúng ở tất cả các quốc gia (xem Mục 40–43).

Ở một số quốc gia, có thể nộp đơn đăng ký sáng chế và đơn đăng ký mẫu hữu ích cho cùng một sáng chế. Điều này đôi khi được thực hiện để hưởng lợi từ việc bảo hộ mẫu hữu ích (thường được cấp nhanh hơn) cho đến khi bằng sáng chế được cấp. Tại Việt Nam, người nộp đơn đăng ký sáng chế có thể lựa chọn yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ xem xét đơn và cấp Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích.

24. THỜI HẠN BẢO HỘ SÁNG CHẾ KÉO DÀI BAO LÂU ?

Tiêu chuẩn quốc tế hiện tại và tại Việt Nam quy định thời hạn bảo hộ sáng chế là **20 năm** kể từ ngày nộp đơn, với điều kiện là phí gia hạn hoặc phí duy trì hiệu lực được nộp đúng hạn và không có yêu cầu chấm dứt hoặc hủy bỏ hiệu lực được chấp thuận trong thời gian này.

Trong khi điều này xác định vòng đời pháp lý của bằng sáng chế, nhưng **vòng đời kinh doanh hoặc kinh tế của sáng chế** bị giới hạn bởi thành công thương mại của công nghệ liên quan. Dường như là một sáng chế có vẻ có giá trị lại trở nên lỗi thời hoặc không thể thương mại hóa thành công vì một số lý do khác. Trong những trường hợp như vậy, chủ sở hữu sáng chế có thể quyết định không nộp phí duy trì hoặc gia hạn, để bằng sáng chế hết hạn sớm hơn và cho phép sản phẩm hoặc đổi mới công nghệ này thuộc sở hữu công cộng.

Ở một số quốc gia, thời hạn bảo hộ có thể kéo dài hơn 20 năm, hoặc trong những trường hợp rất cụ thể, **Giấy chứng nhận bảo hộ bổ sung** (Supplementary Protection Certificate - SPC) có thể được cấp. Thời gian kéo dài này thường áp dụng đối với các sáng chế bị chậm thương mại hóa do cần có thời gian xin cấp phép lưu hành từ các cơ quan chức năng (ví dụ: dược phẩm hoặc nông hóa phẩm). SPC có thời hạn nhất định và thường không được vượt quá 5 năm. Việt Nam hiện không có quy định về Giấy chứng nhận này.

Sáng chế đang chờ cấp bằng

Nhiều doanh nghiệp gắn liền sản phẩm được tạo ra từ sáng chế với cụm từ “Sáng chế đang chờ cấp bằng” hoặc “Đã được nộp đơn đăng ký sáng chế”, đôi khi kèm theo cả số đơn đăng ký tương ứng. Tương tự, ngay khi bằng độc quyền sáng chế được cấp, các doanh nghiệp sẽ gắn thông báo rằng sản phẩm đã được cấp bằng độc quyền sáng chế, đôi khi bao gồm cả số ký hiệu bằng ngày càng trở nên phổ biến. Mặc dù các thông báo này không tạo ra bất kỳ biện pháp bảo vệ pháp lý nào chống lại hành vi xâm phạm, tuy nhiên chúng có thể là sự cảnh báo để ngăn cản người khác sao chép sản phẩm hoặc các dấu hiệu sáng tạo của sản phẩm. Chúng cũng có thể tác động đến các biện pháp khắc phục hậu quả do xâm phạm, tùy thuộc vào luật của quốc gia nơi thực thi quyền.

Pháp luật Việt Nam quy định người nộp đơn đăng ký sáng chế có quyền tạm thời đối với sáng chế trong thời gian đơn đăng ký sáng chế đang trong giai đoạn thẩm định và chưa được cấp văn bằng bảo hộ. Theo đó, người nộp đơn đăng ký sáng chế có quyền thông báo cho người sử dụng sáng chế về việc sáng chế đã được đăng ký và yêu cầu người sử dụng sáng chế trả khoản tiền đền bù tương ứng nếu sau đó người nộp đơn được cấp văn bằng bảo hộ. Sau khi được thông báo, người sử dụng sáng chế quyền lựa chọn việc không tiếp tục hay tiếp tục sử dụng sáng chế cùng với nghĩa vụ trả tiền đền bù cho việc sử

dụng sáng chế đó.

Tuy nhiên, người nộp đơn đăng ký sáng chế không có quyền ngăn cấm người khác sử dụng sáng chế cũng như không có quyền yêu cầu xử lý hành vi sử dụng sáng chế khi người nộp đơn chưa được cấp văn bằng bảo hộ. Quyền ngăn cấm (hay cho phép) người khác sử dụng sáng chế chỉ phát sinh kể từ thời điểm người nộp đơn đã được cấp văn bằng bảo hộ.

25. CÓ CẦN ĐẠI DIỆN SÁNG CHẾ ĐỂ NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ KHÔNG ?

Chuẩn bị đơn đăng ký sáng chế và theo đuổi đơn đến giai đoạn cấp bằng là một công việc phức tạp. Đăng ký bảo hộ sáng chế bao gồm:

- thực hiện **tra cứu** để xác định bất kỳ tài liệu đối chứng nào có thể khiến sáng chế mất khả năng bảo hộ (bước này thường là cần thiết nhưng không bắt buộc vì Cơ quan Sáng chế thực hiện thẩm định nội dung sẽ tiến hành tra cứu);
- soạn thảo **yêu cầu bảo hộ** và **phần mô tả** đầy đủ về sáng chế mà có thể kết hợp các thuật ngữ pháp lý và kỹ thuật;
- **trả lời (phúc đáp)** Cơ quan Sáng chế quốc gia hoặc khu vực, đặc biệt là trong quá trình thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế; và
- **sửa đổi** đơn theo yêu cầu của Cơ quan Sáng chế.

Tất cả các vấn đề này đòi hỏi kiến thức

chuyên sâu về Luật sáng chế và thực tiễn của Cơ quan Sáng chế và hiểu biết đầy đủ về sáng chế. Do đó, **ngay cả khi sự hỗ trợ về mặt pháp lý hoặc kỹ thuật nói chung là không bắt buộc, thì việc sử dụng các trợ giúp này nên được khuyến khích.** Nên sử dụng sự hỗ trợ của đại diện sáng chế, người có cả kiến thức và kinh nghiệm pháp lý liên quan cũng như trình độ kỹ thuật trong lĩnh vực kỹ thuật của sáng chế. Hầu hết pháp luật của các quốc gia đều yêu cầu người nộp đơn nước ngoài phải được đại diện bởi một đại diện sáng chế có đăng ký cư trú tại nước đó và Việt Nam cũng vậy.

Phân công một nhân viên quản lý các tài sản trí tuệ của doanh nghiệp

Tùy thuộc vào quy mô của doanh nghiệp, việc bố trí một người giám sát hoặc điều phối nội bộ để quản lý các bằng độc quyền sáng chế của doanh nghiệp cùng với một đại diện sáng chế bên ngoài là rất hữu ích. Người này sẽ phối hợp với các chuyên gia bên ngoài trong việc đảm bảo các phương pháp tốt nhất được tuân thủ một cách thống nhất trong doanh nghiệp. Điều này bao gồm cả việc bảo mật cần thiết đối với đơn đăng ký sáng chế và thông tin liên quan, thông báo cho nhân viên về vai trò của họ trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và gắn kết sáng chế với tài sản sở hữu trí tuệ khác của doanh nghiệp như bí mật kinh doanh, nhãn hiệu và bản quyền⁴.

4. Xem Module 3 IP PANORAMA, Điểm học tập 4

26. CÓ THỂ ĐĂNG KÝ BẢO HỘ CHO NHIỀU SÁNG CHẾ THÔNG QUA MỘT ĐƠN DUY NHẤT KHÔNG ?

Hầu hết pháp luật sáng chế đều giới hạn số lượng các sáng chế khác nhau có thể có trong một đơn đăng ký sáng chế. Chúng còn gọi là yêu cầu về **tính thống nhất của sáng chế**. Trong khi một số quốc gia (ví dụ: Hoa Kỳ) quy định về điều này khá nghiêm ngặt, các quốc gia khác (ví dụ: Công ước Sáng chế Châu Âu, Việt Nam) cho phép các nhóm sáng chế được liên kết với nhau để tạo thành một “**ý đồ sáng tạo**” chung duy nhất sẽ được đưa vào một đơn đăng ký sáng chế. Trong trường hợp thiếu tính thống nhất, người nộp đơn có thể được yêu cầu giới hạn yêu cầu bảo hộ hoặc thực hiện việc tách đơn (tạo ra các “đơn tách”). Do sự khác biệt trong luật áp dụng, một đơn đăng ký sáng chế có thể được chấp thuận ở một số quốc gia, trong khi tại các quốc gia khác, có thể cần phải nộp hai hoặc nhiều đơn đăng ký cho cùng một đối tượng. Khi nộp đơn theo Hiệp ước PCT, thông thường sẽ liên kết các nhóm sáng chế theo cách tiếp cận của Châu Âu và tách đơn nếu cần sau khi vào pha quốc gia.

TÓM TẮT

• **Sáng chế có khả năng bảo hộ không?**

Trước tiên, hãy xem lại danh mục các đối tượng có khả năng được bảo hộ sáng chế và xác định xem sáng chế của mình có thuộc một trong các trường hợp loại trừ hay không. Thứ hai, tiến hành **tra cứu tình trạng kỹ thuật** và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu sáng chế.

• **Nộp đơn đăng ký sáng chế.** Cân nhắc việc sử dụng đại diện/luật sư sáng chế có chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ liên quan, đặc biệt để soạn thảo yêu cầu bảo hộ.

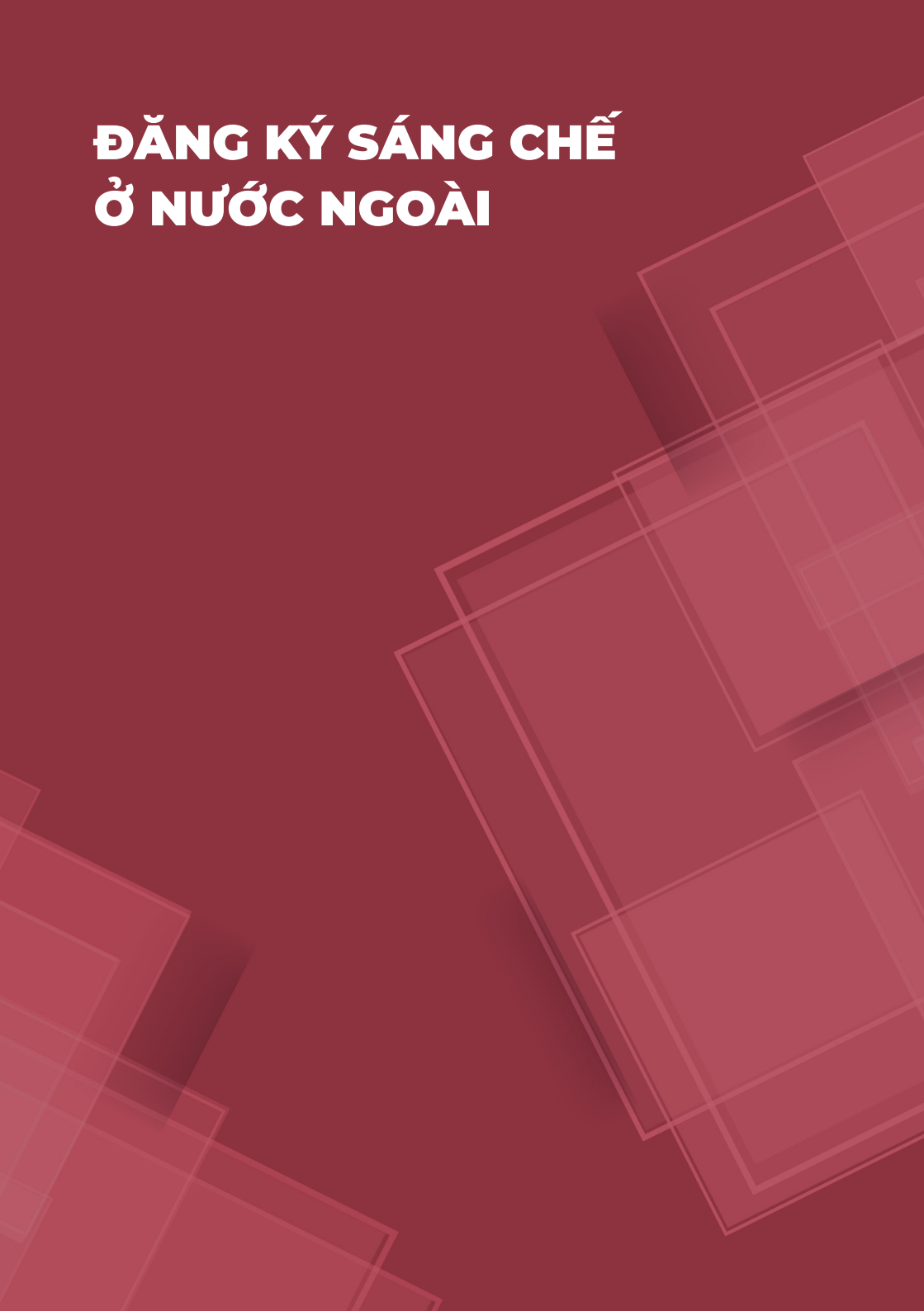
• **Thời điểm nộp đơn.** Hãy xem xét cẩn thận thời điểm tốt nhất để nộp đơn đăng ký sáng chế và chú ý đến các ngày nộp đơn bắt buộc.

• **Không bộc lộ thông tin** quá sớm để không ảnh hưởng đến khả năng bảo hộ sáng chế.

• **Phí duy trì hiệu lực.** Hãy nhớ nộp **phí duy trì hiệu lực** đúng hạn để duy trì hiệu lực bằng sáng chế.

• **Thông tin khác.** Xem Module 3 IP PANORAMA, Điểm học tập 2 và Module 6, Điểm học tập 1 - 3.

ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ Ở NƯỚC NGOÀI



27. TẠI SAO CẦN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ Ở NƯỚC NGOÀI?

Bằng độc quyền sáng chế có **tính chất lãnh thổ**, có nghĩa là một sáng chế chỉ được bảo hộ ở các quốc gia hoặc khu vực mà bằng sáng chế đã được cấp. Nói cách khác, nếu bằng sáng chế không được cấp ở một quốc gia nhất định, thì sáng chế đó sẽ không được bảo hộ ở quốc gia đó, điều này cho phép bất kỳ ai cũng có thể chế tạo, sử dụng, nhập khẩu hoặc bán sáng chế đó ở quốc gia đó.

Việc bảo hộ sáng chế ở nước ngoài cho phép chủ sở hữu sáng chế được hưởng quyền độc quyền đối với sáng chế đã được bảo hộ ở các quốc gia đó. Ngoài ra, chủ sở hữu có thể cấp li-xăng cho các doanh nghiệp nước ngoài, phát triển các mối quan hệ cung ứng nguồn nhân lực thuê ngoài và tiếp cận các thị trường đó nhờ sự hợp tác với các đối tác khác.

28. KHI NÀO NÊN NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ BẢO HỘ SÁNG CHẾ Ở NƯỚC NGOÀI ?

Ngày nộp đơn đầu tiên cho một sáng chế cụ thể được gọi là **ngày ưu tiên**. Mọi đơn đăng ký tiếp theo ở các quốc gia khác được nộp trong vòng **12 tháng kể từ ngày đó** (tức là trong **thời hạn ưu tiên**) sẽ được hưởng lợi từ ngày ưu tiên này. Điều này có nghĩa là đơn đầu tiên sẽ được ưu tiên hơn so với các đơn khác cho cùng một sáng chế do những người khác nộp sau ngày đó. Điều quan trọng là các đơn đăng ký sáng chế nước ngoài phải được nộp trong thời hạn ưu

tiên này hoặc theo Hiệp ước PCT vào thời điểm nộp đơn theo PCT sẽ có thêm 18 tháng để quyết định xem có vào pha quốc gia ở bất kỳ quốc gia thành viên PCT nào hay không.

Sau khi hết thời hạn ưu tiên và cho đến khi sáng chế được Cơ quan Sáng chế công bố lần đầu tiên (thường là 18 tháng sau ngày ưu tiên), vẫn có thể nộp đơn đăng ký bảo hộ cho cùng một sáng chế ở các nước khác, nhưng không thể yêu cầu hưởng quyền ưu tiên từ đơn nộp trước đó. **Một khi sáng chế đã được bộc lộ hoặc công bố, sáng chế có thể không được bảo hộ ở nước ngoài** do mất tính mới. Xem thêm phần thảo luận về thời gian ân hạn, Mục 20.

42 results found in the Worldwide database for:
viettel as the applicant

1 2 ▶
page 1

Sort by Sort order

1. METHOD FOR PREDICTING VESSEL DENSITY IN A SURVEILLANCE AREA

★ Inventor: NGUYEN VAN TUAN [VN]
NGUYEN GIA THINH [VN]
(+1)
Applicant: VIETTEL GROUP [VN]
CPC: G06N20/00
G06N5/04
G08G3/00
IPC: G06N20/00
G06N5/04
G08G3/00
Publication info: US2021271989 (A1)
2021-09-02
Priority date: 2020-02-28

2. METHOD OF FRAGMENTATION OF LARGE FILES WITH APPLICATION TO THE PHONE NUMBER DATA UPDATE PROBLEM

★ Inventor: TRINH VAN CHUNG [VN]
Applicant: VIETTEL GROUP [VN]
CPC: G06F16/13
G06F16/1724
G06F16/178
(+4)
IPC: G06F16/13
G06F16/17
G06F16/178
(+3)
Publication info: US2021272034 (A1)
2021-09-02
Priority date: 2020-02-28

3. Printed Impedance Transformer for Broadband Dual-Polarized Antenna

★ Inventor: DINH CONG KIEN [VN]
NGUYEN HOANG LINH [VN]
(+2)
Applicant: VIETTEL GROUP [VN]
CPC: H01Q1/246
H01Q1/38
H01Q15/14
(+5)
IPC: H01Q1/24
H01Q1/38
H01Q19/10
(+2)
Publication info: US2021273344 (A1)
2021-09-02
Priority date: 2020-02-28

4. Four-port microstrip ultra-wide-band coupler combined compensation circuits

★ Inventor: DINH CONG KIEN [VN]
NGUYEN HOANG LINH [VN]
(+3)
Applicant: VIETTEL GROUP [VN]
CPC: H01P3/081
H01P5/184
H01P5/185
IPC: H01P3/08
H01P5/18
Publication info: US2021273309 (A1)
2021-09-02
Priority date: 2020-02-28

5. AUTOMATIC ANALYSIS AND WARNING METHOD OF OPTICAL CONNECTION BETWEEN BBU COMBINATION AND RRU OF RADIO STATION

Thông tin về các đơn/bằng độc quyền sáng chế của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) đã nộp đơn quốc tế trên cơ sở dữ liệu ESPACENET của Cơ quan Sáng chế châu Âu (EPO) (<https://worldwide.espacenet.com/>)

29. NÊN BẢO HỘ Ở Đâu ?

Vì việc bảo hộ sáng chế ở nước ngoài rất tốn kém, nên các doanh nghiệp cần lựa chọn kỹ lưỡng các quốc gia mà mình mong muốn bảo hộ. Hãy xem xét những câu hỏi chính sau:

- Sản phẩm được bảo hộ sáng chế có khả năng được thương mại hóa ở đâu?
- Thị trường chính của các sản phẩm tương tự là gì?
- Các chi phí liên quan đến việc bảo hộ sáng chế ở mỗi thị trường mục tiêu là bao nhiêu?

- Thị trường chính của các đối thủ cạnh tranh ở đâu?
- Sản phẩm sẽ được sản xuất ở đâu?
- Có những khó khăn gì trong việc thực thi quyền đối với sáng chế ở một quốc gia nhất định?



(11) **EP 3 359 809 B1**

(12) **EUROPEAN PATENT SPECIFICATION**

(45) Date of publication and mention
of the grant of the patent:
22.05.2019 Bulletin 2019/21

(51) Int Cl.:
F03D 7/02 (2006.01)

(21) Application number: **16721340.4**

(86) International application number:
PCT/VN2016/000002

(22) Date of filing: **05.04.2016**

(87) International publication number:
WO 2017/063003 (13.04.2017 Gazette 2017/15)

(54) **METHOD OF DETERMINING AND CONTROLLING THE ATTACK ANGLE OF FIXED-SPEED WIND TURBINE BLADE**

VERFAHREN ZUR BESTIMMUNG UND REGELUNG DES ANSTELLWINKELS DES
TURBINENBLATTES EINER WINDTURBINE MIT FESTER GESCHWINDIGKEIT

MÉTHODE DE DÉTERMINATION ET RÉGULATION DE L'ANGLE D'INCIDENCE DE PALE
D'ÉOLIENNE DE VITESSE FIXE

(84) Designated Contracting States:
**AL AT BE BG CH CY CZ DE DK EE ES FI FR GB
GR HR HU IE IS IT LI LT LU LV MC MK MT NL NO
PL PT RO RS SE SI SK SM TR**

(72) Inventor: **Lai, At Ba**
Ha Noi City (VN)

(30) Priority: **09.10.2015 VN 201503779**
11.12.2015 VN 201504745

(74) Representative: **Kuhnen & Wacker**
Patent- und Rechtsanwaltsbüro PartG mbB
Prinz-Ludwig-Straße 40A
85354 Freising (DE)

(43) Date of publication of application:
15.08.2018 Bulletin 2018/33

(56) References cited:
EP-A1- 2 878 811 WO-A1-2008/142498
US-A1- 2006 056 972 US-A1- 2012 242 084
US-A1- 2013 028 733

(73) Proprietor: **Lai, At Ba**
Ha Noi City (VN)

Sáng chế có nguồn gốc tại Việt Nam được cấp Bằng độc quyền sáng chế tại châu Âu

Bằng độc quyền sáng chế số 3 359 809 B1 do Cơ quan Sáng chế châu Âu cấp cho đơn nộp tại Cơ quan Sáng chế châu Âu trên cơ sở hai đơn ưu tiên số 1-2015-03779 và 1-2015-04745 nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam, đề xuất phương pháp xác định và điều khiển góc tấn của cánh tuabin gió tốc độ cố định nhằm tìm ra góc tấn thích hợp để khai thác tối ưu năng lượng gió ở tốc độ gió thấp đến trung bình. Sáng chế này được áp dụng để sản xuất tuabin gió tốc độ cố định có thể kết nối trực tiếp với lưới điện, giúp làm giảm chi phí năng lượng gió như các nguồn năng lượng thông thường khác.



(12)发明专利

(10)授权公告号 CN 108138747 B

(45)授权公告日 2020.03.17

(21)申请号 201680058869.9

(22)申请日 2016.04.05

(65)同一申请的已公布的文献号
申请公布号 CN 108138747 A

(43)申请公布日 2018.06.08

(30)优先权数据

1-2015-03779 2015.10.09 VN

1-2015-04745 2015.12.11 VN

(85)PCT国际申请进入国家阶段日
2018.04.09

(86)PCT国际申请的申请数据
PCT/VN2016/000002 2016.04.05

(87)PCT国际申请的公布数据
WO2017/063003 EN 2017.04.13

(73)专利权人 赖巴艾特

地址 越南河内考吉亚区张万潘街32/24号

(72)发明人 赖巴艾特

(74)专利代理机构 深圳市博锐专利事务所
44275

代理人 张明

(51)Int. Cl.

F03D 7/02(2006.01)

(56)对比文件

EP 2878811 A1, 2015.06.03,

US 2006056972 A1, 2006.03.16,

US 2012242084 A1, 2012.09.27,

WO 2008142498 A1, 2008.11.27,

US 2013028733 A1, 2013.01.31,

审查员 张云芳

权利要求书1页 说明书7页 附图1页

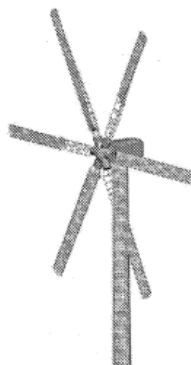
(54)发明名称

确定和控制定速风力涡轮机叶片的攻角的方法

(57)摘要

本发明详细描述了一种确定和控制定速风力涡轮机叶片的攻角的方法,该方法旨在找到适当的攻角以在低风速到中等风速下最佳地提取风能,该方法包括三个步骤:步骤1-限定涡轮机的基本参数,包括叶片长度和宽度、固定转速、额定风速、启动速度和涡轮机被强制停机时的最低速度以及与损失功率的关系;步骤2-限定风速,基于该风速可以计算一组攻角以形成风力涡轮机叶片的总体最优攻角;步骤3-计算必需的物理参数以提出控制涡轮机叶片的最有效的方法;本发明适用于可以直接连接至电网的定速风力涡轮机的制造,从而使风力发电成本与其他常规能源的发电成本一样低。

38747 B



Sáng chế có nguồn gốc tại Việt Nam được cấp Bằng độc quyền sáng chế tại Trung Quốc

Đơn đồng dạng với đơn nộp tại EPO (đã được cấp Cơ quan Sáng chế châu Âu cấp Bằng độc quyền số 3 359 809 B1 trên đây) cũng được cấp bằng tại Trung Quốc.

30. NỘ ĐƠN ĐĂNG KÝ BẢO HỘ SÁNG CHẾ Ở NƯỚC NGOÀI NHƯ THẾ NÀO ?

Có ba cách thức chính để bảo hộ sáng chế ở nước ngoài:

Theo kênh quốc gia. Nộp đơn cho Cơ quan Sáng chế của mỗi quốc gia mà bạn quan tâm bằng cách nộp đơn đăng ký sáng chế bằng ngôn ngữ được yêu cầu, tuân thủ các yêu cầu về hình thức của quốc gia đó và thanh toán các khoản phí bắt buộc. Theo cách này có thể rất phức tạp và tốn kém nếu nộp đơn tại nhiều quốc gia.

Theo kênh khu vực. Khi các quốc gia là thành viên của hệ thống sáng chế khu vực, thì có thể tìm kiếm việc bảo hộ tại lãnh thổ của tất cả hoặc một số quốc gia trong khu vực đó bằng cách nộp đơn cho Cơ quan Sáng chế khu vực liên quan. Các Cơ quan Sáng chế khu vực là:

- Tổ chức Sở hữu trí tuệ Châu Phi (OAPI) (www.oapi.wipo.net);
- Tổ chức Sở hữu công nghiệp Khu vực Châu Phi (ARIPO) (www.aripo.org);
- Tổ chức Sáng chế Á - Âu (EAPO) (www.eapo.org);
- Cơ quan Sáng chế Châu Âu (EPO) (www.epo.org)⁵; và
- Cơ quan Sáng chế của Hội đồng Hợp tác các Quốc gia Ả Rập vùng Vịnh (Cơ quan Sáng chế GCC) (www.gccpo.org)

Theo kênh quốc tế. Nếu một doanh nghiệp muốn có quyền lựa chọn bảo hộ sáng chế tại các nước thành viên của

Hiệp ước PCT, thì doanh nghiệp đó nên xem xét nộp đơn PCT. Để làm như vậy, ít nhất một tác giả sáng chế phải là công dân cư trú tại một nước thành viên của PCT, doanh nghiệp phải có cơ sở công nghiệp hoặc thương mại hiệu quả tại một trong các nước này. Bằng cách nộp một đơn quốc tế theo Hiệp ước PCT, người nộp đơn sau đó có thể yêu cầu bảo hộ sáng chế ở bất kỳ quốc gia nào trong số hơn 150 quốc gia thành viên⁶. Đơn này có thể được nộp tại Cơ quan sáng chế quốc gia hoặc khu vực liên quan và/hoặc tại Văn phòng tiếp nhận đơn PCT tại WIPO ở Geneva, Thụy Sĩ. Việt Nam đã tham gia Hiệp ước này từ năm 1993.

Ưu điểm của Hiệp ước PCT

Hệ thống PCT quy định ít nhất thêm **18 tháng** ngoài thời hạn ưu tiên 12 tháng, trong thời gian đó người nộp đơn có thể khảo sát tiềm năng thương mại của sản phẩm của họ ở các quốc gia khác nhau và quyết định nơi (và liệu) có đăng ký bảo hộ sáng chế hay không. Do đó, việc thanh toán các khoản phí và chi phí dịch thuật liên quan đến đơn quốc gia vì thế được chậm hơn. Hệ thống PCT được người nộp đơn sử dụng rộng rãi để kéo dài thời gian lựa chọn lâu nhất có thể.

Người nộp đơn PCT nhận được **thông tin có giá trị** về khả năng bảo hộ sáng chế của họ, dưới dạng **Báo cáo Tra cứu**

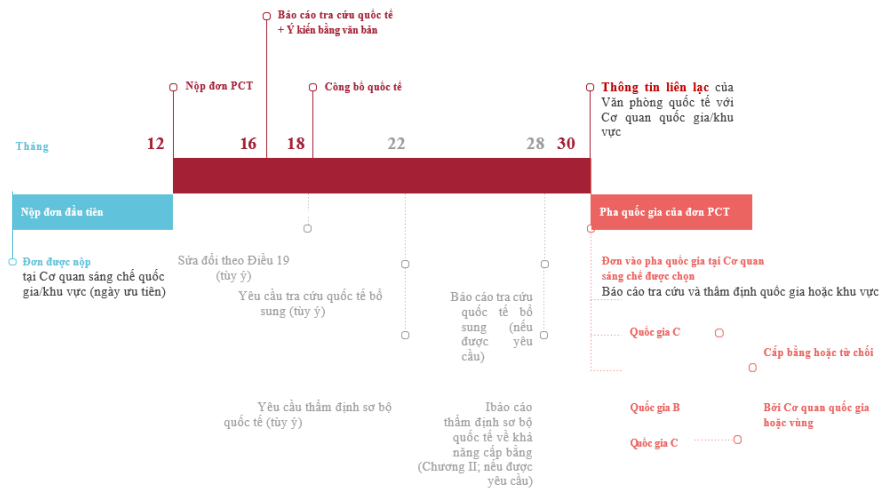
5. Xem thêm thông tin về sáng chế đồng nhất tại <https://www.epo.org/law-ractice/unitary.html>

6. Danh sách các quốc gia thành viên đăng tải tại www.wipo.int/pct/en/pct_contracting_states.html

quốc tế và Ý kiến bằng văn bản của Cơ quan Tra cứu quốc tế theo Hệ thống PCT. Những tài liệu này tạo cơ sở vững chắc cho người nộp đơn PCT để đưa ra quyết định về việc có hay không đăng ký sáng chế và đăng ký ở đâu. Báo cáo Tra cứu quốc tế bao gồm danh sách các tài liệu thuộc tình trạng kỹ thuật được xác định là có liên quan đến sáng chế. Ý kiến bằng văn bản của Cơ quan Tra cứu quốc tế phân tích khả năng bảo hộ của sáng chế dựa trên kết quả của Báo cáo tra cứu quốc tế.

Một đơn PCT duy nhất có hiệu lực pháp lý ở tất cả các quốc gia thành viên PCT được chỉ định. Việc này làm **giảm đáng kể chi phí giao dịch ban đầu** của việc nộp các đơn sáng chế riêng rẽ cho từng Cơ quan sáng chế. Hệ thống PCT cũng có thể được sử dụng để nộp đơn theo một số hệ thống sáng chế khu vực. Hướng dẫn về cách nộp đơn đăng ký quốc tế theo PCT có thể tham khảo từ các Cơ quan Sáng chế quốc gia và tại địa chỉ www.wipo.int/pct.

Tóm lược về quy trình nộp đơn PCT



Lợi ích:

- Một đơn PCT có hiệu lực pháp lý ở tất cả các quốc gia ký kết PCT
- Hải hòa hóa về mặt hình thức - Nhận được thông tin về khả năng bảo hộ sáng chế để hỗ trợ cho việc ra quyết định chiến lược
- Trì hoãn các chi phí đáng kể cho quá trình xử lý ở pha quốc gia đến 18 tháng.

TÓM TẮT

- **Quyền mang tính lãnh thổ.** Hãy nhớ rằng quyền độc quyền sáng chế chỉ có hiệu lực ở quốc gia mà chúng bảo hộ.
- **Thời hạn ưu tiên.** Tận dụng thời hạn ưu tiên để nộp đơn đăng ký bảo hộ ở nước ngoài nhưng cần lưu ý về thời hạn và sự cần thiết về việc giữ bí mật trước khi nộp đơn.
- **Bảo hộ ở đâu.** Xem xét bảo hộ tại đâu đem lại nhiều lợi ích và cân nhắc chi phí cho việc bảo hộ sáng chế ở các quốc gia khác nhau.
- **Cách thức nộp đơn.** Cân nhắc sử dụng Hiệp ước PCT để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình nộp đơn, tiết kiệm thời gian và có được thông tin giá trị về khả năng bảo hộ sáng chế nhằm đưa ra quyết định về việc bảo hộ sáng chế ở đâu.
- **Thông tin khác.** Xem Module 9 IP PANORAMA, Điểm học tập 2 - 4.

THƯƠNG MẠI HÓA CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐƯỢC BẢO HỘ SÁNG CHẾ



31. THƯƠNG MẠI HÓA CÔNG NGHỆ ĐƯỢC BẢO HỘ SÁNG CHẾ NHƯ THỂ NÀO ?

Bản thân bằng độc quyền sáng chế không phải là sự đảm bảo cho sự thành công về mặt thương mại. Nó là công cụ nâng cao khả năng của doanh nghiệp để đạt được lợi nhuận từ sản phẩm hoặc cải tiến công nghệ của mình. Để mang lại lợi ích hữu hình, sáng chế cần được khai thác một cách hiệu quả và nhìn chung sẽ tạo ra lợi nhuận nếu sản phẩm hoặc quy trình liên quan thành công trên thị trường. Để đưa một sáng chế được bảo hộ ra thị trường, một doanh nghiệp có nhiều lựa chọn:

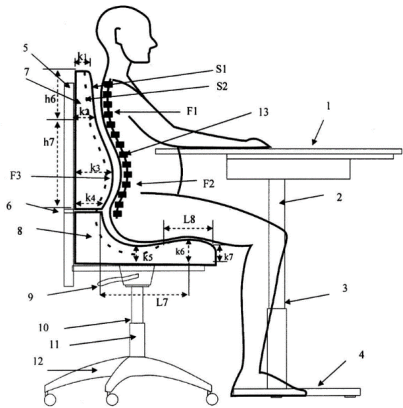
- thương mại hóa trực tiếp sáng chế;
- bán sáng chế cho người khác;
- chuyển giao quyền sử dụng (li-xăng) cho người khác; hoặc
- thành lập một liên doanh hoặc hợp tác với những người khác có tài sản bổ sung.

32. LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐƯA MỘT SẢN PHẨM ĐƯỢC BẢO HỘ SÁNG CHẾ RA THỊ TRƯỜNG ?

Thương mại hóa thành công một sản phẩm mới không chỉ phụ thuộc vào các tính năng kỹ thuật của nó. Từ quan điểm kỹ thuật, dù một sáng chế có thể vĩ đại đến đâu chẳng nữa nhưng nếu không có nhu cầu sử dụng thực sự hoặc không được tiếp thị đúng cách thì sẽ khó có thể thu hút được người tiêu dùng. Do đó, thành công về mặt thương mại cũng phụ thuộc vào các yếu tố khác, bao gồm

kiểu dáng của sản phẩm, sự sẵn có của các nguồn tài chính, việc phát triển chiến lược tiếp thị hiệu quả và giá của sản phẩm so với các sản phẩm cạnh tranh hoặc thay thế khác.

Để đưa một sản phẩm đổi mới ra thị trường, việc xây dựng kế hoạch kinh doanh thường là hữu ích. Kế hoạch kinh doanh là công cụ hữu hiệu để

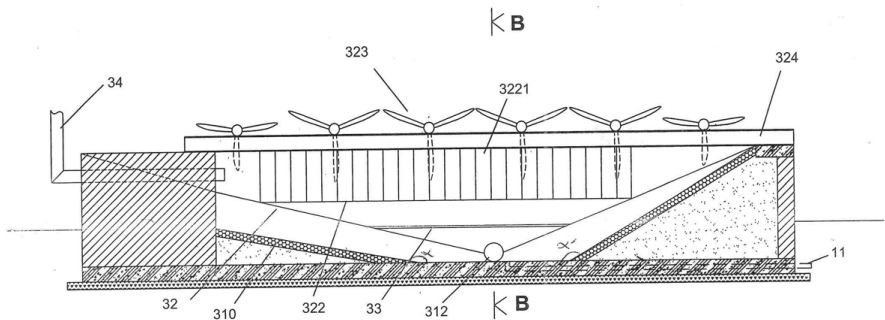


Bằng độc quyền giải pháp hữu ích số 1375, của bác sỹ Phạm Thị Kim Loan cho “Bộ bàn ghế dùng để phòng ngừa và điều trị các bệnh cột sống” đã được thương mại hóa thành công và có doanh thu tăng hằng năm. Trong đó, sản phẩm bàn ghế dùng phòng ngừa và điều trị các bệnh cột sống có doanh thu tăng, đạt trên 100 tỷ kể từ năm 2013, sản phẩm đã được xuất khẩu sang Mỹ, Singapore, Australia⁷.

7. <https://cesti.gov.vn/bai-viet/tin-hoat-dong-khcn/tong-ket-trao-giai-thuong-sang-che-tp-hcm-lan-thu-iv-01006938-0000-0000-0000-000000000000>

kiểm tra tính khả thi của ý tưởng kinh doanh. Kế hoạch kinh doanh là điều cần thiết để tiếp cận nhà đầu tư nhằm thu hút nguồn lực tài chính để đưa một sản phẩm mới được bảo hộ sáng chế ra thị trường. Việc đưa thông tin về các bằng sáng chế và chiến lược sáng chế của doanh nghiệp trong **kế hoạch kinh doanh** là rất quan trọng, vì điều này cho thấy tính mới của sản phẩm của doanh nghiệp, cung cấp dẫn chứng về tính tiên khả thi và xác định nguy cơ xâm phạm bằng sáng chế của các doanh nghiệp khác.

biệt ở chỗ có lắp thêm bể thép bên trong lòng bể phân loại rác. Sáng chế cũng đề cập đến hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt không chôn lấp sử dụng bể phân loại rác này, có khả năng xử lý hữu hiệu các loại rác thải hỗn hợp chưa được phân loại tại đầu nguồn. Sáng chế cũng đề cập đến quy trình xử lý rác thải sinh hoạt không chôn lấp áp dụng cho hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt không chôn lấp nêu trên nhằm tiến hành phân loại rác nhờ sự khác biệt giữa trọng lượng riêng của các thành phần rác với nước để tách ra các thành phần khác nhau. Nhờ các thiết bị



Ví dụ

Sáng chế: **Thiết bị phân loại rác và hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt không chôn lấp (Bằng độc quyền sáng chế số 22632)**

Chủ văn bằng: **Doanh nghiệp Cổ phần Thương mại Thành Đạt⁸**

Sáng chế đề cập đến bể phân loại rác có khả năng phân loại rác hỗn hợp một cách triệt để dựa trên sự khác biệt giữa tỷ trọng của nước và tỷ trọng các thành phần rác, trong đó bể phân loại rác khác

và quy trình này, rác thải sinh hoạt được phân loại và xử lý triệt để thành các sản phẩm hữu ích, không cần chôn lấp và không gây ô nhiễm môi trường.

Sáng chế này nhằm biến rác thải sinh hoạt thành nguồn tài nguyên có lợi, đã thành công với ý tưởng dùng nước và tác động lực cơ học để phân loại, chế tạo ra hệ thống góp phần xử lý triệt để, biến rác thải sinh hoạt thành hàng hóa, đồng thời

8. <https://dangcongsan.vn/thong-tin-kinh-te/cong-ty-co-phan-thuong-mai-thanh-dat-thai-binh-20-nam-mot-chang-duong-590896.html>

tận dụng tối đa nguồn tài nguyên rác thải để chế biến thành phân vi sinh, sản xuất hạt nhựa, làm gạch Block thân thiện với môi trường. Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt công nghệ TTD-01 tại thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, do tác giả và tập thể Doanh nghiệp nỗ lực xây dựng đã đi vào hoạt động từ tháng 7/2016, góp phần xử lý toàn bộ rác thải tại thị trấn Quỳnh Côi và 25 xã, thị trấn khác trong tỉnh. Sau 3 năm vận hành, Nhà máy đã đạt được nhiều kết quả hơn mong đợi, cả 4 quy trình: xử lý, phân loại, sản xuất thành phẩm và xử lý nước thải đều vận hành tốt, cho kết quả cao. Ngoài ra, vật tư thay thế đơn giản, thuận tiện, không phụ thuộc vào linh kiện từ nước ngoài. Giải pháp này khi được áp dụng trên thực tiễn đã không chỉ giúp góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân nơi nhà máy xử lý rác thải vận hành, mà còn giúp giảm thiểu tác hại đến sức khỏe cho người lao động trực tiếp xử lý rác, loại bỏ rác thải ra môi trường, đồng thời tận dụng được nguồn tài nguyên rác để tái tạo thành các sản phẩm hữu ích cho xã hội. Doanh nghiệp cổ phần thương mại Thành Đạt đang nhân rộng ứng dụng công nghệ xử lý rác TTD-01 vào việc xử lý rác thải của nhiều nhà máy trong và ngoài tỉnh Thái Bình. Đến nay, đã có nhiều tỉnh trên cả nước đăng ký đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác thải theo công nghệ TTD-01. Theo kế hoạch, trong năm 2021 - 2022, Doanh nghiệp tiếp tục đầu tư nhà máy xử lý rác thải thứ 2 tại huyện Quỳnh Phụ và nhà máy xử lý rác tại huyện Hưng Hà (tỉnh

Thái Bình) và dự kiến tiếp tục đầu tư một nhà máy xử lý rác thải công nghiệp, rác thải nguy hại và nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn 6 huyện còn lại của tỉnh Thái Bình. Ngoài ra, Doanh nghiệp cũng mở rộng đầu tư 2 nhà máy xử lý rác tại huyện Lục Ngạn và huyện Lục Nam (tỉnh Bắc Giang); chuyển giao công nghệ này cho một dự án của Tập đoàn Xây dựng Trường Sơn tại tỉnh Đắk Nông⁹.

Không ngừng đầu tư nghiên cứu các giải pháp trong lĩnh vực này, Doanh nghiệp tiếp tục nộp nhiều đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, trong đó sáng chế về Hệ thống xử lý nước thải sau khi xử lý rác thải mới được cấp Bằng độc quyền sáng chế số 30756, ngày 8/12/2021.

33. CÓ THỂ BÁN SÁNG CHẾ ĐƯỢC KHÔNG ?

Có. Bán còn được gọi là **chuyển nhượng** sáng chế, và sẽ chuyển quyền sở hữu bằng sáng chế cho người khác. Quyết định này phải được cân nhắc rất cẩn thận.

Việc li-xăng sáng chế thay vì chuyển nhượng sáng chế có nghĩa là các quyền cho người khác “thuê” để đổi lại các khoản thanh toán tiền làm lợi. Vì thế, li-xăng có thể là chiến lược rất hữu ích về mặt tài chính. Mặt khác, việc chuyển nhượng có nghĩa là khoản thanh toán đã thỏa thuận được nhận một lần, không có

9. <https://baodautu.vn/ctcp-thuong-mai-thanh-dat-ung-dung-hieu-qua-cong-nghe-xu-ly-rac-thai-tien-tien-d137752.html>

tiền làm lợi trong tương lai, bất kể sáng chế mang lại lợi nhuận như thế nào.

Cũng có khi, việc chuyển nhượng lại có lợi hơn. Nếu sáng chế được bán để lấy một khoản thanh toán trọn gói, giá trị được ghi nhận ngay lập tức, mà không cần phải đợi đến 20 năm để nhận ra giá trị đó. Rủi ro của việc sáng chế bị thay thế bởi công nghệ khác cũng có thể tránh được. Ngoài ra, việc chuyển nhượng sáng chế cho một doanh nghiệp start-up có thể là điều kiện tiên quyết trong việc tìm kiếm tài chính, nếu bằng sáng chế không thuộc sở hữu của doanh nghiệp.

Trong mỗi trường hợp, quyết định sẽ dựa trên nhu cầu và sự ưu tiên của doanh nghiệp. Có thể nên tham khảo ý kiến tư vấn của luật sư sáng chế về cách thức phù hợp nhất với chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp.

34. CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG (LI-XĂNG) SÁNG CHẾ NHƯ THẾ NÀO ?

Sáng chế được chủ sở hữu cho phép người khác sử dụng (cấp li-xăng) theo các mục đích được hai bên đồng ý. Trong trường hợp này, **hợp đồng li-xăng** thường được ký kết giữa hai bên, nêu rõ các điều khoản và phạm vi của thỏa thuận (Theo pháp luật Việt Nam, hợp đồng li-xăng được gọi là hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng).

Việc cho phép người khác thương mại hóa sáng chế đã được cấp bằng thông qua thỏa thuận cấp li-xăng sẽ cho phép

doanh nghiệp có thêm **nguồn thu bổ sung** và là một phương thức phổ biến để khai thác quyền độc quyền đối với sáng chế của doanh nghiệp.

Việc cấp li-xăng đặc biệt hữu ích nếu doanh nghiệp sở hữu bằng sáng chế không có khả năng tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh hoặc sản xuất không đáp ứng đủ nhu cầu thị trường nhất định hoặc để cung ứng cho một khu vực địa lý nhất định.

Bạn nên tìm kiếm sự hỗ trợ của chuyên gia trong lĩnh vực chuyển giao để đàm phán các điều khoản, điều kiện và soạn thảo hợp đồng li-xăng, vì điều này đòi hỏi kỹ năng và kiến thức. Ở một số quốc gia, các hợp đồng li-xăng cần phải được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền. Tại Việt Nam, hợp đồng li-xăng sáng chế phải đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (Cục Sở hữu trí tuệ) mới có giá trị với bên thứ ba.

Cấp li-xăng, nhận li-xăng hay cả hai ?

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) thiếu nguồn lực cho R&D, sản xuất hoặc tiếp thị có thể áp dụng mô hình đổi mới sáng tạo “mở” bằng cách xem xét khả năng cấp li-xăng hoặc nhận li-xăng các sáng chế của họ. Cấp li-xăng đơn giản có nghĩa là một doanh nghiệp cấp li-xăng sáng chế của họ cho doanh nghiệp khác; nhận li-xăng là hành động ngược lại, theo đó một doanh nghiệp đồng ý sử dụng sáng chế của doanh nghiệp khác.

Bảng sau so sánh các lợi ích và hạn chế của từng loại.

Cấp Li-xăng	
Lợi ích	Hạn chế
<ul style="list-style-type: none"> • Giữ quyền sở hữu • Tham gia thực hiện các phát triển trong tương lai • Không cần tham gia sản xuất • Các kênh tiếp thị mới • Biến người xâm phạm/đối thủ cạnh tranh tiềm năng thành đồng minh. 	<ul style="list-style-type: none"> • Lợi nhuận bị hạn chế, nếu doanh nghiệp tự đưa sáng chế ra thị trường có thể thu được lợi nhuận lớn hơn • Có thể tạo ra đối thủ cạnh tranh tiềm năng nếu sử dụng một li-xăng đơn nhất hoặc li-xăng không độc quyền • Các nghĩa vụ trong tương lai nếu công nghệ chưa hoàn thiện • Phụ thuộc sống còn vào người được cấp li-xăng nếu người được cấp li-xăng là nguồn lợi nhuận duy nhất.
Nhận Li-xăng	
Lợi ích	Hạn chế
<ul style="list-style-type: none"> • Có thể tiếp cận thị trường nhanh hơn • Hoạt động R&D hạn chế có thể giúp tiết kiệm chi phí • Hợp nhất các công nghệ để tạo ra các dịch vụ mạnh hơn và nhiều sản phẩm hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> • Công nghệ có thể chưa được hoàn thiện • Phải chịu thêm các chi phí bổ sung nếu thị trường không thể chấp nhận mức giá đưa ra • Quá phụ thuộc vào các công nghệ phát triển bên ngoài doanh nghiệp.

35. MỨC PHÍ LI-XĂNG CÓ THỂ ĐƯỢC KỶ VỌNG LÀ BAO NHIÊU?

Trong các hợp đồng li-xăng, chủ sở hữu quyền thường được nhận một khoản thanh toán trọn gói và/hoặc **phí li-xăng định kỳ**, mà có thể dựa trên số lượng

sản phẩm có liên quan được bán ra (phí li-xăng theo đơn vị sản phẩm) hoặc trên doanh thu thuần (phí li-xăng tính theo doanh thu). Trong nhiều trường hợp, khoản thanh toán cho li-xăng sáng chế là sự kết hợp giữa khoản thanh toán

trọn gói một lần và thanh toán theo phí li-xăng. Đôi khi, khoản thanh toán này có thể thay thế bằng cổ phần trong doanh nghiệp nhận li-xăng.

Mặc dù có các tiêu chuẩn về mức phí li-xăng trong một số ngành và có thể là thông tin tham khảo hữu ích, cần nhớ rằng hầu hết các thỏa thuận li-xăng là đơn nhất và mức phí li-xăng sẽ phụ thuộc vào các yếu tố cụ thể của doanh nghiệp. Do đó, các tiêu chuẩn của ngành đôi khi có thể không hữu ích, hoặc thậm chí gây hiểu lầm.

36. SỰ KHÁC BIỆT GIỮA LI-XĂNG ĐỘC QUYỀN, KHÔNG ĐỘC QUYỀN VÀ DUY NHẤT LÀ GÌ?

Có ba loại hợp đồng li-xăng, phụ thuộc vào số lượng các bên nhận li-xăng được phép sử dụng sáng chế:

- li-xăng độc quyền - một bên duy nhất được nhận li-xăng có quyền sử dụng công nghệ đã được bảo hộ sáng chế, mà thậm chí cả chủ sở hữu cũng không được sử dụng sáng chế đó;

- li-xăng đơn nhất (cho một bên duy nhất) - một bên duy nhất được nhận li-xăng và chủ sở hữu có quyền sử dụng công nghệ đã được bảo hộ sáng chế; và

- li-xăng không độc quyền - một số bên được nhận li-xăng và chủ sở hữu có quyền sử dụng công nghệ đã được bảo hộ sáng chế.

Trong hợp đồng li-xăng đơn nhất, có thể có các điều khoản cấp một số quyền

trên cơ sở độc quyền và các quyền khác trên cơ sở duy nhất hoặc không độc quyền.

37. BẠN NÊN CẤP LI-XĂNG ĐỘC QUYỀN HAY KHÔNG ĐỘC QUYỀN ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ CỦA MÌNH?

Điều này phụ thuộc vào sản phẩm và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Ví dụ, nếu công nghệ có thể trở thành tiêu chuẩn mà tất cả những đối tác đều cần để thực hiện việc kinh doanh của họ trong một thị trường nhất định thì nên cấp li-xăng không độc quyền, cho nhiều bên sẽ có lợi hơn cả. Nếu sản phẩm cần đầu tư nhiều vốn để thương mại hóa (ví dụ: một loại dược phẩm cần đầu tư để thực hiện các thử nghiệm lâm sàng), thì bên nhận li-xăng tiềm năng sẽ không muốn gặp phải sự cạnh tranh từ những bên nhận li-xăng khác và có thể có lý do yêu cầu được cấp li-xăng độc quyền.

38. KHI NÀO LÀ THỜI ĐIỂM THÍCH HỢP NHẤT ĐỂ CẤP LI-XĂNG SÁNG CHẾ?

Không có thời điểm nào là tốt nhất cho việc li-xăng sáng chế, vì sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau. Tuy nhiên, đối với một doanh nghiệp hoặc tác giả sáng chế độc lập, thì nên bắt đầu tìm kiếm người nhận li-xăng càng sớm càng tốt để đảm bảo nguồn thu nhằm trang trải các chi phí đăng ký sáng chế. Không cần thiết phải đợi đến khi sáng chế được cấp bằng.

Ngoài thời điểm thích hợp, việc tìm được

(các) đối tác phù hợp để tạo ra lợi nhuận từ việc thương mại hóa sáng chế đã được bảo hộ là đặc biệt quan trọng.

Định giá sáng chế

Có nhiều lý do khác nhau giải thích tại sao việc tiến hành định giá sáng chế, nhằm mục đích kế toán, li-xăng, sáp nhập hoặc mua lại, chuyển nhượng hoặc bán tài sản trí tuệ hoặc gây quỹ là có lợi hoặc cần thiết đối với một doanh nghiệp. Mặc dù không có phương pháp định giá sáng chế duy nhất nào phù hợp cho mọi hoàn cảnh, các phương pháp sau được sử dụng rộng rãi:

- **Phương pháp dựa trên thu nhập:** tập trung vào dòng thu nhập ước tính mà chủ sở hữu bằng sáng chế có thể thu được trong suốt thời hạn hiệu lực của bằng sáng chế.
- **Phương pháp dựa trên chi phí:** tính toán chi phí cho việc tạo ra một tài sản tương tự ở trong hoặc bên ngoài doanh nghiệp.
- **Phương pháp dựa trên thị trường:** xem xét phân tích các giao dịch tương tự có thể so sánh được thực hiện trên thị trường.
- **Phương pháp dựa trên quyền chọn:** sử dụng các mô hình được phát triển ban đầu để sử dụng trong việc định giá quyền chọn cổ phiếu.

Có các yếu tố khó định lượng cũng có thể ảnh hưởng đến giá trị của sáng chế, như sức thuyết phục của các điểm yếu

cầu bảo hộ hoặc sự tồn tại của các sản phẩm thay thế¹⁰.

39. LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG SÁNG CHẾ CỦA ĐỐI THỦ CẠNH TRANH?

Điều này có thể không phải lúc nào cũng dễ dàng hoặc có thể chấp nhận được. Tuy nhiên, nếu đối thủ cạnh tranh cũng quan tâm đến các sáng chế của doanh nghiệp bạn, thì việc **li-xăng chéo** có thể được xem xét. **Li-xăng chéo** rất phổ biến trong các ngành công nghiệp trong đó một số sáng chế bao gồm một loạt các sáng chế hỗ trợ cho nhau thuộc sở hữu của hai hoặc nhiều đối thủ cạnh tranh. Các doanh nghiệp cạnh tranh này thường tìm cách đảm bảo quyền **tự do hoạt động** của họ bằng cách cấp quyền sử dụng cho các sáng chế của họ để đổi lại các quyền tương tự từ các đối thủ cạnh tranh.

10. Xem Module 11 IP PANORAMA

TÓM TẮT

- **Thương mại hóa.** Xem xét các phương án khác nhau để thương mại hóa sáng chế được bảo hộ và đảm bảo đưa ra kế hoạch kinh doanh thuyết phục.
- **Li-xăng.** Mức phí li-xăng và các yếu tố khác của hợp đồng li-xăng là các nội dung chính để đàm phán, vì vậy nên tham vấn ý kiến của chuyên gia.
- **Độc quyền và không độc quyền.** Xem xét tính độc quyền của các li-xăng dựa trên mức độ bão hòa của ngành công nghệ và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp.
- **Li-xăng chéo.** Xem xét liệu có thể sử dụng (các) sáng chế để tiếp cận công nghệ hữu ích của người khác hay không.
- **Thông tin khác.** Xem Module 06 IP PANORAMA, Điểm học tập 4 và Module 07.

THỰC THI QUYỀN ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ



40. TẠI SAO CẦN THỰC THI QUYỀN ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ?

Nếu một công nghệ mới được bảo hộ sáng chế được đưa ra thị trường, các đối thủ cạnh tranh có thể cố gắng tạo ra các sản phẩm có các tính năng kỹ thuật trùng hoặc tương tự với sản phẩm đó. Không phải tiêu tốn các nguồn lực để tạo ra sáng chế hoặc chịu rủi ro như nhau, các đối thủ cạnh tranh sẽ có lợi thế và có thể tạo ra một sản phẩm tương tự hoặc giống hệt nhưng với giá rẻ hơn. Điều đó có thể gây áp lực cạnh tranh không lành mạnh đối với doanh nghiệp sở hữu bằng sáng chế.

Các quyền đối với sáng chế cho phép chủ sở hữu cơ hội ngăn chặn các đối thủ cạnh tranh xâm phạm và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Để chứng minh rằng hành vi xâm phạm đã xảy ra, điều cần thiết là phải chứng minh rằng mọi dấu hiệu trong yêu cầu bảo hộ, hoặc dạng tương đương của chúng, đều có trong sản phẩm hoặc quy trình xâm phạm. Việc thực thi quyền có thể rất quan trọng để duy trì lợi thế cạnh tranh, thị phần và lợi nhuận.

Quản lý rủi ro bằng sáng chế

Thực thi quyền đối với sáng chế chỉ là một khía cạnh của quản lý rủi ro trong kinh doanh, bảo vệ thời gian và tiền bạc đã được đầu tư vào các hoạt động R&D công nghệ đổi mới sáng tạo. Chuẩn bị một chiến lược mạnh trước khi xâm phạm xảy ra có thể giảm thiểu chi phí

thực thi sau này.

1. Quyết định xem ai sẽ chịu trách nhiệm chung trong việc quản lý danh mục bằng sáng chế của doanh nghiệp.

2. Xây dựng hệ thống để đảm bảo rằng tất cả các sáng chế được bộc lộ chỉ cho một cá nhân hoặc đơn vị được ủy quyền trong doanh nghiệp và đảm bảo đưa ra quyết định về việc liệu chúng có nên được giữ dưới dạng bí mật kinh doanh, được công bố một cách phòng vệ hay được bảo hộ sáng chế hay không.

3. Thực hiện phân tích rủi ro để quyết định xem có nên thực hiện việc tra cứu thông tin sáng chế trước khi nộp đơn đăng ký sáng chế hay không và nếu có thì cần làm những gì.

4. Xác định xem bằng sáng chế, khi được cấp, sẽ được sử dụng để (a) tấn công, (b) phòng vệ hay (c) chủ yếu để xây dựng thương hiệu/tiếp thị.

5. Xác định các cơ hội hợp tác hoặc li-xăng.

6. Thường xuyên cập nhật danh mục các bằng sáng chế được sở hữu và được nhận li-xăng của doanh nghiệp

7. Thực hiện phân tích rủi ro định kỳ bằng cách xem xét danh mục bằng sáng chế và chiến lược về sáng chế của các đối thủ cạnh tranh.

8. Xây dựng chiến lược tài chính để trang trải tất cả các chi phí tạo ra, duy trì, sử dụng, thực thi và bảo vệ danh mục sáng chế.

9. Định kỳ xem xét lại và sửa đổi chiến lược sáng chế như một phần trong kiểm toán SHTT định kỳ hoặc theo sự kiện.

41. AI CÓ TRÁCH NHIỆM THỰC THI QUYỀN ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ?

Trách nhiệm chính trong việc phát hiện và chống lại những hành vi xâm phạm sáng chế thuộc về chủ sở hữu. Tất nhiên, việc đào tạo cho nhân viên về cách xác định những hành vi xâm phạm có thể giúp cho doanh nghiệp giám sát thị trường. Chủ sở hữu sáng chế có trách nhiệm giám sát việc sử dụng sáng chế của mình trên thị trường, xác định bất kỳ người xâm phạm nào và quyết định có hay không, cách thức và thời điểm thực hiện các hoạt động chống lại các hành vi xâm phạm này. Các tác giả sáng chế độc lập và các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể quyết định chuyển trách nhiệm này (hoặc một phần của nó) cho bên nhận li-xăng độc quyền.

Cần liên hệ với luật sư sáng chế để hỗ trợ việc thực thi sáng chế, cả trong nước và ở thị trường nước ngoài. Luật sư cũng sẽ có thể tư vấn về các chi phí và rủi ro liên quan và chiến lược phù hợp nhất.

Ví dụ

Doanh nghiệp A, có quốc tịch tại Nhật Bản, đã đăng ký sáng chế cho thiết kế động cơ hút bụi tại Việt Nam, sáng chế đang trong thời hạn bảo hộ. Doanh nghiệp A phát hiện ra trên thị trường có bán sản phẩm từ doanh nghiệp B

sử dụng thiết kế động cơ hút bụi giống với sáng chế của họ. Sản phẩm này do một doanh nghiệp Đài Loan sản xuất và doanh nghiệp B nhập khẩu và phân phối độc quyền tại Việt Nam.

Doanh nghiệp A tìm đến Luật sư sáng chế để tư vấn. Theo đó, quyền sở hữu công nghiệp của Doanh nghiệp A đối với sáng chế cho thiết kế động cơ hút bụi tại Việt Nam được pháp luật hiện hành bảo hộ thông qua việc đã cấp bằng độc quyền sáng chế. Quyền tài sản của chủ sở hữu được quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ, theo đó Doanh nghiệp A là chủ sở hữu sáng chế thiết kế động cơ máy hút bụi có các quyền tài sản sau đây:

“a) Sử dụng, cho phép người khác sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp [...];

b) Ngăn cấm người khác sử dụng đối tượng sở hữu;

c) Định đoạt đối tượng sở hữu công nghiệp [...]”

Trong đó, sử dụng sáng chế là việc thực hiện các hành vi cụ thể như sau:

“a) Sản xuất sản phẩm được bảo hộ;

b) Áp dụng quy trình được bảo hộ;

c) Khai thác công dụng của sản phẩm được bảo hộ hoặc sản phẩm được sản xuất theo quy trình được bảo hộ;

d) Lưu thông, quảng cáo, chào hàng, tàng trữ để lưu thông sản phẩm quy định tại điểm c) khoản này;

đ) Nhập khẩu sản phẩm quy định tại điểm

c) khoản này.”

Ngoài ra, doanh nghiệp A còn được tư vấn rằng, theo quy định tại Điều 126, Luật Sở hữu trí tuệ, các hành vi sau đây bị coi là xâm phạm quyền của chủ sở hữu sáng chế:

“1. Sử dụng sáng chế được bảo hộ, kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ hoặc kiểu dáng công nghiệp không khác biệt đáng kể với kiểu dáng đó, thiết kế bố trí được bảo hộ hoặc bất kỳ phần nào có tính nguyên gốc của thiết kế bố trí đó trong thời hạn hiệu lực của văn bằng bảo hộ mà không được phép của chủ sở hữu;

2. Sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mà không trả tiền đền bù theo quy định về quyền tạm thời quy định tại Điều 131 của Luật này”.

Như vậy, dựa theo những căn cứ pháp lý phân tích ở trên có thể đưa ra kết luận: việc Doanh nghiệp B đã nhập khẩu và phân phối độc quyền tại Việt Nam sản phẩm có thiết kế động cơ giống với sáng chế của Doanh nghiệp A đã vi phạm quyền sở hữu công nghiệp, quyền của chủ sở hữu sáng chế là Doanh nghiệp A; cụ thể đó là Doanh nghiệp B đã vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 126, Luật SHTT với hành vi nhập khẩu và bán ra thị trường sản phẩm máy hút bụi có thiết kế động cơ giống với sản phẩm của Doanh nghiệp A đang trong thời gian được pháp luật Việt Nam bảo hộ.

Sau khi đã phát hiện hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế của Doanh nghiệp B. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp

pháp của mình, Doanh nghiệp A được tư vấn là có thể thực hiện quyền tự bảo vệ hoặc yêu cầu các cơ quan thực thi xử lý hành vi xâm phạm đó bằng các biện pháp dân sự, hành chính hoặc hình sự, hoặc yêu cầu áp dụng biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất, nhập khẩu để phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi xuất, nhập khẩu hàng hoá xâm phạm quyền.

42. BẠN NÊN LÀM GÌ KHI SÁNG CHẾ CỦA BẠN BỊ NGƯỜI KHÁC SỬ DỤNG MÀ KHÔNG XIN PHÉP?

Nếu chủ sở hữu bằng sáng chế tin rằng có những người khác đang sử dụng công nghệ được cấp bằng sáng chế của mình mà không được phép thì bước đầu tiên là phải thu thập thông tin về ai đang xâm phạm, cách họ thực hiện và ảnh hưởng của việc xâm phạm đối với hoạt động kinh doanh của chủ sở hữu sáng chế. Tốt hơn là có sự tham gia của luật sư sáng chế để hỗ trợ phân tích bằng chứng này và quyết định phải làm gì đối với hành vi xâm phạm.

Trong một số trường hợp, chủ sở hữu sáng chế chọn gửi thư (thường được gọi là **“thư yêu cầu dừng và chấm dứt”**) thông báo cho người bị nghi ngờ xâm phạm về tranh chấp có thể xảy ra giữa quyền của họ và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác. Thủ tục này thường có hiệu quả trong trường hợp xâm phạm không cố ý, vì người xâm phạm sẽ ngừng các hoạt động đó hoặc đồng ý **đàm phán một hợp đồng li-xăng**.

Tuy nhiên, đôi khi sự bất ngờ lại là chiến thuật tốt nhất để tránh việc bên xâm phạm có thời gian để che giấu hoặc tiêu hủy bằng chứng. Trong những trường hợp này, tốt nhất là nên kiện ra tòa mà không cần thông báo cho người xâm phạm và yêu cầu áp dụng "**biện pháp khẩn cấp tạm thời**" để gây bất ngờ cho bên xâm phạm bằng cuộc kiểm tra tại cơ sở sản xuất kinh doanh của họ, thường là có sự trợ giúp của cảnh sát. Tòa án có thể ra lệnh cho bên bị nghi ngờ xâm phạm dừng hành vi xâm phạm cho đến khi có kết quả xét xử (có thể mất vài tháng hoặc vài năm). Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra liệu sáng chế đã bị xâm phạm hay chưa có thể rất phức tạp và phải chờ một phiên tòa xét xử.

Trong trường hợp doanh nghiệp quyết định **khởi kiện vụ án dân sự**, tòa án thường đưa ra nhiều biện pháp bồi thường thiệt hại cho chủ sở hữu sáng chế bị xâm phạm. Luật sư sáng chế sẽ có thể cung cấp thêm thông tin liên quan về vấn đề này.

Bên xâm phạm có thể bị tòa án yêu cầu khai báo những người liên quan đến việc sản xuất và phân phối hàng hóa hoặc dịch vụ xâm phạm và các kênh phân phối của họ. Như một biện pháp ngăn chặn hiệu quả đối với hành vi xâm phạm, theo yêu cầu của chủ sở hữu sáng chế, tòa án cũng có thể ra lệnh tiêu hủy hoặc xử lý hàng hóa và vật liệu xâm phạm mà không cần bồi thường.

Tương tự như vậy tại Việt Nam, cùng với các biện pháp tự bảo vệ quyền bằng các

biện pháp công nghệ, yêu cầu tổ chức, cá nhân xâm phạm chấm dứt hành vi xâm phạm, pháp luật Việt Nam cũng quy định chủ sở hữu bằng sáng chế có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khởi kiện ra Tòa án xử lý hành vi xâm phạm theo quy định. Tùy theo tính chất và mức độ, hành vi xâm phạm đó có thể bị xử lý bằng biện pháp dân sự (thuộc thẩm quyền của Tòa án), hành chính (thuộc thẩm quyền của các cơ quan hành chính: Thanh tra, Công an, Quản lý thị trường, Hải quan, Ủy ban nhân dân các cấp) và áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có nghi ngờ xâm phạm.

Để ngăn chặn việc **nhập khẩu hàng hóa xâm phạm**, một số quốc gia có thể áp dụng các biện pháp tại biên giới thông qua cơ quan hải quan quốc gia. Tuy nhiên, nhiều quốc gia chỉ đưa ra các biện pháp này trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa giả mạo nhãn hiệu và hàng hóa sao chép lậu. Theo quy định hiện hành, tại Việt Nam thủ tục tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được áp dụng đối với tất cả các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ.

Theo nguyên tắc chung, nếu phát hiện hành vi nghi ngờ xâm phạm, cần tìm đến tư vấn pháp lý chuyên nghiệp (chi tiết, xem Mục 41).

43. CÓ NHỮNG LỰA CHỌN NÀO ĐỂ GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC XÂM PHẠM NGOÀI TÒA ÁN?

Nếu có tranh chấp xảy ra với bên xâm phạm đã ký kết hợp đồng (ví dụ: hợp đồng li-xăng), trước tiên hãy xem xét có điều khoản nào về hòa giải hoặc trọng tài hay không. Đây là những hình thức giải quyết tranh chấp thay thế và thường ít tốn kém hơn so với việc kiện tụng ra tòa. Ngay cả khi không có điều khoản này trong hợp đồng, hoặc không có hợp đồng nào cả, vẫn có thể tận dụng các thủ tục riêng tư này, miễn là các bên nhất trí sử dụng.

Biện pháp trọng tài thường ngắn gọn và ít tốn kém hơn so với thủ tục của tòa án và nếu bên xâm phạm là người nước ngoài, kết luận trọng tài dễ dàng thực thi hơn trên bình diện quốc tế. Ưu điểm của hòa giải là các bên có thể thực hiện quy trình xử lý không chính thức và tìm ra một giải pháp đồng thuận có tính đến lợi ích của các bên. Như vậy, việc này có thể giúp giữ gìn mối quan hệ kinh doanh tốt đẹp. **Trung tâm Hòa giải và Trọng tài của WIPO** cung cấp các dịch vụ phi lợi nhuận thay thế để giải quyết tranh chấp. Để biết thêm thông tin thêm về trọng tài và hòa giải có thể xem tại: www.wipo.int/amc.

Các tranh chấp có thể phát sinh trong quá trình khai thác thương mại tài sản trí tuệ về bản chất là những tranh chấp dân sự. Những tranh chấp này có thể được giải quyết bằng các phương thức mang tính dân sự như thương lượng

và hoà giải. Vì vậy, khi xây dựng chính sách pháp luật về giải quyết các tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, Việt Nam cũng khuyến khích các bên đương sự tự thương lượng, hòa giải. Luật Sở hữu trí tuệ có quy định về chủ sở hữu quyền có quyền áp dụng các biện pháp trong đó có biện pháp trọng tài để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Luật Trọng tài Thương mại quy định thẩm quyền của trọng tài trong giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại; tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó, ít nhất một bên có hoạt động thương mại; tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng trọng tài. Vì vậy, các tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ có thể xem xét áp dụng các quy định về trọng tài để giải quyết.

TÓM TẮT

- **Hãy cảnh giác.** Giám sát đối thủ cạnh tranh để phát hiện hành vi xâm phạm có thể xảy ra.
- **Quản lý rủi ro.** Quản lý mang tính chiến lược đối với sáng chế để giảm thiểu rủi ro và tối đa hóa lợi nhuận.
- **Xin ý kiến tư vấn.** Tham khảo ý kiến luật sư sáng chế trước khi thực hiện bất kỳ hành động nào để đối phó với hành vi bị nghi ngờ xâm phạm.
- **Áp dụng biện pháp giải quyết tranh chấp thay thế.** Xem xét các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tòa án bằng cách quy định các điều khoản về hòa giải và/hoặc trọng tài trong bất kỳ thỏa thuận li-xăng nào.
- **Thông tin khác.** Xem Module 03 IP PANORAMA, Điểm học tập 3.

PHỤ LỤC



PHỤ LỤC I - CÁC TRANG WEB HỮU ÍCH

Để biết thêm thông tin về:

Các vấn đề SHTT từ góc độ kinh doanh:

www.wipo.int/sme

Tổng quan về bằng độc quyền sáng chế

www.wipo.int/patents

Thực tiễn nộp đơn đăng ký sáng chế, xem danh sách các trang web của các Cơ quan sáng chế quốc gia và khu vực tại www.wipo.int/directory/en/urls.jsp

Hiệp ước hợp tác sáng chế (PCT)

www.wipo.int/pct

Phân loại sáng chế quốc tế

www.wipo.int/classifications/ipc

Trung tâm Trọng tài và Hòa giải WIPO

www.wipo.int/amc

Danh mục các cơ sở dữ liệu SHTT có thể tra cứu toàn cầu của WIPO

www.wipo.int/reference

Tư cách thành viên của các hiệp ước do WIPO quản lý

www.wipo.int/treaties

Trao đổi giá trị: Đàm phán hợp đồng li-xăng công nghệ - Tài liệu Hướng dẫn đào tạo, số công bố của WIPO 906:

www.wipo.int/sme/en/documents/guides/technology_licensing.html

Li-xăng công nghệ thành công, số công bố của WIPO 903:

www.wipo.int/publications/en/details.jsp?id=296

PHỤ LỤC II - BẢNG CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ

Thuật ngữ	Giải thích*	Phần nội dung tham khảo
Tình trạng kỹ thuật	Các đối tượng đã biết trong lĩnh vực của sáng chế bao gồm các sáng chế đã được cấp bằng, các công bố và kiến thức được coi là công khai sẵn có chẳng hạn như kỹ năng thương mại, thực hành thương mại và những thứ tương tự khác (xem thêm, phần Tình trạng kỹ thuật).	8, 9, 14-16
Yêu cầu bộc lộ phương án tốt nhất	Yêu cầu đối với người nộp đơn sáng chế về việc bộc lộ phương án tốt nhất mà họ biết để thực hiện sáng chế tại thời điểm nộp đơn. Một số quốc gia quy định về yêu cầu này. Việt Nam có quy định liên quan đến việc mô tả một cách chi tiết một hoặc một số phương án thực hiện sáng chế, tức là giải pháp kỹ thuật cụ thể mà người nộp đơn muốn đăng ký sáng chế, sao cho người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật tương ứng có thể đạt được mục đích đề ra của sáng chế hoặc thực hiện được sáng chế. Xem thêm yêu cầu đối với việc bộc lộ .	11
Thư yêu cầu dừng hoạt động	Thư từ chủ sở hữu tài sản trí tuệ hoặc luật sư của họ yêu cầu dừng ngay lập tức hành vi xâm phạm bị cáo buộc nếu không sẽ có hành động pháp lý khác.	42
Yêu cầu bảo hộ	Các tuyên bố được đánh số thứ tự ở cuối bằng độc quyền sáng chế xác định phạm vi bảo hộ của sáng chế. Nói chung, Yêu cầu bảo hộ phải rõ ràng, ngắn gọn và được hỗ trợ một cách đầy đủ bởi phần mô tả.	16, 20, 21
Li-xăng chéo	Li-xăng chéo xảy ra khi các doanh nghiệp trao đổi quyền để sử dụng các bằng độc quyền sáng chế nhất định thuộc sở hữu của nhau. Thường thì bằng độc quyền sáng chế mà mỗi doanh nghiệp sở hữu bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau của một sản phẩm thương mại. Bằng cách li-xăng chéo, mỗi doanh nghiệp được tự do đưa sản phẩm ra thị trường. Li-xăng chéo có thể có hoặc không liên quan đến việc thanh toán của một bên cho bên còn lại để “cân bằng” giá trị quyền được chuyển nhượng.	3, 39
Thỏa thuận bảo mật	Còn được gọi là Thỏa thuận không tiết lộ thông tin (NDA) . Hợp đồng trong đó một hoặc cả hai bên đồng ý không tiết lộ thông tin nhất định và/hoặc sử dụng thông tin chỉ cho mục đích hạn chế.	4, 18
Công bố phòng thủ	Còn được gọi là sự bộc lộ phòng thủ . Một chiến lược SHTT để đảm bảo rằng các bên thứ ba không giành được độc quyền sáng chế đối với một sáng chế. Nó liên quan đến việc công bố phần mô tả và/hoặc hình vẽ của các sáng chế để nó trở thành tình trạng kỹ thuật, do đó ngăn cản người khác được cấp bằng độc quyền sáng chế cho sáng chế đó.	5
Phần mô tả	Cấu thành nên Bản mô tả . Phần của đơn đăng ký sáng chế bộc lộ sáng chế một cách đủ rõ ràng và đầy đủ để cho phép người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực tương ứng hiểu được sáng chế như được yêu cầu bảo hộ và thực hiện sáng chế đó mà không cần thực hiện quá nhiều thử nghiệm. Phần mô tả tạo cơ sở cho Yêu cầu bảo hộ - xác định ranh giới pháp lý của sáng chế. Phần mô tả có thể bao gồm đối tượng rộng hơn Yêu cầu bảo hộ, nhưng Yêu cầu bảo hộ không bao giờ được vượt quá phần mô tả.	21

Thuật ngữ	Giải thích*	Phần nội dung tham khảo
Bộc lộ	Việc bộc lộ có thể đề cập đến: 1. Việc bộc lộ đầy đủ đối với sáng chế như là một yêu cầu để được cấp bằng độc quyền sáng chế (xem mục tiếp theo); hoặc 2. Bộc lộ công khai trước khi nộp đơn, điều này có thể làm mất tính mới của một sáng chế, khiến nó không thể được cấp bằng.	5, 8, 11, 18-20
Yêu đối về việc bộc lộ	Luật sáng chế đặt ra quy định chung đối với người nộp đơn là phải bộc lộ sáng chế một cách đủ rõ ràng và đầy đủ để cho phép người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật tương ứng hiểu được sáng chế được yêu cầu bảo hộ và thực hiện sáng chế đó mà không cần quá nhiều thử nghiệm. Ở một số quốc gia, luật sáng chế cũng yêu cầu bộc lộ "phương án tốt nhất" của tác giả sáng chế trong việc tạo ra hoặc thực hiện sáng chế. Việt Nam có yêu cầu về việc mô tả chi tiết một hoặc một số phương án thực hiện, ví dụ thực hiện và những lợi ích (hiệu quả) có thể đạt được của sáng chế.	11
Hình vẽ	Hình vẽ minh họa trong đơn sáng chế có thể cần thiết hoặc hữu ích để hiểu sáng chế.	21
Công ước Sáng chế Châu Âu (EPC)	Hiệp ước thành lập Cơ quan Sáng chế châu Âu (EPO) và quy định một hệ thống pháp lý tự trị theo đó các bằng sáng chế Châu Âu được cấp. Tuy nhiên, sau khi được cấp, bằng sáng chế Châu Âu không phải là quyền nhất thể trên toàn châu Âu mà là tập hợp các bằng sáng chế về cơ bản độc lập, có thể thực thi theo từng quốc gia và có thể bị thu hồi ở từng quốc gia. Thông tin chi tiết hơn có tại www.wipo.int/wipolex/en/other_treaties/details.jsp?group_id=21&treaty_id=226 .	26, 30
Độc quyền	Quyền được trao cho chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế (hoặc cho bất kỳ bên nào được chuyển nhượng quyền sở hữu) để ngăn cản người khác chế tạo, sử dụng, bán, chào bán hoặc nhập khẩu cho các mục đích khác nhau đối với sáng chế của họ mà không được sự đồng ý của họ trong một khoảng thời gian nhất định.	1, 3, 12
Nguyên tắc nộp đơn đầu tiên (First-to-file)	Hệ thống trong đó người đầu tiên nộp đơn đăng ký sáng chế sẽ được cấp bằng độc quyền sáng chế nếu có nhiều người nộp đơn đăng ký yêu cầu bảo hộ cho cùng một sáng chế.	18, 19
Nguyên tắc người đầu tiên sáng chế (First-to-invent)	Hệ thống trong đó người đầu tiên tạo ra sáng chế sẽ được quyền bảo hộ sáng chế nếu có nhiều người nộp đơn đăng ký yêu cầu bảo hộ cho cùng một sáng chế. Hoa Kỳ tiếp tục sử dụng hệ thống người đầu tiên sáng chế đối với các đơn xin cấp bằng sáng chế được nộp vào hoặc trước ngày 15 tháng 3 năm 2013. Kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2013, Hoa Kỳ đã áp dụng hệ thống nộp đơn đầu tiên tương tự như hầu hết các quốc gia khác.	18 (chú thích 12), 19 (bảng)
Tự do sử dụng (Freedom to operate - FTO)	Điều kiện trong đó hành động cụ thể, chẳng hạn như thử nghiệm hoặc thương mại hóa một sản phẩm, có thể được thực hiện mà không xâm phạm các quyền sáng chế của người khác.	14 (bảng)
Thời gian ân hạn	Pháp luật của một số quốc gia quy định thời gian ân hạn là sáu hoặc 12 tháng (Việt Nam áp dụng thời gian ân hạn là 12 tháng), kể từ thời điểm một sáng chế bị bộc lộ bởi tác giả sáng chế hoặc người nộp đơn cho đến khi đơn được nộp đơn, trong đó sáng chế không bị mất khả năng cấp bằng sáng chế vì sự bộc lộ đó. Thời gian ân hạn sẽ không mang lại cho người nộp đơn ngày ưu tiên sớm hơn.	19, 20

Thuật ngữ	Giải thích*	Phần nội dung tham khảo
Khả năng áp dụng công nghiệp	Một trong những tiêu chí về khả năng cấp bằng sáng chế quy định rằng sáng chế đó có thể được tạo ra hoặc sử dụng trong một số ngành công nghiệp, được hiểu theo nghĩa rộng nhất của nó. Việt Nam cũng có quy định tương tự liên quan đến tiêu chí này. Một số quốc gia yêu cầu tính hữu dụng thay vì khả năng áp dụng công nghiệp.	10
Sở hữu trí tuệ	Sở hữu trí tuệ đề cập đến sự sáng tạo của trí óc: sáng chế, văn học và tác phẩm nghệ thuật và biểu tượng, tên, hình ảnh và kiểu dáng được sử dụng trong thương mại.	4
Đơn sáng chế quốc tế	Đơn đăng ký sáng chế được nộp theo Hiệp ước Hợp tác Sáng chế (PCT).	30
Phân loại sáng chế quốc tế (IPC)	Hệ thống phân cấp trong đó toàn bộ các lĩnh vực công nghệ được chia thành một loạt các phần, lớp, phân lớp và các nhóm để phân loại các sáng chế và mẫu hữu ích. IPC là một công cụ không thể thiếu để truy xuất các tài liệu sáng chế trong việc tra cứu tình trạng kỹ thuật. Thông tin chi tiết tại www.wipo.int/classifications/ipc .	15 (bảng)
Sáng chế	Giải pháp cho một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực công nghệ. Sáng chế có thể liên quan đến sản phẩm hoặc quy trình.	2
Trình độ sáng tạo	Còn được gọi là tính không hiển nhiên . Một trong các tiêu chí về khả năng cấp bằng sáng chế, yêu cầu rằng sáng chế phải không hiển nhiên đối với người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật tương ứng.	1, 6, 9
Hợp đồng li-xăng	Hợp đồng giữa chủ sở hữu sáng chế (người cấp li-xăng) và người khác (người được cấp li-xăng) cho phép sử dụng các quyền đó, theo các điều kiện được thỏa thuận, chẳng hạn để đổi lấy một số cân nhắc lựa chọn, thường là một khoản thanh toán (phí li-xăng). Ở Việt Nam, hợp đồng này được gọi là hợp đồng chuyển quyền sử dụng (đối tượng sở hữu công nghiệp).	3, 33-35, 39
Thỏa thuận không bộc lộ (Non-disclosure agreement - NDA)	Xem, Thỏa thuận bảo mật .	4, 18
Không hiển nhiên	Xem, Trình độ sáng tạo .	1, 6, 9
Tính mới	Một trong các tiêu chí về khả năng cấp bằng độc quyền sáng chế mà yêu cầu sáng chế phải mới so với tình trạng kỹ thuật. Khi sáng chế có thể được tìm thấy trong một tài liệu đối chứng, nó được cho là đã "được dự đoán trước". Tính mới không phải là một cái gì đó mà có thể được chứng minh hoặc thiết lập mà chỉ có thể chứng minh không có tính mới.	6, 8, 19, 28
Công ước Paris về bảo hộ Sở hữu công nghiệp	Được quản lý bởi Tổ chức Sở hữu Trí tuệ thế giới (WIPO), Công ước Paris là điều ước quốc tế lớn đầu tiên liên quan đến việc bảo hộ các quyền sở hữu công nghiệp, trong đó có bằng sáng chế. Ví dụ, Công ước này quy định các quy tắc giúp công dân của một quốc gia có được sự bảo hộ tại các quốc gia khác đối với các sáng tạo trí tuệ của họ và quyền ưu tiên (xem quyền ưu tiên). Thông tin chi tiết hơn tại www.wipo.int/treaties/en/ip/paris/index.html	
Đối tượng có thể được bảo hộ sáng chế	Lĩnh vực công nghệ mà luật của một quốc gia cho phép bảo hộ sáng chế. Nhìn chung, đối tượng có thể được bảo hộ sáng chế được xác định theo luật và thường được xác định theo các ngoại lệ đối với khả năng cấp bằng độc quyền sáng chế, nguyên tắc chung là bảo hộ cho các sáng chế trong tất cả	6, 7

Thuật ngữ	Giải thích*	Phần nội dung tham khảo
	các lĩnh vực công nghệ. Việt Nam cũng có quy định về các đối tượng loại trừ, không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế và đảm bảo việc cân bằng lợi ích giữa chủ sở hữu và lợi ích công cộng.	
Bảng độc quyền sáng chế	Tài liệu do cơ quan nhà nước (hoặc cơ quan khu vực đại diện cho một số quốc gia) ban hành trong đó mô tả sáng chế và cấp độc quyền có giới hạn về thời gian để sản xuất, sử dụng hoặc bán sản phẩm hoặc quy trình. Tại Việt Nam, Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan tiếp nhận, xử lý đơn đăng ký sáng chế và cấp/từ chối cấp bằng độc quyền sáng chế.	1
Đơn đăng ký sáng chế	Đơn đăng ký sáng chế nộp cho Cơ quan sáng chế (ở Việt Nam là Cục Sở hữu trí tuệ). Đơn bao gồm tờ khai, phần mô tả sáng chế, một hoặc nhiều điểm yêu cầu bảo hộ, một hoặc nhiều hình vẽ (nếu cần) và bản tóm tắt. Thuật ngữ này cũng có thể đề cập đến quá trình nộp đơn yêu cầu cấp bằng độc quyền sáng chế.	5, 8, 11, 14,15, 16, 18,19, 21, 25, 26, 28
Hiệp ước hợp tác sáng chế (PCT)	Điều ước quốc tế do Tổ chức Sở hữu Trí tuệ thế giới (WIPO) quản lý. PCT là một hệ thống tạo điều kiện thuận lợi cho việc nộp đơn đăng ký sáng chế trên khắp thế giới, giúp người nộp đơn có thêm thời gian để quyết định xem họ muốn bảo hộ sáng chế ở quốc gia nào. PCT cho phép nộp một "đơn quốc tế" duy nhất và việc chuẩn bị báo cáo tra cứu và ý kiến bằng văn bản (của một trong các cơ quan sáng chế lớn được chỉ định là "Cơ quan quốc tế") phản ánh khả năng được cấp bằng sáng chế. Sau đó, người nộp đơn có thể đưa ra quyết định sáng suốt là có nên nộp đơn xin cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hay không và ở đâu. Chỉ tại thời điểm này, bản dịch đơn và việc thanh toán phí quốc gia mới là bắt buộc. Bằng sáng chế được cấp thông qua việc nộp đơn PCT là bằng sáng chế quốc gia, được cấp bởi Cơ quan sáng chế của mỗi quốc gia theo theo luật sáng chế của quốc gia đó. Tuy nhiên, mỗi quốc gia thành viên phải công nhận ngày nộp đơn ban đầu của người nộp đơn cho việc xác lập quyền ưu tiên, bao gồm cả việc xác định những gì mà giải pháp kỹ thuật đã biết (tài liệu đối chứng) áp dụng cho việc phân tích về khả năng cấp bằng sáng chế. Để biết thêm thông tin hãy truy cập tại www.wipo.int/pct .	27-30
Thông tin sáng chế	Thông tin kỹ thuật và pháp lý trong các tài liệu sáng chế được các cơ quan sáng chế công bố định kỳ. Khoảng 2/3 thông tin kỹ thuật được bộc lộ trong các bằng độc quyền sáng chế không bao giờ được công bố ở nơi khác. Điều này làm cho thông tin sáng chế trở thành bộ sưu tập toàn diện nhất về dữ liệu công nghệ được phân loại.	14-15
PATENTSCOPE	Cơ sở dữ liệu tra cứu trực tuyến miễn phí bao gồm tất cả các đơn PCT cũng như các tài liệu sáng chế được công bố bởi các Cơ quan quốc gia và khu vực tham gia. Thông tin chi tiết tại www.wipo.int/patentscope .	15
Người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật tương ứng	Một người giả định được coi là có các kỹ năng và kiến thức trung bình trong một lĩnh vực kỹ thuật cụ thể mà không được coi là thiên tài. Trong hầu hết các luật sáng chế, người có hiểu biết trung bình trình trong lĩnh vực kỹ thuật tương ứng được sử dụng như là tham chiếu để xác định hoặc ít nhất là đánh giá xem một sáng chế có trình độ sáng tạo hay không và xác định sáng chế có được bộc lộ một cách đầy đủ trong phần mô tả trong bằng độc quyền sáng chế hoặc đơn đăng ký sáng chế hay không.	9, 11, 21
Tình trạng kỹ thuật	Tất cả các kiến thức liên quan tồn tại trước ngày ưu tiên của đơn đăng ký sáng chế. Ở một số quốc gia, có sự khác biệt giữa các ấn phẩm in, việc tiết lộ bằng lời nói và sử dụng trước và nơi công bố hoặc bộc lộ xảy ra, Việt Nam cũng vậy. Tình mới và trình độ sáng tạo phải được đánh giá trên cơ sở tình trạng kỹ thuật đã biết.	15

Thuật ngữ	Giải thích*	Phần nội dung tham khảo
Ngày ưu tiên	Còn được gọi là ngày nộp đơn có hiệu lực . Đây là ngày nộp đơn sớm nhất được yêu cầu hưởng quyền ưu tiên. Ngày này đặc biệt quan trọng để xác định tài liệu đối chứng có liên quan để đánh giá tính mới và trình độ sáng tạo.	21, 28
Quyền ưu tiên	Quyền có thời hạn, được thiết lập bởi ngày đầu tiên nộp đơn sáng chế. Ảnh hưởng của quyền ưu tiên là ở chỗ, mọi việc nộp đơn đăng ký sáng chế tiếp theo cho cùng một sáng chế đó tại một số quốc gia khác trước khi hết thời hạn ưu tiên sẽ không bị vô hiệu bởi bất kỳ hành vi nào được thực hiện trong khoảng thời gian đó, ví dụ, việc nộp đơn khác. Khi nộp đơn tiếp theo, người nộp đơn phải “yêu cầu hưởng quyền ưu tiên” của đơn đầu tiên để được hưởng quyền ưu tiên. Cơ sở cho quyền ưu tiên là Điều 4 của Công ước Paris.	21, 28
Đơn sáng chế tạm thời (PPA)	PPA có thể được coi là “đơn yêu cầu cấp bằng sáng chế đầu tiên với chi phí thấp hơn tạm thời”. Nó chỉ chứa một phần thông tin cần thiết trong đơn sáng chế thông thường và cho phép người nộp đơn bảo đảm ngày nộp đơn đầu tiên một cách nhanh chóng. Tuy nhiên, đơn PPA chỉ là tạm thời. Đơn xin cấp bằng sáng chế thông thường phải được nộp trong vòng một năm nếu không đơn đăng ký sẽ bị coi là rút bỏ.	16, 20 (bảng)
Công bố	Việc công bố có thể xảy ra ở các giai đoạn khác nhau trong quá trình theo đuổi đơn. Ở một số quốc gia, tài liệu sáng chế chỉ được công bố khi một bằng sáng chế đã được cấp. Ở các nước khác, đơn đăng ký sáng chế thường được công bố sau 18 tháng kể từ ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên, nếu có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên. Việc công bố đơn sáng chế đánh dấu ngày bộc lộ công khai cho công chúng. Tại Việt Nam, công bố đơn trong tháng thứ 19 kể từ ngày ưu tiên đối với đơn được hưởng quyền ưu tiên hoặc ngày nộp đơn, nếu đơn không có ngày ưu tiên hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày chấp nhận đơn hợp lệ tùy theo ngày nào muộn hơn và công bố quyết định cấp văn bằng bảo hộ trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ra quyết định.	5 (bảng), 16 (bảng), 23
Công cộng	Nói chung, một sáng chế hoặc tác phẩm sáng tạo được coi là thuộc lĩnh vực công cộng nếu không có hạn chế pháp lý nào đối với việc sử dụng bởi công chúng.	5 (bảng), 14 (bảng), 24
Đơn sáng chế khu vực	Đơn đăng ký sáng chế được nộp cho một trong các cơ quan sáng chế khu vực.	30, Phụ lục III
Phí li-xăng	Một hình thức bồi thường dựa trên phần trăm doanh thu hoặc doanh số bán hàng theo thỏa thuận, thường là thỏa thuận li-xăng.	33, 35
Quyền lãnh thổ	Quyền chỉ có thể được thực thi ở các quốc gia hoặc khu vực mà quyền đó đã được thiết lập và có hiệu lực.	1
Yêu cầu về tính thống nhất của sáng chế	Theo hầu hết các luật sáng chế và cả ở Việt Nam, mỗi đơn đăng ký chỉ nên liên quan đến một sáng chế; trường hợp nhiều sáng chế được đề cập trong một đơn chỉ được phép nếu tất cả các sáng chế đó có mối liên hệ chặt chẽ để thực hiện một ý đồ sáng tạo chung duy nhất. Yêu cầu này nhằm tránh việc nộp một đơn đăng ký sáng chế cho một số sáng chế trong khi chỉ phải trả một khoản phí. Tính thống nhất của sáng chế cũng làm cho việc phân loại các tài liệu sáng chế trở nên dễ dàng hơn.	26

Thuật ngữ	Giải thích*	Phần nội dung tham khảo
Tính hữu dụng	Một trong những tiêu chí về khả năng cấp bằng sáng chế được sử dụng ở một số quốc gia thay vì khả năng áp dụng công nghiệp . Một sáng chế được coi là hữu dụng nếu nó thực hiện chức năng được chỉ định và cung cấp một số lợi ích có thể xác định được.	10
Mẫu hữu ích	Còn được gọi là bằng độc quyền sáng chế ngắn hạn , bằng độc quyền sáng chế nhỏ hoặc bằng độc quyền sáng chế đổi mới . Mẫu hữu ích là một dạng quyền SHTT đặc biệt đối với các sáng chế do một số quốc gia cấp cho tác giả sáng chế hoặc người được chuyển nhượng của họ trong một khoảng thời gian giới hạn. Thời hạn bảo hộ ngắn hơn đối với bằng sáng chế thông thường và các điều kiện để được cấp cũng ít nghiêm ngặt hơn. Mẫu hữu ích có thể là một giải pháp thay thế quan trọng cho các bằng sáng chế ở các quốc gia mà chúng được áp dụng. Việt Nam có quy định về sáng chế được bảo hộ dưới hình thức bằng độc quyền giải pháp hữu ích có hiệu lực kể từ ngày cấp kéo dài đến hết 10 năm kể từ ngày nộp đơn.	4, 6 (bảng), 23

* Các giải thích được đưa ra ở đây liên quan cụ thể đến luật sáng chế hoặc các quy định cụ thể liên quan đến sáng chế trong Luật Sở hữu trí tuệ nói chung

PHỤ LỤC III - NHỮNG LẦM TƯỞNG VÀ HIỂU LẦM VỀ BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

Tôi có thể nhận được bằng độc quyền sáng chế cho một ý tưởng.

Một ý tưởng không thể được cấp bằng độc quyền sáng chế, bởi vì ý tưởng chỉ là tuyên bố về vấn đề cần được giải quyết và thực hiện về mặt kỹ thuật (xem, Mục 1). Ví dụ, bạn có thể tự nói với chính mình: “Sẽ là tuyệt vời nếu máy giặt của tôi có thể giặt quần áo mà không cần nước và do đó thân thiện với môi trường hơn?” Tại thời điểm này, bạn không tạo ra sáng chế, chỉ đơn thuần là xác định nhu cầu hoặc vấn đề. Sáng chế là giải pháp cho vấn đề đó (xem Mục 2). Bạn phải thiết kế một máy giặt cho phép giặt hiệu quả mà không cần sử dụng nước. Sáng chế mô tả một thứ hữu hình đủ tốt để người khác có thể tạo ra nó.

Bạn không thể được cấp bằng độc quyền sáng chế cho một ý tưởng hoặc gợi ý đối với quy trình, máy móc, vật dụng mới, v.v. Bạn chỉ có thể được cấp bằng độc quyền sáng chế cho sáng chế thực sự và bạn phải cung cấp cho cơ quan sáng chế bản mô tả kỹ thuật đầy đủ về cách thức hoạt động thực tế của sáng chế đó (xem Mục 11).

Ý tưởng có thể bị người khác lấy, vì vậy, cách khôn ngoan là bạn nên giữ bí mật hoặc chỉ chia sẻ nó bí mật theo cách không bị tiết lộ ra ngoài cho đến khi bạn phát triển nó thành một sáng chế và nộp đơn đăng ký sáng chế. Nếu bạn cần bày tỏ ý tưởng của mình với một bên khác,

trước tiên bạn nên yêu cầu họ ký thỏa thuận bảo mật (xem, nội dung sau Mục 5).

Tôi nên nộp đơn sáng chế trước khi hoàn tất việc biến ý tưởng của mình thành một sáng chế có tính khả thi.

Việc đăng ký sáng chế luôn phải được xem xét vào thời điểm thích hợp. Trước khi nộp đơn đăng ký sáng chế, hãy thực hiện các bước sau:

- Xác định tính khả thi về mặt kỹ thuật và việc thực hiện ý tưởng của bạn cho đến giai đoạn sáng chế.
- Đánh giá tiềm năng thương mại của sáng chế, nghĩa là quyết định xem liệu sáng chế có đáng giá đối với thời gian, công sức và chi phí bỏ ra cho việc nộp đơn đăng ký sáng chế và theo đuổi đến khi được cấp bằng hay không (xem Mục 5).
- Thực hiện tra cứu đánh giá khả năng cấp bằng độc quyền sáng chế (xem Mục 6, 14 và 15).
- Thu thập và đối chiếu tất cả các thông tin cần thiết để soạn thảo đơn đăng ký (xem Mục 18).

Khi tôi đã nộp đơn sáng chế, sáng chế của tôi sẽ được bảo hộ dưới dạng bằng độc quyền sáng chế ngay lập tức.

Sáng chế chỉ được bảo hộ đầy đủ kể từ ngày bằng độc quyền sáng chế được cấp cho sáng chế đó chứ không phải ngày nó được nộp đơn (xem Mục 23). Ngoài

ra, không có gì đảm bảo rằng bằng sáng chế sẽ được cấp bằng, bởi vì cơ quan sáng chế có thể từ chối đơn sáng chế của bạn vì một số lý do - ví dụ: nếu sáng chế được yêu cầu bảo hộ không đáp ứng các yêu cầu về khả năng cấp bằng độc quyền sáng chế (xem Mục 6) hoặc nếu người khác đã bộc lộ sáng chế cho công chúng, chẳng hạn như bằng cách xuất bản một bài báo về nó (xem Mục 19). Tuy nhiên, ở một số quốc gia có cơ chế “bảo hộ tạm thời” - quyền được áp dụng đối với các đơn đăng ký sáng chế đã được công bố nhưng chưa được cấp. Việt Nam cũng có quy định về Quyền tạm thời đối với sáng chế (xem Mục 23).

Việc cấp bằng sáng chế có nghĩa là chính phủ đã xác nhận rằng sáng chế đó sẽ hoạt động hoặc khả thi về mặt thương mại.

Chính phủ không tham gia vào việc thử nghiệm một sáng chế để xem liệu nó có hoạt động và/hoặc khả thi về mặt thương mại hay không. Một số cơ quan sáng chế chỉ xem xét tính hợp lệ về hình thức của đơn và đánh giá sáng chế được yêu cầu bảo hộ có thuộc đối tượng được bảo hộ hay không. Trong khi một số cơ quan sáng chế khác xem xét các đơn đăng ký để đảm bảo chúng đáp ứng các yêu cầu về thủ tục hành chính và, ở một số quốc gia, là xem xét các yêu cầu về khả năng cấp bằng, tuy nhiên cơ quan sáng chế không xem xét thực tế sáng chế có thực hiện được chức năng của nó hay không. Tại Việt Nam, Cục Sở hữu

trí tuệ xem xét, thẩm định đơn đăng ký sáng chế cả về hình thức và nội dung (xem Mục 16 để biết thêm thông tin về quy trình thẩm định sáng chế).

Bằng sáng chế sẽ làm cho tôi giàu có.

Không có gì đảm bảo rằng một sáng chế đã được cấp bằng sáng chế sẽ được bán. Trên thực tế, hơn 90% bằng sáng chế không tạo ra bất kỳ khoản thu nhập nào. Điều này xảy ra vì nhiều lý do, chẳng hạn như đánh giá không đầy đủ về tiềm năng thương mại hoặc quảng cáo và xúc tiến sáng chế không đủ hiệu quả. Vì chi phí liên quan đến việc cấp bằng sáng chế cho một sáng chế là cao và thậm chí nhiều hơn nữa khi đưa nó ra thị trường, nên điều quan trọng là phải thực hiện phân tích chi phí/lợi ích trước khi đầu tư vào việc bảo hộ sáng chế của bạn thông qua bằng sáng chế (xem Mục 17, 31 và 32).

Bằng sáng chế cho phép tôi quyền chế tạo, sử dụng và bán sản phẩm thuộc phạm vi sáng chế của tôi.

Bằng sáng chế chỉ cho phép chủ sở hữu của nó ngăn cản người khác chế tạo, sử dụng và bán chính xác những gì được bao hàm trong Yêu cầu bảo hộ của bằng sáng chế của họ. Người sở hữu sáng chế trước với phạm vi yêu cầu bảo hộ rộng hơn có thể ngăn cản tác giả sáng chế có bằng sáng chế với phạm vi yêu cầu bảo hộ hẹp hơn sử dụng bằng sáng chế của chính tác giả này (xem Mục 1).

Tôi phải có được bằng sáng chế để tôi đa hóa giá trị sáng chế của mình.

Không cần thiết. Trên thực tế, tùy thuộc vào bản chất của sáng chế, có thể có các hình thức bảo vệ pháp lý khác phù hợp hơn với chiến lược kinh doanh của bạn, chẳng hạn như mẫu hữu ích hoặc bí mật kinh doanh (xem Mục 4). Nhưng với nhiều lợi ích của bằng sáng chế đem lại, bạn nên thực hiện phân tích chi phí/lợi ích trước khi nộp đơn đăng ký sáng chế, có tính đến thời gian và chi phí thanh toán định kỳ cho việc duy trì hiệu lực bằng độc quyền sáng chế (xem Mục 3).

Một khi sáng chế của tôi được cấp bằng sáng chế, cơ quan sáng chế sẽ ngăn cản người khác xâm phạm.

Cơ quan sáng chế không thực thi các quyền sáng chế của bạn. Với tư cách là chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế, bạn có trách nhiệm giám sát và thực thi các quyền của mình (xem Mục 41). Điều này có thể yêu cầu bạn cần thực hiện hành động pháp lý để giải quyết tại tòa án quốc gia.

Nếu tôi nhận được bằng sáng chế ở quốc gia của mình, các quyền về bằng sáng chế của tôi có thể thực thi trên toàn thế giới.

Hiện tại, không tồn tại “bằng sáng chế thế giới” hoặc “bằng sáng chế liên quốc gia” mà tạo ra một quyền sáng chế duy nhất trên toàn thế giới.

Nói chung, đơn xin cấp bằng sáng chế

phải được nộp và bằng sáng chế được cấp và thực thi ở mỗi quốc gia mà bạn yêu cầu bảo hộ sáng chế của mình theo pháp luật của quốc gia đó. Tuy nhiên, có một số cơ quan sáng chế khu vực, chẳng hạn như Cơ quan Sáng chế Châu Âu (EPO) và Tổ chức Sở hữu trí tuệ khu vực Châu Phi (ARIPO), chấp nhận các đơn xin cấp bằng sáng chế trong khu vực hoặc cấp bằng sáng chế có cùng hiệu lực với các đơn đã nộp hoặc các bằng sáng chế đã được cấp, tại các quốc gia là thành viên của khu vực đó (xem Mục 27–30). Thuật ngữ “**Bằng độc quyền sáng chế Châu Âu**” chỉ là định nghĩa ngắn gọn dùng để chỉ tập hợp các quyền đối với sáng chế theo phạm vi quốc gia và lãnh thổ xuất phát từ một đơn đăng ký được tạo thuận lợi theo Công ước Sáng chế Châu Âu (EPC). Điều này trái ngược với các chế độ hiện có trong Liên minh Châu Âu về cái gọi là “Nhãn hiệu cộng đồng” và “Kiểu dáng cộng đồng” (và chế độ đang chờ xử lý sẽ thiết lập “Sáng chế cộng đồng”), thiết lập một quyền sở hữu trí tuệ thống nhất trong lãnh thổ của Cộng đồng châu Âu.

Ngoài ra, người cư trú hoặc công dân bất kỳ của một quốc gia ký kết Hiệp ước Hợp tác Sáng chế (PCT) đều có thể nộp đơn quốc tế theo PCT. Hệ thống này cho phép đơn đăng ký đó có hiệu lực tương tự như đơn đăng ký quốc gia được nộp tại mỗi quốc gia ký hết Hiệp ước PCT (xem Mục 30). Hệ thống nộp đơn quốc tế PCT không dẫn đến bằng sáng chế “quốc tế”, nhưng cung cấp lộ trình để bảo hộ sáng chế ở nhiều quốc gia. Bằng

sáng chế có được từ đơn PCT là bằng sáng chế quốc gia/khu vực, được cấp bởi cơ quan sáng chế quốc gia có thẩm quyền theo luật sáng chế quốc gia. Tuy nhiên, vì tất cả các bằng sáng chế này về cơ bản là cùng áp dụng cho cùng một sáng chế, yêu cầu bảo hộ và nội dung khác của các bằng sáng chế dựa trên PCT về cơ bản sẽ giống nhau (tùy thuộc vào việc sửa đổi trong quá trình theo đuổi đơn ở pha quốc gia).

Bạn nên bảo vệ sáng chế của mình ở mọi quốc gia nơi sản phẩm được sản xuất, phân phối và bán hoặc quy trình được sử dụng và các hệ thống khu vực và quốc tế về đăng ký sáng chế có thể tạo điều kiện và đơn giản hóa cho việc đăng ký ở nhiều quốc gia.

Các yêu cầu về thủ tục và nội dung đối với việc cấp bằng sáng chế cũng như chi phí cần thiết là khác nhau giữa các quốc gia/khu vực. Do đó, nên tham khảo ý kiến của các đại diện sáng chế hoặc luật sư hoặc các cơ quan sở hữu trí tuệ của các quốc gia liên quan. Danh sách các URL và danh mục các cơ quan sở hữu trí tuệ quốc gia và khu vực có tại địa chỉ www.wipo.int/directory/en/urls.jsp.

Đối với mỗi quốc gia nơi tôi muốn bảo hộ sáng chế của mình, tôi phải nộp đơn đăng ký vào cùng một ngày để đảm bảo họ được hưởng lợi từ ngày nộp đơn sớm nhất.

Khi đơn đăng ký sáng chế được nộp tại một quốc gia, ngày nộp đơn của đơn đầu tiên đó được gọi là ngày ưu tiên. Bất kỳ

đơn đăng ký tiếp theo nào được nộp tại các quốc gia khác là thành viên của Liên minh Paris và/hoặc Tổ chức Thương mại Thế giới trong vòng 12 tháng (tức là trong giai đoạn đầu) cho cùng một sáng chế, sẽ được hưởng lợi từ ngày nộp đơn đầu tiên, ví dụ, cho việc nộp đơn quốc tế sau này theo Hiệp ước PCT. Điều này cho phép các đơn tiếp theo được nộp trong khoảng thời gian ưu tiên được ưu tiên so với các đơn đăng ký cho cùng một sáng chế do những người khác nộp sau ngày ưu tiên (xem Mục 28).

Luật sư sáng chế phải viết và nộp đơn sáng chế của bạn.

Đối với các đơn đăng ký trong nước, bất kỳ ai cũng có thể chuẩn bị và nộp đơn đăng ký sáng chế, nhưng đây là một công việc phức tạp và rất rủi ro khi thực hiện nếu không có sự hỗ trợ của đại diện hoặc luật sư sáng chế. Cần lưu ý rằng hầu hết các luật quốc gia đều yêu cầu người nộp đơn nước ngoài phải được đại diện bởi đại diện hoặc luật sư sáng chế cư trú tại quốc gia sở tại và pháp luật Việt Nam cũng có quy định như vậy (xem Mục 25).

Bằng sáng chế bảo hộ cho bất cứ thứ gì được minh họa trong hình vẽ của nó.

Yêu cầu bảo hộ của đơn đăng ký sáng chế sẽ xác định phạm vi bảo hộ chứ không phải các hình vẽ. Các hình vẽ có thể hỗ trợ minh họa các dấu hiệu (chi tiết) kỹ thuật của sáng chế nhưng không phải lúc nào cũng là một cấu phần cần

thiết của đơn đăng ký. Yêu cầu bảo hộ là quan trọng đối với đơn đăng ký và phải được soạn thảo cẩn thận để bảo hộ sáng chế một cách hợp lý (xem Mục 21). Yêu cầu bảo hộ của đơn đăng ký sáng chế sẽ xác định phạm vi bảo hộ chứ không phải các hình vẽ. Các hình vẽ có thể hỗ trợ minh họa các dấu hiệu (chi tiết) kỹ thuật của sáng chế nhưng không phải lúc nào cũng là một cấu phần cần thiết của đơn đăng ký. Yêu cầu bảo hộ là quan trọng đối với đơn đăng ký và phải được soạn thảo cẩn thận để bảo hộ sáng chế một cách hợp lý (xem Mục 21).

Tôi không sao chép bất kỳ phần nào trong sáng chế của mình từ các sản phẩm hiện có nên tôi chắc chắn rằng mình không xâm phạm bất kỳ bằng sáng chế nào.

Các khiếu nại về vi phạm sáng chế không dựa trên việc những người vi phạm đã biết về bằng độc quyền sáng chế hay cố tình sao chép sáng chế đã được cấp bằng độc quyền sáng chế. Bằng sáng chế của những người khác có thể bị xâm phạm ngay cả khi người sản xuất không biết rằng những bằng độc quyền sáng chế đó tồn tại. Đây là lý do tại sao điều quan trọng là phải tra cứu tình trạng kỹ thuật trước khi đầu tư mạnh vào sáng chế và chuẩn bị đưa nó ra thị trường (xem Mục 14 và 15).

Sáng chế của tôi chỉ là một cải tiến của công nghệ hiện có, vì vậy tôi không thể được cấp bằng độc quyền sáng chế.

Rất nhiều sáng chế được cấp bằng độc quyền sáng chế cho những cải tiến nhỏ đối với công nghệ hiện có. Một sáng chế không cần phải là một tiến bộ lớn trong lĩnh vực tương ứng để đủ điều kiện được cấp bằng độc quyền sáng chế. Miễn là sáng chế đáp ứng các yêu cầu về khả năng cấp bằng độc quyền sáng chế, bạn có thể tự do đăng ký sáng chế (xem Mục 6). Tuy nhiên, nếu bạn sử dụng công nghệ đã được cấp bằng độc quyền sáng chế của người khác trong sáng chế của mình thì bạn cần phải được sự cho phép của chủ sở hữu sáng chế khác đó để thương mại hóa sáng chế đã được cấp bằng sáng chế của mình (xem Mục 12).

Đơn sáng chế tạm thời là bước đầu tiên bình thường hoặc được ưu tiên trên con đường thu được bằng độc quyền sáng chế.

Đơn sáng chế tạm thời chỉ khả dụng ở một số quốc gia và mặc dù lệ phí nộp đơn thấp hơn, tuy nhiên đơn đăng ký sáng chế đầy đủ sẽ vẫn cần được nộp trước khi kết thúc thời hạn tạm thời 12 tháng để bảo hộ sáng chế. Tùy thuộc vào chiến lược kinh doanh của bạn, có những chi phí và lợi ích khi sử dụng đơn sáng chế tạm thời và chi tiết về cách thức hoạt động của chúng khác nhau giữa các quốc gia. Bạn nên tham khảo ý kiến của đại diện sáng chế hoặc luật sư.

Tại Việt Nam, không có quy định và áp

dụng đơn sáng chế tạm thời này.

Đối tượng được thể hiện và/hoặc mô tả trong bằng sáng chế đã hết hạn có thể được cấp bằng lại.

Một khi bằng độc quyền sáng chế hết hạn, sáng chế đó được công chúng sử dụng tự do và không thể được cấp lại. Ngoài ra, vì sáng chế được cấp bằng đã hết hạn đã được bộc lộ cho công chúng thông qua đơn sáng chế, nên sáng chế đó không còn đáp ứng yêu cầu về “tính mới” (xem Mục 8).

Giới hạn trách nhiệm:

Ấn phẩm này được dịch và biên tập lại từ tài liệu gốc “Inventing the Future”, ISBN: 978-92-805-2175-7 do Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) xuất bản theo Giấy phép tài sản sáng tạo công cộng (CC BY 3.0 IGO License). Tham khảo nội dung Giấy phép tại <https://creativecommons.org/licenses/by/3.0/igo/>

WIPO không có nghĩa vụ hay trách nhiệm gì liên quan đến việc chuyển thể, dịch hay biên tập từ nội dung tài liệu gốc.

Cục Sở hữu trí tuệ chịu trách nhiệm và sở hữu quyền tác giả đối với ấn phẩm tiếng Việt này.